



VINATEX

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

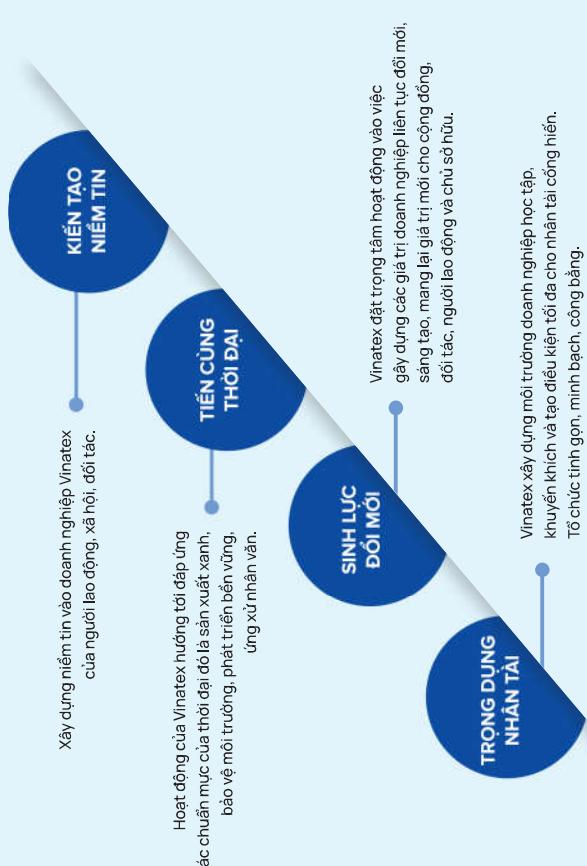
KIẾN TẠO NIỀM TIN

TIẾN CÙNG THỜI ĐẠI

SINH LỰC ĐỔI MỚI

TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2022**



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VINATEX

6

I. MỤC LỤC

II. TỔNG QUAN VINATEX

1. Tổng quan về Tập đoàn	13
2. Thông tin về tổ chức và nhân sự	14
3. Các dấu mốc nổi bật	24
4. Lĩnh vực, năng lực sản xuất kinh doanh chính	26
5. Top 10 sự kiện tiêu biểu Vinatex năm 2022	28



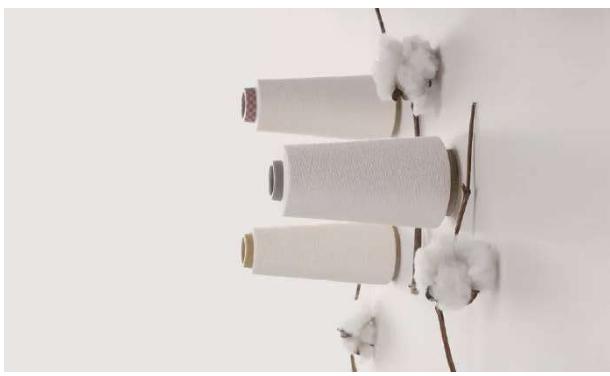
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng quản trị	32
2. Báo cáo Quản trị rủi ro	38
3. Báo cáo Ban Kiểm soát	41
4. Báo cáo hoạt động của Cổ quan điều hành	45
5. Báo cáo tình hình thi trường năm 2022 và triển vọng năm 2023	50
6. Hợp đồng, giao dịch giữa Vinatex với người nội bộ và các bên liên quan của người nội bộ	56



IV. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Chính sách liên quan đến người lao động	66
2. Hiện đại hóa gắn với phát triển bền vững, thân thiện môi trường	68
3. Chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất	71
4. Các hoạt động cộng đồng, an sinh tiêu biểu	76



V. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Chính sách liên quan đến người lao động	66
2. Hiện đại hóa gắn với phát triển bền vững, thân thiện môi trường	68
3. Chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất	71
4. Các hoạt động cộng đồng, an sinh tiêu biểu	76

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

78



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VINATEX

CHƯƠNG I

I. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các đơn vị đối tác!

Các giải pháp chủ yếu trong thời gian tới là:

*Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh doanh các DN hàng hóa liên kết và cạnh tranh như một единица thống nhất. Hướng tới đội ngũ nhân viên tương đương dengan các DN hàng đầu trong lĩnh vực dệt may thế giới (world class-team).
*Quản lý và đầu tư phụ hợp tạo nên năng lượng sảng tạo mới trong sản phẩm và công nghệ. Trước mắt tập trung cho nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới và vài khác biệt có nhu cầu ngày càng lớn mà hiện nay Việt Nam chưa sản xuất.

Trong chủ trương chiến lược của Đảng ủy, Tập đoàn, HĐQT Vinatex, Cơ quan Điều hành tập trung để ra cùm bốn giải pháp lớn KIẾN TẠO NIỀM TIN - TIẾN CUNG THỜI ĐẠI - SINH LỰC ĐỔI MỚI - TRỌNG DỤNG NHÂN TAI. Theo đó, Vinatex xây dựng niềm tin vào doanh nghiệp của người lao động, đổi mới; Phát triển bền vững, hướng tới đáp ứng chuẩn mực của thời đại, đó là: sản xuất xanh, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, ứng xử nhân văn; Vinatex đặt trọng tâm hoạt động vào việc xây dựng các giá trị doanh nghiệp bền vững, đổi mới, sáng tạo, mang lại giá trị cho cộng đồng, đối tác, người lao động và chủ sở hữu; Vinatex xây dựng môi trường doanh nghiệp học tập, khuyến khích và tạo điều kiện tối đa cho nhân tài công hiến, tổ chức tinh gọn, minh bạch, công bằng.

Thay mặt HĐQT và Ban Lãnh đạo Vinatex, tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành và tri ân sâu sắc sự quan tâm của Quý vị, sự hỗ trợ và hợp tác của Tập đoàn May Việt Nam. Hy vọng trong thời gian tới, chúng tôi sẽ có cơ hội hợp tác và đồng hành cùng Quý vị.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công! Trân trọng cảm ơn!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


Lê Tiến Trường

*Tạo giá trị cho cổ đông thông qua phát triển DN trưởng thành như đầu tư có giá trị dài hạn, có trách nhiệm với xã hội. Đồng thời có lợi ích tài chính ngắn hạn hàng năm tốt hơn hình thức tiết kiệm thông thường. Niêm yết trên thị trường chứng khoán để tăng cao thanh khoản và tính minh bạch, tránh nhiệm giải trình của DN với cổ đông và các bên liên quan.

*Phát triển đội ngũ nhân viên giỏi nghề, dù năng lực cạnh tranh trong môi trường sảng tạo và đổi mới liên tục. Xây dựng môi trường "công ty học tập", nhấn mạnh văn hóa học hỏi, không rào cản, không quyết sách đột phá, chưa có tiền lệ để vượt qua.

Trong 3 năm qua, cùng với cả thế giới, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) đã trải qua những thử thách chưa từng có. Tuy nhiên, chính trong thời gian này, dưới áp lực "sống còn" với doanh nghiệp (DN), chúng ta lại có nhiều bước tiến quan trọng, không chỉ đem lại kết quả tài chính tốt nhất 27 năm qua mà còn trong mô hình sản xuất kinh doanh, thay đổi về chất lượng sản phẩm và kinh doanh.

về tỷ suất lợi nhuận hợp nhất trên vốn điều lệ, chúng ta đã cải thiện từ mức 8% trước có phần hoà, 13,5% trong nhiệm kỳ đầu Tập đoàn có phần (2015-2020) lên mức trên 26% trong 2 năm 2021, 2022. Biên lợi nhuận hợp nhất trên doanh thu được cải thiện từ 3,5% (giá doanh 2015-2020) lên 8,5% năm 2021. Năm 2022, thu nhập bình quân của người lao động đạt gần 9,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% so với năm 2021, mức tăng cao nhất từ năm 2015 đến nay. Sự liên kết nội bộ giữa các DN trong Tập đoàn, việc thực hiện quy hoạch chiến lược phát triển của các công ty Tập đoàn chi phối một cách bài bản, tập trung với mục tiêu tạo ra sức mạnh tổng hợp để từng bước tạo ra năng lực cạnh tranh cấp Tập đoàn. Các khách hàng, đối tác và cá nhân lao động đã nhìn nhận rõ hơn sức mạnh chung của cả Tập đoàn.

Vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào phát huy và phát triển đang tốt lên trong 3 năm qua để đến năm 2030, Tập đoàn thực sự mang một hình ảnh mới, một mô hình kinh doanh hiệu quả hơn, bền vững hơn. Để làm điều đó, chúng ta cần cho cả cổ đông, xã hội, giữ gìn được văn hóa và truyền thống Vinatex.

Trước hết phải khẳng định, trong môi trường VUCA (volatility - biến động, uncertainty - không chắc chắn, complexity - phức tạp, ambiguity-mâu hồ), chúng ta không thể hoạch định giải pháp cụ thể chi tiết cho 5 năm - 10 năm, lúc này chỉ có khả năng là làm theo dự báo và hình dung tương lai, ra quyết định - triển khai nhanh trên cơ sở của niềm tin trong toàn bộ hệ thống. Đặc biệt, giải doanh 2023 - 2025 kinh tế thế giới có thể rơi vào khủng hoảng, đòi hỏi phải có những quyết sách đột phá, chưa có tiền lệ để vượt qua.

TỔNG QUAN VINATEX

CHƯƠNG III





II. Thông tin chung

I. Tổng quan về Tập đoàn



Tên tiếng Việt: TẬP ĐOÀN DỆT MÁY VIỆT NAM
Tên tiếng Anh: VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT GROUP



Tên giao dịch: VINATEX



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100008



Vốn điều lệ: 5.000.000.000.000 đồng (Năm nghìn tỷ đồng)



Địa chỉ:
VP HN: 4/A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
VP HCM: 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam



Điện thoại: (+84) 24 3825 7700



Fax: (+84) 24 3826 2269

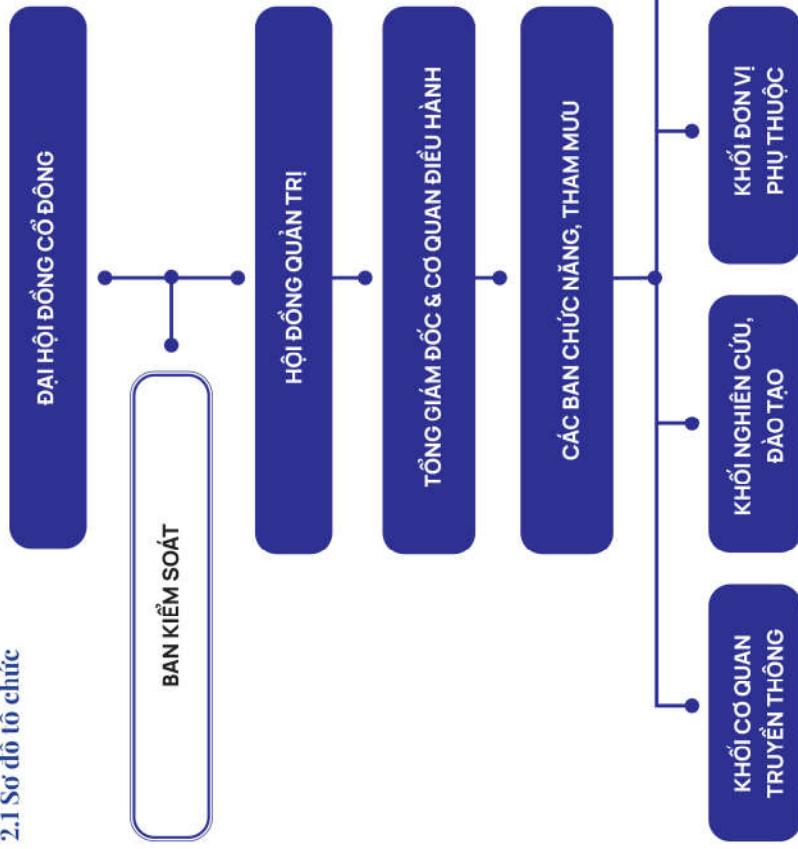


Website: www.vinatex.com.vn

Mã cổ phiếu: VGT

2. Thông tin về tổ chức và nhân sự

2.1 Số đông tổ chức



- | KHỐI ĐƠN VỊ | ĐƠN VỊ |
|-----------------------------|--|
| KHỐI ĐƠN VỊ LIÊN KẾT (<50%) | 1. Tổng Công ty May 10 - CTCP
2. Tổng Công ty CP May Việt Tiến
3. Tổng Công ty Dệt May Huế
4. Công ty CP Sợi Phú Bài
5. Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định
6. Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
7. Công ty CP Sản xuất xuất nhập khẩu Dệt May
8. Công ty CP Phát triển Hà Giang Dệt May Phố Nối
9. Công ty CP May Bình Minh
10. Công ty CP May Nam Định
11. Công ty CP Tổng Công ty May Đầu Cầu Hồng Linh
12. Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex |
| KHỐI ĐƠN VỊ CHI PHỐI (>50%) | 1. Công ty TNHH Tổng Công ty DM Miền Bắc - Vinatex
2. Công ty TNHH Tổng Công ty DM Miền Nam - Vinatex
3. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân
4. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương
5. Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 |
| KHỐI CÔNG TY TNHH | 1. CN TDMMVN - NM Sợi Vinatex Phú Cường
2. CN TDMMVN - NM Sợi Vinatex Nam Định
3. CN TDMMVN - Trung tâm Thời trang Vinatex |
| KHỐI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC | 1. Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
2. Trường CĐ Công nghiệp Dệt - May Nam Định
3. Trường Cao đẳng Công nghệ TP. Hồ Chí Minh
4. Trung tâm Y tế - Bệnh viện Dệt May |

2.2 Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Cơ quan Điều hành

2.2.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (DHĐCD) và/no/đặc quyết định các công việc khi được DHĐCD giao. HĐQT hiện tại gồm 05 thành viên.

Thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Quang Nghị	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Đặng Vũ Hưng	Thành viên HĐQT
4	Vũ Hồng Tuấn	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT



Ông LÊ TIẾN TRƯỜNG
Chủ tịch HĐQT chuyên trách



Ông TRẦN QUANG NGHỊ
Phó Chủ tịch HĐQT



Ông ĐẶNG VŨ HƯNG
Thành viên HĐQT



Ông VŨ HỒNG TUẤN
Thành viên HĐQT



Ông NGUYỄN XUÂN ĐÔNG
Thành viên HĐQT

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị tháng 8/2020. Ông Lê Tiến Trường có hơn 15 năm làm việc trong ngành Dệt May Việt Nam và có hơn 15 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thương trực và đảm nhận vị trí Thành viên Hội đồng Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Vinatex từ tháng 7/2014 - 8/2020.

Ông Lê Tiến Trường; kỹ sư cơ khí, thạc sĩ quản trị nhân lực, từng tu nghiệp sau đại học tại INSEAD (Pháp), Ashridge (Anh), AIT (Thái Lan). Harvard (Mỹ), là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt, trong quản lý và điều hành Tập đoàn.

Ông Nguyễn Xuân Đông được bầu thành viên Hội đồng Quản trị Vinatex từ tháng 1/2015. Ông Đặng Vũ Hưng là cán bộ được đào tạo chuyên sâu ngành Dệt May với học vi Tiên Sỹ Công nghệ Dệt. Với hơn 20 năm công tác, ông đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú - một đơn vị hàng đầu của ngành Dệt May Việt Nam. Ông đã đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Vinatex từ tháng 10/2010 - 6/2014, và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vinatex từ tháng 1/2015 - 8/2020. Ông là người lãnh đạo, quản lý đầy nhiệt huyết, quyết liệt trong quản trị và điều hành, có nhiều đóng góp to lớn trong định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển của Tập đoàn.

Ông Vũ Hồng Tuấn được bầu thành viên Hội đồng Quản trị Vinatex từ tháng 6/2020. Ông Vũ Hồng Tuấn được đào tạo chuyên sâu ngành Dệt May với học vi Tiên Sỹ Công nghệ Dệt. Ông có kinh nghiệm trong ngành dệt may và giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Công ty TNHH Dệt Nhujom Trung Thu, Giám đốc Công ty CP Nhujom Hà Nội, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Len Hà Đông, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt Vịnh Phú. Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP May Nhã Bé, Thành viên HĐQT Công ty TNHH TCT Dệt May miền Bắc - Vinatex, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quốc tế Phong Phú.

Thành viên Ban Kiểm soát

2.2.3 Cơ quan Điều hành

Cơ quan điều hành (CQDH) thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. CQDH của Tập đoàn bao gồm 01 Tổng Giám đốc cùng với các Phó Tổng Giám đốc, một Giám đốc Điều hành, một Kế toán trưởng.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Cao Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc
2	Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc thường trực
3	Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Mạc Thuần	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Đức Trị	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Song Hải	Phó Tổng Giám đốc
7	Phạm Xuân Trình	Giám đốc điều hành
8	Nguyễn Ngọc Cách	Kế toán trưởng



Bà ĐOÀN THỊ THU HƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng là Cử nhân Tài chính Kế toán, đã có 25 năm kinh nghiệm trong công tác Tài chính Kế toán tại các doanh nghiệp Dệt May và giữ chức vụ Phó Trưởng Ban TCKT Tập đoàn Dệt May Việt Nam trước khi được bầu Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn.



Bà NGUYỄN LÊ TRÀ MY

Thành viên Ban Kiểm soát

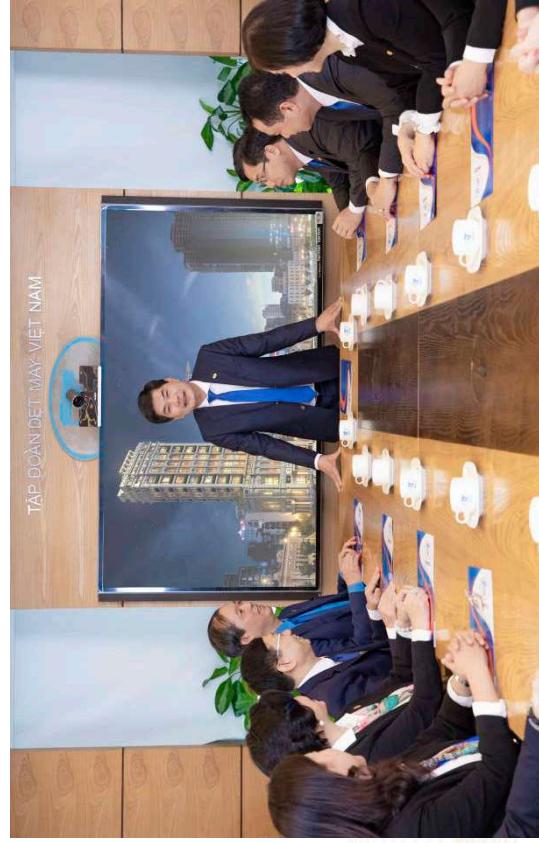
Bà Nguyễn Lê Trà My là Thạc sỹ Tài chính tín dụng và Lưu thông tiền tệ, đã có trên 15 năm công tác, trong đó 05 năm là Trưởng bộ phận phòng Phát triển Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng Quân đội. Bà Nguyễn Lê Trà My có hơn 10 năm công tác tại Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), hiện là Chuyên viên Ban Đầu tư 4 - SCIC và kiêm nhiệm các vị trí thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát tại một số doanh nghiệp thành viên của SCIC.



Bà ĐẶNG THỊ HỒNG LÊ

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Hồng Lê là Cử nhân Luật Kinh tế, đã có trên 15 năm công tác và từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng ban Pháp chế, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Giám đốc điều hành, TV HĐQT Công ty CP Dệt 19/15, Công ty CP Len Hà Đông, Bà Đặng Thị Hồng Lê hiện đang là Thành viên HĐQT Công ty Dệt 19/15 Hà Nội và Trưởng ban Pháp chế kiêm Giám đốc điều hành Công ty CP Len Hà Đông.



Cơ quan Điều hành



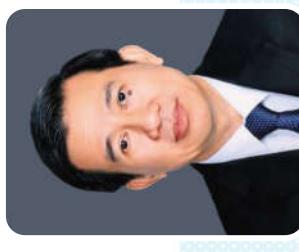
Ông CAO HỮU HIẾU
Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn như: Trưởng phòng Kế toán, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Dệt May Huế, Giám đốc điều hành Tập đoàn.



Ông PHẠM VĂN TÂN
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Người được đào tạo bài bản, chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính với học vị Thạc sĩ Tài chính và có hơn 25 năm gắn bó với ngành Dệt May, đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên như: Giám đốc Trung tâm xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối, Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Nam Định, Phó Ban Kỹ thuật Đầu tư Tập đoàn, Trưởng Ban Kỹ thuật Đầu tư, Giám đốc điều hành Tập đoàn, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn trước khi đảm nhận chức danh Tổng Giám đốc Tập đoàn.



Ông NGUYỄN ĐỨC TRỊ
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ Kỹ sư ngành Công nghệ Dệt và Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Bách Khoa Hà Nội. Đã trải qua 30 năm công tác thực tế, có kiến thức chuyên môn sâu trong lĩnh vực Dệt May, có nhiều năm kinh nghiệm thực tế quản lý, điều hành doanh nghiệp. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong doanh nghiệp như: Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Dệt May Huế, Giám đốc điều hành Tập đoàn.



Ông LÊ TRUNG HÀI
Phó Tổng Giám đốc

Kỹ sư chuyên ngành dệt, kỹ sư hóa nhuộm, là người trưởng thành từ thực tiễn quầy và điều hành doanh nghiệp với 40 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc Nhà máy Dệt - Công ty Dệt Phong Phú, Phó TGĐ Công ty Dệt Phong Phú, TGĐ Công ty Dệt Phước Long, Giám đốc điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Ông PHẠM XUÂN TRÌNH
Giám đốc điều hành

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán tại các doanh nghiệp dệt may. Ông từng đảm nhận nhiều chức vụ như: Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội; Phó Ban Tài chính Kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn trước khi được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tập đoàn.



Ông LÊ MẠC THUẤN
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận các chức vụ quan trọng như TGĐ Xí nghiệp May Sông Tiền, Giám đốc Điều hành Công ty May Nhà Bè, Phó TGĐ Tổng Công ty May Nhà Bè, Giám đốc điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Ông NGUYỄN NGỌC CÁCH
Kế toán trưởng Tập đoàn từ tháng 10/2020

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán tại các doanh nghiệp dệt may. Ông từng đảm nhận nhiều chức vụ như: Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội; Phó Ban Tài chính Kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn trước khi được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tập đoàn.

3. Tâm nhìn – Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu – Biểu tượng



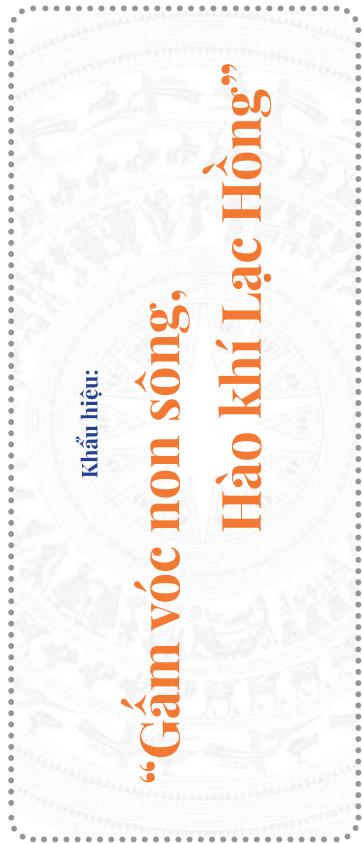
Tâm nhìn – Sứ mệnh

- Xây dựng giá trị và sự hài lòng cho khách hàng bằng cách thiết lập Đoàn Dệt May Việt Nam trở thành nhà sản xuất hàng dệt may hàng đầu thế giới, có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ trọn gói trên toàn chuỗi cung ứng, thời trang, chất lượng cao và thân thiện với môi trường.
- Đạt hiệu quả sản xuất cao nhờ liên tục cải thiện chất lượng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, chăm lo đời sống cho người lao động và có trách nhiệm với xã hội.



Văn hóa doanh nghiệp

- Hiếu công việc, minh làm.
- Yếu nề, nhiệt huyết, có thái độ tích cực đối với công việc.
- Không để lỗi, không né tránh trách nhiệm, sẵn sàng nhận lỗi khi có sai sót.
- Không ngừng học hỏi, biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp để hoàn thiện bản thân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.
- Luôn đổi mới sáng tạo, làm việc có kế hoạch, tìm kiếm các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Tự hào về thành tích tập thể, đoàn kết hợp tác, đồng lòng vì mục tiêu chung, nhiệm vụ chung.



Khẩu hiệu:

“Gắn vóc non sông,
Hào khí Lạc Hồng”

Biểu tượng



VINATEX

- Biểu tượng của VINATEX lấy ý tưởng là những dải lụa mềm mại. Biểu tượng cũng là sự kết hợp của 2 chữ V (Việt Nam) và chữ T (Textile). Hình elip xanh dương tượng trưng cho trái đất, thể hiện cho định hướng vươn ra, hội nhập với thị trường thế giới của VINATEX. Hình elip bao quanh biểu tượng chữ "VT" còn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.

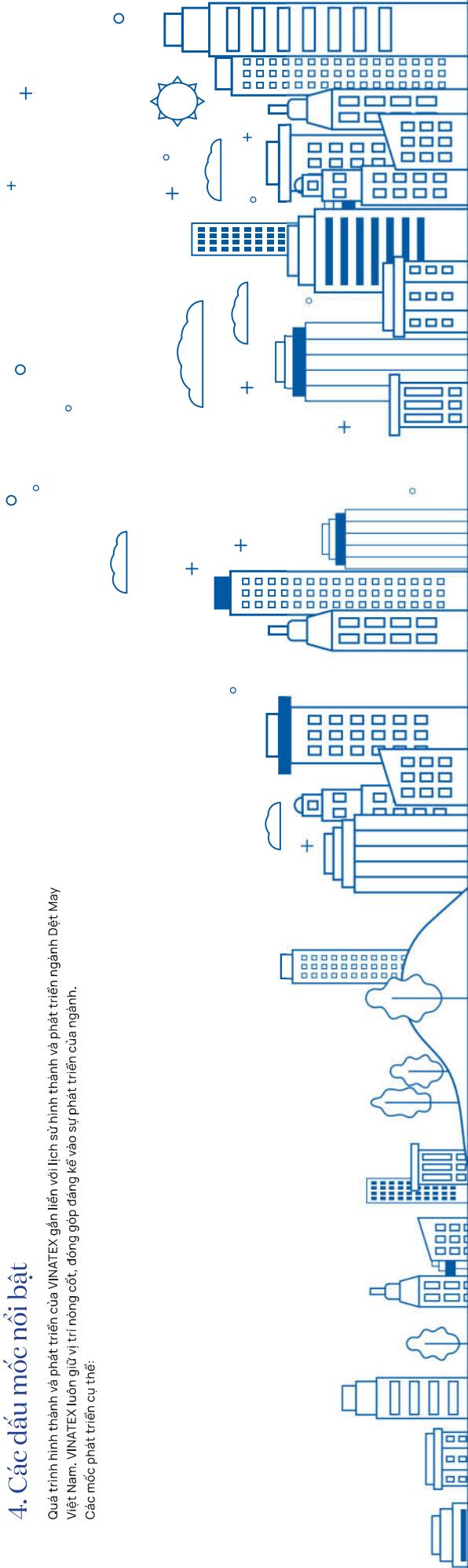
- Đồng chí "VINATEX" được thiết kế theo kiểu chữ Arial Black mảnh nhẹ thể hiện cho thể đồng vứng chắc của VINATEX trên thị trường.

- Biểu tượng sử dụng màu xanh dương đậm, thể hiện tinh truyền thống, sang trọng mang lại cảm giác ổn định, đáng tin cậy của thương hiệu VINATEX.

4. Các dấu mốc nổi bật

Quá trình hình thành và phát triển của VINATEX gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển ngành Dệt May Việt Nam. VINATEX luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành.

Các mốc phát triển cụ thể:



5. Lĩnh vực, năng lực sản xuất kinh doanh chính Năng lực chính của Tập đoàn



5.1 Ngành sợi

- Năng lực thiết kế:

5.2.1 Vải dệt thoi

- Năng lực thiết kế:

135.000
tấn/năm (quy đổi Ne30)

- Mặt hàng: Sợi pha TC, TR, CVC, sợi cotton, sợi recycle, sợi cotton xe, sợi polyester bao gồm có chải thô và chải kỹ
- Năng lực thiết kế:

5.2.2 Vải dệt kim

- Năng lực thiết kế:

75 triệu
mét vải/năm

5.2.3 Dệt giá đụng (khăn):

- Năng lực thiết kế:

12.000
tấn/năm

5.2 Ngành vải

- Năng lực thiết kế:

5.3 Ngành May

- Năng lực thiết kế:

1.700
chuyên may

Thiết bị công nghệ:

- Thiết bị dệt tu trong các dự án hiện nay chủ yếu được cung cấp bởi các nhà sản xuất danh tiếng trên thế giới, có xuất xứ từ Châu Âu, Nhật, Trung Quốc, Mỹ ... với tính tự động hóa cao, giúp cho việc kiểm soát chất lượng tốt hơn, tăng năng suất, tiết kiệm năng lượng và đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động.
- Thiết bị sợi: Rieger - Thụy Sỹ; TRUTZSCHLER - Đức ...
- Thiết bị dệt: Mayer Cle-Đức; Terrot-Đức; Toyota, Fukuhara - Nhật; Fukuhama, Junlong - Đài Loan ...
- Thiết bị nhuộm: Thies - Đức; Fong's - Hongkong ...
- Thiết bị may: Juki, Brother, Kansai - Nhật; Durkopp Adler - Đức; Gerber - Mỹ

8.000
tấn/năm

TOP 10 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU VINATEX NĂM 2022

01 LÃNH ĐẠO ĐÁNG, NHÀ NƯỚC THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI VINATEX

MAY, THIẾT BỊ, NGUYỄN PHỤ LIỆU

Tháng 1 năm 2022: Vĩnh dự án Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc đến dự và phát biểu tại Lễ phát động thi đua năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Tổng Công ty May 10-CTCP.

Tháng 2 năm 2022: Vĩnh dự án Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đến thăm và chúc Tết Tập Đoàn Dệt May Việt Nam.

02 HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾT QUẢ SXKD

Năm 2022, ngành Dệt May Việt Nam phải đổi mới với nhiều khó khăn, thách thức do lạm phát, chiến tranh Nga - Ukraine... dẫn đến tăng cao giám nghiệm trọng. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Dệt May Việt Nam với sự nỗ lực vượt bậc hoàn thành kết quả SXKD với doanh thu hợp nhất đạt 19,589 tỷ đồng, tăng 5,3% so với cùng kỳ; đạt 108% kế hoạch; lợi nhuận hợp nhất đạt 1,212 tỷ đồng, vượt 27,5% kế hoạch.

03 THỰC HIỆN THÀNH CÔNG 3 "TRÙ CỘT": AN SINH, KINH TẾ, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ôn định việc làm cho toàn bộ công nhân lao động trực tiếp tại các công ty cấp 1 không sa thải, cho nghỉ việc. Đặc biệt, thu nhập được cải thiện với mức bình quân 9,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% so với năm 2021 và là mức tăng trưởng thu nhập cao nhất từ 2015 đến nay ("các năm trước tăng bình quân 6%/năm - %"). Đồng thời, Vinatex cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, trách nhiệm xã hội, nộp ngân sách nhà nước tăng 15% so với năm 2021.

04 PHỐI HỢP VỚI CÔNG ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM TỔ CHỨC "TẾT SUM VẦY - NGÀY HỘI CỘNG NHÂN - PHIÊN CHỢ NGUYỄN ĐÁM QUÝ MÃO 2023

Theo đó, toàn hệ thống có 6,641 NLĐ được trợ cấp khó khăn; 105,160 NLĐ được tặng quà Tết và vé tàu xe với tổng số tiền 5,13 tỷ đồng. "Phiên chợ nghĩa tình" tổ chức tại 05 điểm trên cả nước với hơn 150 gian hàng ưu đãi giảm giá từ 20-70% cho công nhân lao động Dệt May; có hơn 60 nghìn lượt NLĐ tham gia mua sắm tại các phiên chợ nghĩa tình với tổng giá trị ưu đãi ước tính 13,5 tỷ đồng... Tổng giá trị Tập đoàn và Công đoàn đã hỗ trợ người lao động là hơn 70 tỷ đồng.

05 TỔ CHỨC HỘI NGHỊ NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIÊM SOÁT

Hội nghị là cơ hội để Tập đoàn và các đơn vị thành viên ngồi lại cùng nhau để triển khai nhiệm vụ giao đoạn 2022 - 2025, cùng nhau lắng nghe / kiến của người đại diện vốn từ thực tiễn hoạt động tại doanh nghiệp. Đây cũng là Hội nghị để đổi mới ban cung xây dựng hướng đi, kế hoạch tài chính, chương trình hành động vi sự phát triển bền vững của Vinatex trong thời gian tới. Đánh giá và tìm ra các giải pháp để xây dựng sức mạnh tài chính cho các DN, hướng đến phát triển bền vững.

06 PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM NGẮCH, GIỚI THIỆU CÔNG NGHỆ MỚI, TIỀN TIẾN VỀ ĐỆT MAY, THIẾT BỊ, NGUYỄN PHỤ LIỆU

Ra mắt sản phẩm vải chống cháy Vinatex® Kovax: Đây là sự kết hợp giữa công nghệ đệt nhuộm hoàn tất của Vinatex và công nghệ nano của Kova. Thành tựu nghiên cứu của hai bên đã đạt được tiêu chuẩn của thế giới và sản phẩm vải chống cháy, góp phần vào nhu cầu ngày càng cao của thị trường, đồng thời khẳng định cơ sở khoa học kinh sản xuất sản phẩm.

Triển lãm SaigonTex và HanoiTex 2022: Quý tu hàng trâm doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia. Tại đây, các nhãn hiệu hàng đầu thế giới đã trưng bày các sản phẩm máy móc với những công nghệ mới, tiên tiến nhất trên thế giới. Đón thời, giới thiệu các nguyên liệu, công nghệ sản xuất phục vụ may mặc, vải, cho tới các nguyên liệu khác.

07 TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC, TIẾP XÚC, LÀM VIỆC VỚI NHIỀU ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Với mục tiêu mở rộng thị trường trong và ngoài nước, trong năm vừa qua Vinatex đã tiếp xúc, làm việc với lãnh đạo cấp cao của Centric Brands tại tòa nhà Empire State Building - New York. Tập đoàn bao gồm các công ty thành viên Empire State Building, Tập đoàn Kaitex, Tập đoàn Kaitex (Nhật Bản); Tập đoàn Rieiter... Ký kết thỏa thuận hợp tác với các đơn vị Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

08 CẤP NHẬT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG TỪ 8 HỘI THẢO CHUYÊN ĐỀ HÀNG THÁNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN

Định kỳ hàng tháng Vinatex đều tổ chức hội thảo chuyên đề để trực tiếp lắng nghe ý kiến, các chuyên gia hàng đầu về kinh tế trinh bày và cập nhật những thông tin mới nhất về thị trường để các doanh nghiệp thành viên chủ động ứng phó trước những biến động khó lường do thị trường mang lại.

09 KHÉP KÍN CHUỖI ĐÀO TẠO CỦA VINATEX

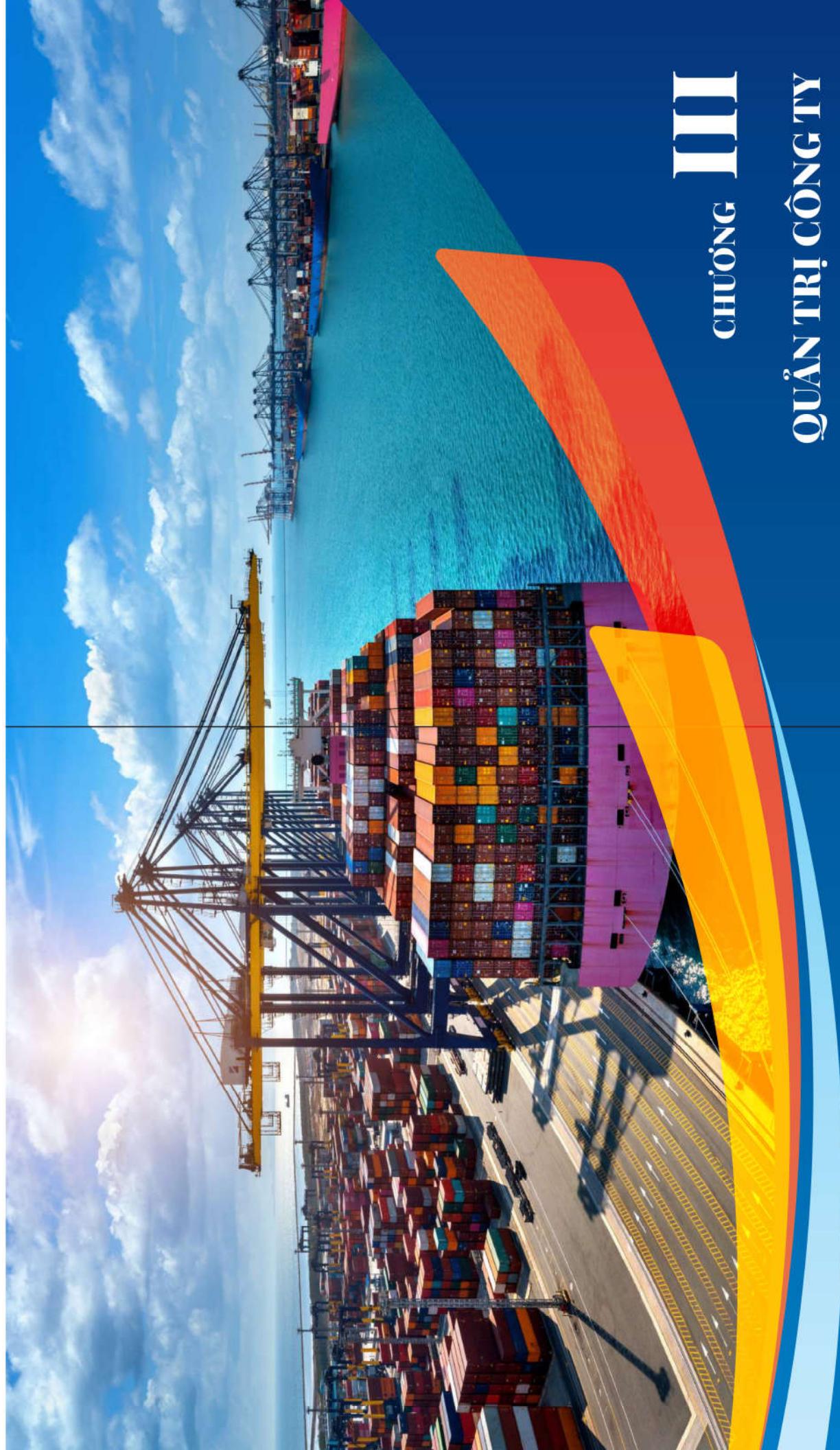
Với việc đưa chương trình cán bộ cấp cao vào đào tạo, hệ thống đào tạo nội bộ về quản trị chung của Vinatex gồm đào tạo cán bộ trung cấp (Giám đốc, Phó Giám đốc, Phó Giám đốc đơn vị) và đào tạo cán bộ cao cấp của Tập đoàn, trưởng, phó giám đốc tại các đơn vị thành viên Tập đoàn) và đào tạo cán bộ cao cấp đã được khép kín. Đây là nỗ lực rất cao của lãnh đạo Tập đoàn, các ban chức năng mà chủ chốt là Ban Quản lý Người nhân lực và Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội để vừa xây dựng chương trình và nội dung đào tạo, vừa trực tiếp soạn bài, đứng lớp và quản lý trong nhất là bước đầu xây dựng được môi trường học tập, văn hóa học tập trong toàn Tập đoàn.

10 LAN TỎA CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI - TÙ THIỆN

Hưởng ứng lời kêu gọi ủng hộ "Quỹ điện ấm đắp nghĩa" Trung ương năm 2022 của Ủy ban Mật trấn Tổ quốc Việt Nam, Đảng ủy Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã phát động hưởng ứng với cán bộ, đảng viên và người lao động trong toàn Tập đoàn. Vinatex phối hợp với Công đoàn Dệt May Việt Nam, Hiệp hội Dệt May Việt Nam và Bệnh viện Chợ Rẫy tổ chức chương trình khẩn bệnh, phát thuốc, tặng quà cho các gia đình chính sách, người dân có hoàn cảnh khó khăn và xây cầu dân sinh tại xã Phù Ninh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu với tổng số tiền hơn 15 tỷ đồng. Tập đoàn hỗ trợ 1.000 áo thể thao trẻ em trị giá 100 triệu đồng tặng cho các trẻ em nghèo tỉnh Lào Cai.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHƯƠNG III



Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng quản trị

1. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2022

Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Hội đồng quản trị) hoạt động theo khuôn khổ của pháp luật Việt Nam, Luật Doanh nghiệp, các luật chuyên ngành liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Vinatex trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Về các thành viên Hội đồng quản trị:

Tập thể Hội đồng quản trị của Vinatex sở hữu chuyên Nghị quyết và 03 Quyết định trong năm 2022.

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi/-hop HĐQT tham dự	Gửi ý kiến qua thư điện tử	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Tiến Trường	12/12	2/2	100%
2	Trần Quang Nghị	12/12	2/2	100%
3	Đặng Vũ Hùng	12/12	2/2	100%
4	Vũ Hồng Tuấn	12/12	2/2	100%
5	Nguyễn Xuân Đông	12/12	2/2	100%

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Cơ quan điều hành

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Cơ quan điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc) được thực hiện một cách chất lượng, định kỳ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Cơ quan điều hành được thể hiện như sau:

- Tại các cuộc họp định kỳ hàng quý, HĐQT đều yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Tập đoàn, các đơn vị trọng yếu trong Tập đoàn, khả năng đạt kế hoạch Tập đoàn giao, tình hình triển khai các dự án đầu tư, công tác đào tạo quản lý nguồn nhân lực, đặc biệt là công tác kiểm soát nội bộ.
- Dưới sự chỉ đạo của HĐQT trong việc đẩy mạnh chuyển đổi số trên nền tảng quản trị chung, Cơ quan điều hành tiếp tục triển khai trong năm 2022 các nhóm giải pháp về thi trường, quản trị sản xuất, tài chính và nguồn nhân lực. Giải pháp cụ thể đã thực hiện:

Tăng cường vai trò thị trường của các ban sản xuất kinh doanh, tiếp tục thực hiện dự báo diễn biến thị trường để đưa ra quyết định kinh doanh linh hoạt, chủ động tìm kiếm thị trường...

Về thị trường

Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh giải pháp tiết kiệm chi phí, xây dựng phương án sản xuất linh hoạt, tập trung vào so sánh các đơn vị cung nganh nghề, cải thiện chỉ số quản lý tại các đơn vị theo kết quả của đơn vị tốt nhất đạt được.

Về quản trị sản xuất

Tập trung vào việc nâng cấp hệ thống tài chính kế toán, kiểm soát và đảm bảo khả năng thanh toán, đánh giá kỹ và thận trọng quyết định thời điểm đầu tư/purchasing, nâng cao năng lực thu xếp vốn, sử dụng các công cụ hiện đại hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị. Áp dụng công cụ đánh giá "sức khỏe tài chính" bằng hệ số Z-score.

Về tài chính

Xây dựng phương án duy trì nguồn lao động chất lượng tốt, giảm tối đa biến động nhằm đảm bảo năng suất lao động, tăng cường đào tạo nội bộ, đào tạo bồi dưỡng thích ứng trong bối cảnh biến động, xây dựng nền tảng công nghệ học tập số Digital Learning. Tổ chức thành công lớp tài năng trẻ Vinatex, lớp cán bộ quản lý cấp cao trong doanh nghiệp và các lớp giám đốc nhà máy.

Về nguồn nhân lực

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm từ sợi lõi filament bọc cotton, vải chàm cháy, vải gia dụng (home textile)...

Về công tác nghiên cứu phát triển



Trong năm 2022, Cơ quan điều hành đã tổ chức 2 Hội nghị quan trọng là Hội nghị Người đại diện vốn Tập đoàn, tại doanh nghiệp và Hội nghị nâng cao năng lực tài chính - Kế toán - Kiểm soát cho Lãnh đạo, Kế toán trưởng và Trưởng Ban Kiểm soát tại các đơn vị thành viên. Đây là những Hội nghị tập trung đánh giá sâu sắc kết quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị, xác định thách thức, đưa ra kế hoạch hành động nhằm cải thiện quy mô, hiệu quả doanh nghiệp và các giải pháp quản trị hướng tới phát triển bền vững của Tập đoàn trong thời gian tới.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Văn phòng HDQT với vai trò tham mưu, giúp việc cho HDQT và các Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư, Nghiên cứu phát triển, Nhân sự, Quản trị rủi ro đã triển khai các công việc cụ thể như sau:

- Nghiên cứu, tổng hợp thông tin về kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, chia sẻ cung ứng bền vững, thuế biến giới carbon và sản xuất trong ngành dệt may, Cấp nhận các yêu cầu về phát triển bền vững bao gồm các yêu cầu về lao động, môi trường và quản trị của các thị trường xuất khẩu chính và của các hãng thời trang lớn trên thế giới.
- Phân tích, đánh giá tình hình thị trường dệt may toàn cầu và dự báo diễn biến thời trang và các yếu tố tác động chủ yếu đến ngành dệt may, thời trang trong năm 2022.
- Theo sát diễn biến các vấn đề kinh tế vĩ mô thế giới và trong nước có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến doanh nghiệp trong Tập đoàn. Đặc biệt trước diễn biến không lương trước của cuộc xung đột vũ trang Nga-Ukraine xảy ra vào tháng 2/2022 và vẫn tiếp tục kéo dài khiến giá hàng lương và lương thực tăng đột biến, làm phát tài các nền kinh tế lớn như Mỹ và EU duy trì ở mức định lịch sử 40 năm...Nhóm nghiên cứu của Văn phòng HDQT đã triển khai các báo cáo trình bày tại 08 cuộc Hội thảo chuyên đề (trong đó 50% số buổi có mời chuyên gia nội tiếng bên ngoài làm diễn giả các nội dung vĩ mô) nhằm cung cấp thông tin về thị trường, kinh
- Hoàn thiện mô hình phân tích dự báo tổng cầu dệt may thế giới và các thị trường chính bằng phương pháp hồi quy tuyến tính da biến với hệ số tương quan R>0.9 cho kết quả có mức độ tin cậy cao, qua đó nâng cao chất lượng công tác dự báo để tham mưu HDQT có những chính sách, điều hướng kịp thời để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro ở mức tối đa cho Tập đoàn.
- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo nội bộ gồm đào tạo Tài năng trẻ (Young Talent), đào tạo cán bộ cấp cao mới được bổ nhiệm của Tập đoàn năm 2022.
- Bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc Văn phòng HDQT đã phối hợp cùng Ban Kiểm soát Tập đoàn thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị theo kế hoạch kiểm tra, giám sát đã được HDQT phê duyệt từ đầu năm. Sau mỗi đợt kiểm toán, bộ phận kiểm toán nội bộ đều có báo cáo và tham mưu HDQT đưa ra các khuyến nghị trong hoạt động điều hành đối với Cơ quan điều hành Tập đoàn.

5. Dánh giá kết quả hoạt động của Tập đoàn năm 2022

Ngành Dệt May và Tập đoàn Dệt May Việt Nam vừa trải qua một năm 2022 có nhiều cung bậc cảm xúc trái ngược, với nhiều bất định của thị trường. Từ những tháng đầu rầm rộ, Tập đoàn đã đưa ra các dự báo sớm về những khó khăn sẽ tới trong nửa cuối của năm, tuy nhiên thị trường đã đảo chiều nhanh chóng trong 6 tháng cuối năm, gần như lao dốc theo chiều thẳng đứng.

Dự may là ngành phản ứng khá hay với diễn biến Kinh tế vĩ mô toàn cầu, lan phát tại Mỹ và EU đều lên mức cao nhất 4 thập kỷ, lần lượt ở mức 8% và 10%, lãi suất tại các quốc gia khu vực này vì thế đều tăng nhanh và mạnh để kiềm chế lạm phát, đổi lại tăng trưởng GDP suy giảm, quý mô nền kinh tế thu hẹp, giảm việc làm và thu nhập, qua đó gián tiếp tác động đến chỉ tiêu hàng tiêu dùng trong đó có hàng dệt may.

Tổng cầu dệt may thế giới năm 2022 giảm so với năm 2021 với mức giảm 6% chỉ còn 757 tỷ USD trong đó thị trường bông, sợi biến động mạnh, giá bông thấp hơn giá thành. Các quốc gia xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hoặc giảm, đơn cử KNXK dệt may của Trung Quốc đạt 323 tỷ USD tăng 2,53%; Ấn Độ đạt 37,6 tỷ USD giảm 4,3% so với năm ngoái. Xuất khẩu dệt may của Việt Nam tăng trưởng 10,6% đạt 44,7 tỷ USD cao hơn 5 tỷ USD so với mức trước đại dịch Covid-19 năm 2019. Trong đó, thị trường xuất khẩu lớn nhất của dệt may Việt Nam là Mỹ với 17,8 tỷ USD, sau đó là Trung Quốc với 3,5 tỷ USD, Châu Âu đạt 4,6 tỷ USD, Hàn Quốc đạt 3,9 tỷ USD và Nhật Bản đạt 4,3 tỷ USD.

Điểm nhấn trong năm 2022 của Vinatex là: Đầu tư vào việc làm, thu nhập và chăm lo đời sống cho người lao động. Trước bối cảnh nhiều doanh nghiệp trong và ngoài ngành phải cắt giảm lao động và/hoặc doanh nghiệp từ quý 3 thi các doanh nghiệp trong hệ thống của Vinatex chưa phải thực hiện việc giảm lao động trực tiếp bằng việc hoãn hay cắt giảm hợp đồng lao động. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, người lao động sẽ không có tăng ca, làm thêm giờ mà giảm khoảng 20% giờ làm so với bình quân những tháng cao điểm của những năm trước. Vinatex vẫn luôn đảm bảo hàng sản xuất để người lao động có việc làm từ 40 - 48 giờ/tuần. Tình trung bình trên toàn hệ thống của Vinatex, thu nhập bình quân người lao động đạt 9,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% so với năm 2021. Vinatex vẫn duy trì chế độ lương thưởng cho người lao động trong Tết Nguyên dân Quy Nhơn với 100% lao động được nhận tháng lương thứ 13 và thường với mức bình quân trên 1,5 tháng lương. Điều có được kết quả tích cực trong điều kiện thị trường nhiều khó khăn, biến động khó lường trong năm 2022



4. Triển lương và thù lao Hội đồng quản trị năm 2022

Triển lương và thù lao của Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị quyết của ĐHQGĐ đã được thông qua tại ĐHQGĐ thường niên năm 2022.



Điểm nhấn trong năm 2022 của Vinatex là: Đầu tư vào việc làm, thu nhập và chăm lo đời sống cho người lao động. Trước bối cảnh nhiều doanh nghiệp và ngoài ngành phải cắt giảm lao động và/hoặc doanh nghiệp từ quý 3 thi các doanh nghiệp trong hệ thống của Vinatex chưa phải thực hiện việc giảm lao động trực tiếp bằng việc hoãn hay cắt giảm hợp đồng lao động. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, người lao động sẽ không có tăng ca, làm thêm giờ mà giảm khoảng 20% giờ làm so với bình quân những tháng cao điểm của những năm trước. Vinatex vẫn luôn đảm bảo hàng sản xuất để người lao động có việc làm từ 40 - 48 giờ/tuần. Tình trung bình trên toàn hệ thống của Vinatex, thu nhập bình quân người lao động đạt 9,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% so với năm 2021. Vinatex vẫn duy trì chế độ lương thưởng cho người lao động trong Tết Nguyên dân Quy Nhơn với 100% lao động được nhận tháng lương thứ 13 và thường với mức bình quân trên 1,5 tháng lương. Điều có được kết quả tích cực trong điều kiện thị trường nhiều khó khăn, biến động khó lường trong năm 2022

là nhở sụn linh hoạt, nhay bén trong công tác dự báo và điều hành của Hội đồng quản trị. Cơ quan điều hành Tập đoàn, cùng với là sự đóng góp, nỗ lực của các doanh nghiệp và toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên, người lao động trong toàn hệ thống Tập đoàn.

Thêm vào đó trong năm 2022 Vinatex đã tập trung triển khai công tác chuyên đổi và số hóa cho hệ thống Công ty mẹ Tập đoàn và tiên hành đào tạo hơn 1.000 Tập đoàn như sau:

lượt cán bộ cấp trung, 150 cán bộ lớp tài năng trẻ (cô trình độ đại học dưới 30 tuổi), hơn 400 lâm sàng & giám đốc cấp nhà máy được đào tạo. Ban cạnh đó, hệ thống trường dài học, cao đẳng của Vinatex đào tạo các lớp chuyển trưởng, tổ trưởng cho các đơn vị trên một chương trình khung chung để chuẩn hóa quản trị.

Với những nỗ lực đó, kết quả sản xuất kinh doanh toàn Tập đoàn như sau:

Doanh thu hợp nhất đạt 19.589 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước, bằng 108,4% kế hoạch.

Tuy lợi nhuận hợp nhất giảm so với năm 2021 nhưng vẫn vượt kế hoạch DH đồng cổ đông giao 27,5% do điều kiện kinh doanh 2022 có nhiều khó khăn khách quan, như xung đột Nga-Ucraina bắt ngờ nổ ra đầu năm 2022 kéo theo lạm phát và tăng trưởng giảm ở các quốc gia là thị trường chủ lực dẫn tới hàng hoá đắt may hòn nằm trong top 5 các mặt hàng chịu cắt giảm chi tiêu của người tiêu dùng, tổng cầu của thế giới giảm mạnh.

Lợi nhuận hợp nhất đạt 1.212 tỷ đồng, vượt 27,5% kế hoạch.

Với kết quả hợp nhất vượt 27,5% so với kế hoạch, nguồn lực có thể điều tiết về công ty Mẹ đảm bảo hoàn thành các mục tiêu DH đồng cổ đông năm 2022 đặt ra.

Nền kinh tế Việt Nam phục hồi tốt sau đại dịch Covid-19 mức tăng trưởng năm 2022 được nhân định là vượt trội so với các nước trong khu vực, kéo theo đó tăng trưởng năm 2023 được các tổ chức uy tín như Ngân hàng Thế giới đánh giá có thể đạt mức 6,5%. Tuy nhiên, các yếu tố bất định bên ngoài như cuộc xung đột Nga-Ucraina còn tiếp diễn, chính sách tiền tệ thắt chặt để kiểm chế lạm phát tại các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản còn tiếp diễn trong năm 2023, cùng với những bất ổn trong hệ thống ngân hàng cảng rủ ro dẫn đến nguy cơ "ha cánh cứng" tại các quốc gia này. Đặc biệt là tình hình thị trường quý 1,2 của đất may diễn biến tiêu cực, trong quý 1 lần đầu tiên

trong 10 năm qua (trừ năm 2020 có dịch Covid-19) xuất khẩu dệt may giảm tới ~15%. Các dự báo đều cho rằng ít nhất đến hết quý 3/2023 cầu thị trường sẽ may còn thấp do việc thắt chặt chi tiêu của người tiêu dùng, tỷ lệ thất nghiệp có thể gia tăng trong bối cảnh lãi suất duy trì cao, tăng trưởng thấp và tinh thần tài chính biến động.

Trong bối cảnh thách thức, khó khăn của thị trường đi kèm với nhiều yêu cầu từ phía khách hàng về các sản phẩm xanh, thân thiện môi trường... để hoàn thành mục tiêu đã đề ra trong năm 2023, HDQT Vinatex xác định những định hướng trọng tâm như sau:

1

Một là, kiên định mục tiêu tham gia vào chuỗi cung ứng với vị thế vững chắc, là đối tác ưu tiên của các nhà sản xuất – phân phối lớn trên thế giới. Đây là giải pháp dài hạn xây dựng niềm tin trên cơ sở thực lực của doanh nghiệp, nâng lực lượng lợi ích của doanh nghiệp. Đồng thời trong ngắn hạn, khi thị trường co hẹp, các thành viên ưu tiên của chuỗi cung là những địa chỉ có sự suy giảm ít nhất, sau cung.

2

Hai là, kiên định xây dựng trong nội tại Tập đoàn mục tiêu chiến lược. Một điểm đến cung ứng giải pháp trọn gói về vải may và tricot trong. Đây là bước thay đổi về chất để Tập đoàn không chỉ là thành viên của một chuỗi cung ứng mà chính mình còn là một chuỗi cung ứng trong sản xuất hoàn chỉnh, có thể tự tin kết nối với các nhà thiết kế và phân phối toàn cầu. Vấn đề là trong 2 năm thị trường có hép tối đây phải sáng suốt lựa chọn được những sản phẩm chiến lược, có thể phát triển với nguồn lực hạn hẹp về tài chính có thể chậm lại mục tiêu về quy mô chuỗi một điểm đến nhưng kiên định quan điểm chiến lược này.

3

Ba là, kiên định thực hiện các cam kết và sáng kiến về môi trường, xã hội, quản trị công ty (ESG), vừa thực hiện theo kế hoạch của doanh nghiệp đặt ra vừa ưu tiên chú trọng các yêu cầu của chuỗi cung ứng toàn cầu. Xây dựng năng lực cạnh tranh bằng hình ảnh doanh nghiệp trách nhiệm với toàn bộ người tiêu dùng và thế giới chung. Tập trung cho các chí tiêu xanh, sản xuất sạch, nguyên liệu và sản phẩm tuân hoán.

4

Bốn là, kiên trì thực hiện liên tục dự báo và đưa ra giải pháp thích ứng với thị trường bất định, trong đó chú trọng các giải pháp bảo tồn nguồn lực doanh nghiệp vượt qua năm kinh doanh có nhiều khó khăn, nhất là nguồn lực con người chất lượng cao và tài chính.

5

Năm là, kiên trì công tác đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu mới của thị trường và công nghệ. Lấy nhân lực làm đòn bẩy phát triển để tạo tăng trưởng chủ yếu từ nhân tố năng suất tổng hợp trong quá trình phát triển tối đa. Đồng thời tái cấu trúc hệ thống công việc, làm tăng ánh hào dàn, linh hoạt, đi đôi với cải thiện thu nhập để đáp ứng tốt yêu cầu của ngành lao động chất lượng cao.

6. Định hướng hoạt động của HDQT năm 2023

Tập đoàn Dệt May Việt Nam - VINATEX

TẬP ĐOÀN DỆT MÁY VIỆT NAM - VINATEX 37

Báo cáo Quản trị rủi ro

Mục tiêu của công tác quản trị rủi ro

Vinatex luôn xác định mục tiêu và vai trò của quản trị rủi ro rất quan trọng nhất là trong điều kiện thị trường biến động nhanh, ngược chiều với toàn bộ hoạt động của Tập đoàn. Để duy trì hoạt động quản trị rủi ro bám sát với mục tiêu chiến lược đã đặt ra, Vinatex chú trọng nhân diện sớm các rủi ro tiềm ẩn và chủ yếu áp dụng biện pháp phòng ngừa giảm thiểu rủi ro, nhất là rủi ro thị trường và nguồn vốn. Do đó, Vinatex tập trung duy bảo vệ thị trường dệt may, tinh hinh kinh tế tài chính trên tay của Việt Nam và các quốc gia là thị trường chủ lực, quốc gia là đối thủ cạnh tranh hàng dệt may. Ngoài ra, việc tích hợp quản trị rủi ro vào hoạt động thường xuyên giúp cho hệ thống quản trị rủi ro được hiệu suất và hiệu quả hơn.

- Kịp thời nhận diện rủi ro, ngoài việc đưa ra các giải pháp nhằm hạn chế và hành hưởng bất lợi còn phải đánh giá các cơ hội để khai thác tối đa các điều kiện có lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và luôn hoàn thiện Hệ thống kiểm soát nội bộ theo thông lệ tốt phù hợp với mô hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Hoạt động quản trị rủi ro năm 2022

Năm 2022 là một năm đặc biệt đối với Vinatex bởi thị trường đầy biến động khó đoán định. Cụ thể là trong những tháng đầu năm với những tin hiệu thị trường rất tốt nhưng đến cuối quý 2, nhất là trong quý 4 tình hình đã đảo chiều dẫn đến nhiều rủi ro. Để làm tốt công tác dự báo sớm và chính xác thị trường dệt may từ đó đưa ra các giải pháp giảm thiểu tối đa những tác động xấu ngay từ khi kết quả sản xuất kinh doanh, Vinatex đã xây dựng và áp dụng thành công mô hình nhiều doanh nghiệp thanh viên của Vinatex và các doanh nghiệp trong ngành đánh giá cao.

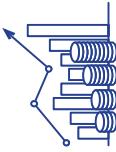
Những rủi ro hàng đầu đã được Vinatex nhận diện, triển khai quản trị theo các nhóm rủi ro chính trong năm 2022 và tiếp tục quản trị trong các năm tới như sau:

Rủi ro chung



- Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, lãi suất và tỷ giá biến động, lạm phát tăng cao tại nhiều quốc gia là thị trường chủ lực của dệt may như Mỹ, Úc, Nhật Bản... Các chỉ tiêu này biến động ảnh hưởng trực tiếp đến tổng cầu dệt may, giảm sức mua của người tiêu dùng đối với các sản phẩm may mặc. Cầu giảm làm cho các doanh nghiệp ít đơn hàng đặt may, hơn và nhiều đơn hàng nhỏ... dẫn đến rủi ro không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do đơn hàng thiếu, đơn giá thấp. Các cán bộ chuyên môn thường xuyên cập nhật thông tin về kinh tế vĩ mô, thị trường và đưa ra dự báo, tham mưu cho Lãnh đạo Tập đoàn và Lãnh đạo các công ty thành viên từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp.
- Rủi ro về chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu để triển khai chiến lược phát triển của Vinatex trong giai đoạn sắp tới. Để giải quyết vấn đề này, Vinatex lựa chọn một số đơn vị trọng điểm để thực hiện rà soát: (i) số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, (ii) nguồn quy hoạch và tuyển dụng, (iii) thiết kế các chương trình đào tạo nội bộ, (iv) xây dựng chế độ đối ngộ nhân tài...
- Thuê tu ván ERY thực hiện việc đánh giá hệ thống quản trị nhân sự theo chuẩn mực quốc tế tại 10 đơn vị trong yếu qua đó xác định được mục tiêu cụ thể cho từng năm về phát triển nguồn nhân lực. Tổ chức hội nghị nhân lực toàn Tập đoàn để triển khai chương trình hành động theo khuyến nghị của tu vấn.

Rủi ro tài chính



Các rủi ro chính của Vinatex về nợ phải thu kho dẻ, hàng tồn kho, tỷ giá lãi suất, chi phí nhân công, Ban Kiểm soát và Ban Tài chính Kế toán định kỳ đánh giá phản tích tinh hình tài chính thông qua các chỉ tiêu tài chính, sử dụng mô hình Z-Score (chỉ số doanh nghiệp) trong vòng 2 năm gồm 4 nhóm chỉ tiêu hoạt động liên tục của doanh nghiệp trong vòng 2 năm gồm 4 nhóm chỉ tiêu tổng hợp) để đảm bảo kiểm soát tình hình tài chính, cảnh báo sớm rủi ro và có giải pháp kịp thời nhằm giảm thiểu tối da rủi ro đến với Vinatex. Đồng thời có nghiên cứu dữ liệu và thông tin quốc tế về tình hình tài chính, kinh doanh của các khách hàng lớn ở các thị trường chủ lực để phòng ngừa từ sớm, từ xa các ảnh hưởng tiêu cực có thể có từ các khách hàng.

Rủi ro trong lĩnh vực Sợi



Giá sợi giàn, tiêu thụ khó khăn do nhu cầu giảm tại một số hoặc nhiều thị trường. Trong trường hợp thị trường xuất, giải pháp của Vinatex không chỉ thương xuyễn bảm sát thị trường để quyết định nhau trong việc nhận đơn hàng và chuyển đổi mặt hàng theo nhu cầu thị trường, dù bão thị trường và mua nguyên liệu chính mà còn tập trung công tác quản lý sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành và tìm mới biện pháp để bảo vệ nguồn lực lao động chất lượng đáp ứng nhanh khi thị trường phục hồi.

Rủi ro trong lĩnh vực May:



+ Sút giảm đơn hàng do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế cản kẽ, lạm phát giá tăng tại nhiều quốc gia là thị trường tiêu thụ chính sản phẩm thời trang, hàng may mặc. Ngoài giải pháp tích cực thu thập thông tin, cập nhật và dự báo chính xác tình hình thị trường để nắm bắt và có giải pháp kịp thời. Thị Vinatex tích cực tăng cường tìm kiếm đơn hàng, linh hoạt trong chuyển đổi mặt hàng, đón đầu đơn hàng đáp ứng nhu cầu thị trường, tập trung làm đơn hàng có yêu cầu kỹ thuật cao mang lại giá trị, giá tăng cao hơn...

+ Thị trường vải, phụ liệu mua của một số quốc gia cung ứng chính như Trung Quốc khó khăn do dịch Covid-19 kéo dài ảnh hưởng đến năng lực sản kho - Giái pháp tìm nguồn cung mới thay thế như: Han Quốc, Ấn Độ, Đài Loan...

Rủi ro trong lĩnh vực Dệt nhuộm



+ Biến động giá dầu vào tăng như chi phí hóa chất thuốc nhuộm cao, giá bán không tăng tương ứng. Giải pháp của Vinatex là tìm nguồn cung thay thế, tận dụng liên kết trong chuỗi nội bộ để tiết kiệm chi phí, tăng tính cạnh tranh.

+ Đã khắc phục tình trạng chưa cấp nhật kịp thời các công nghệ tiên tiến để đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường, Vinatex tiếp tục quy hoạch đầu tư phát triển đồng bộ về công nghệ kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng các quy định.

Kế hoạch triển khai Quản trị rủi ro năm 2023:

Tiếp tục triển khai công tác nghiên cứu dự báo, cập nhật liên tục tình hình kinh tế thị trường dệt may, nguyên phụ liệu dệt may để đảm bảo có thông tin nhanh nhạy chính xác giúp cho các cấp quản lý lanh đạo ra quyết định trong các hoạt động đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục duy trì công tác kiểm tra đánh giá trên cơ sở xác định các rủi ro trọng yếu.

Triển khai mạnh mẽ chương trình thực hiện các cam kết và sang kiến về môi trường, xã hội và quản trị công ty (ESG): bước đầu xây dựng danh mục tiêu chuẩn đánh giá về trách nhiệm xã hội và môi trường; tiến tới xây dựng khung bảo cáo ESG chuẩn áp dụng trong toàn hệ thống Vinatex.

Tiến hành nhân rộng mô hình hồi quy áp dụng trong quản lý nguồn nhân lực để dự báo tình hình biến động lao động, chuẩn bị nguồn lực đáp ứng cho việc thực hiện chiến lược phát triển của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Báo cáo Ban Kiểm soát

I. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Trần Thị Thu Hằng	Trưởng BKS	18/8/2020	4/4	100%	100%
2	Đoàn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	18/8/2020	4/4	100%	100%
3	Đặng Thị Hồng Lê	Thành viên BKS	18/8/2020	4/4	100%	100%
4	Nguyễn Lê Trà My	Thành viên BKS	18/8/2020	4/4	100%	100%

2. Thủ tục và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

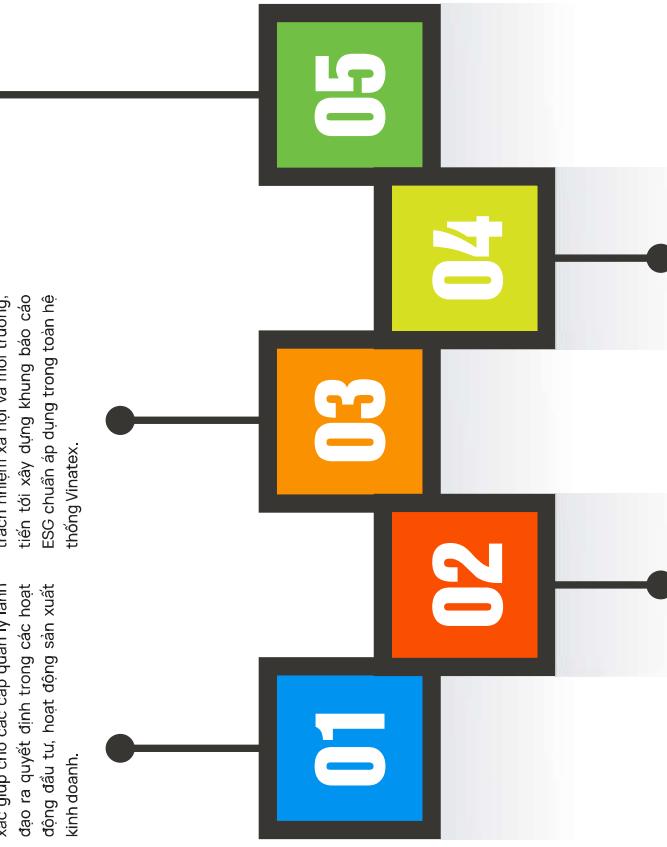
Thủ tục của Ban Kiểm soát thực hiện đúng theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và được trình bày chi tiết tại báo cáo tài chính năm 2022. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 tuân thủ theo các quy định và quy chế nội bộ của Tập đoàn.

3. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ như sau:
 - Từ các hoạt động nội trú, hàng quý Ban Kiểm soát đều có báo cáo, khuyến nghị gửi tới HĐQT, Cơ quan điều hành Tập đoàn. Qua trình thực hiện kiểm tra, giám sát đảm bảo tình trung thực và cẩn trọng, đạo đức nghề nghiệp, không can trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

- Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp, mỗi cuộc họp đều có đầy đủ các thành viên Ban Kiểm soát tham dự, nội dung các cuộc họp là thông qua báo cáo tại ĐHĐCĐ năm 2021, báo cáo 6 tháng, 9 tháng/2022, lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 của Tập đoàn.

- + Phân tích hiệu quả của Công ty mẹ Tập đoàn theo từng mặt hoạt động.
- + Giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT ban hành năm 2022, hàng quý thực hiện đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
- + Đánh giá, thẩm tra Báo cáo tài chính các quý của Công ty mẹ Tập đoàn để đánh giá tình trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
- + Đánh giá tình hình tài chính các đơn vị thành viên căn cứ trên Báo cáo tài chính hàng tháng của các đơn vị.



Liên tục cung cấp và hoàn thiện đội ngũ cán bộ, chủ trọng xây dựng chương trình đào tạo trong đó có các chuyên đề về quản trị rủi ro cơ bản nhằm phổ cập kiến thức cho cán bộ mới, trẻ tuổi và chuyên đề quản trị rủi ro nâng cao cho cán bộ, cấp trung để liên tục cập nhật kiến thức giúp cho công tác quản trị rủi ro được các cán bộ thực hiện và thực hiện ngày trong những nghiệp vụ chuyên môn hàng này. Từ đó sẵn sàng ứng nguồn lực đáp ứng thực hiện mục tiêu chiến lược của Tập đoàn giai đoạn 2022-2025, hướng đến 2030.

Kết quả kiểm tra, giám sát như sau:

3.1 Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức họp và ban hành 18 Nghị quyết, Cac Nghị quyết do HĐQT ban hành đúng chức năng, nghĩa vụ và quyền hạn, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

- HĐQT giám sát chặt chẽ và hỗ trợ ban điều hành trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT đã thông qua.

- Ngoài ra, HĐQT đã hỗ trợ ban điều hành trong công tác đào tạo, thực hiện phân tích đánh giá biến động kinh tế trong nước, tình hình thị trường, công tác chuyển đổi số, danh giangười đại diện vốn Tập đoàn, xếp loại doanh nghiệp...

Kết quả chung của Tập đoàn năm 2022:

- + Hợp nhất: hoàn thành vượt mức kế hoạch DHĐCD giao: doanh thu đạt 108,4% kế hoạch, lợi nhuận đạt 127,5% kế hoạch.
- + Công ty mẹ: doanh thu đạt 108,3% kế hoạch, lợi nhuận 61,2% kế hoạch. Nguyên nhân lợi nhuận Công ty mẹ Tập đoàn năm 2022 không đạt kế hoạch DHĐCD giao do thay đổi phương pháp ghi nhận cổ tức được chia từ các đòn vi thành viên: ghi nhận căn cứ trên nghị quyết DHĐCD quyết định tỷ lệ chia cổ tức (trước đây căn cứ trên nghị quyết HĐQT dự kiến tỷ lệ chia cổ tức). Về bản chất, kết quả SXKD hợp nhất của Tập đoàn và của các đơn vị thành viên năm 2022 không thay đổi, phần lợi nhuận Công ty mẹ năm 2022 giảm do điều chỉnh cổ tức sẽ được ghi nhận vào lợi nhuận công ty mẹ năm 2023 khi các đơn vị thành viên công bố chính thức nghị quyết DHĐCD quyết định tỷ lệ chia cổ tức.

3.2.2. Tình hình tài chính:

- Một số chỉ tiêu tài chính theo báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ Tập đoàn:
 - + Tổng tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2022 là 8.486 tỷ đồng, tăng 51% so với năm 2021.
 - + Hiệu quả sử dụng vốn: Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu: 3,4% giảm 1,8% so với năm 2021.
 - + Hết số nợ/Vốn chủ sở hữu: 0,43.
 - + Tình hình tài chính ổn định, khả năng thanh toán ở mức an toàn.
 - Về công ngay:
- + Tổng nợ phải thu: 2.891 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn là 872 tỷ đồng, phải thu dài hạn là 2.019 tỷ đồng (bao gồm khoản cho các công ty con vay từ nguồn vay ADB: 1.258 tỷ đồng).
- + Tổng nợ phải trả: 2.569 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 935 tỷ đồng, nợ phải trả dài hạn là 1.634 tỷ đồng (bao gồm khoản vay từ ADB là 1.528 tỷ đồng).

ĐVT: Triệu đồng

3.2.1. Kết quả kinh doanh:

Cơ quan điều hành Tập đoàn đã nghiêm túc thực hiện, triển khai các biện pháp theo chỉ đạo của HĐQT nhằm hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, kết quả như sau:

STT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		% so sánh
			Kế hoạch	Thực hiện	
I Số liệu hợp nhất					
1	Doanh thu hợp nhất	16.985.353	18.067.000	19.588.783	108,4%
2	Chi phí hợp nhất	15.566.168	17.116.000	18.376.361	107,4%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	1.419.185	951.000	1.212.422	127,5%
II Công ty mẹ					
1	Doanh thu	1.629.154	1.750.148	1.896.147	108,3%
2	Chi phí	1.318.215	1.419.492	1.693.882	119,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	310.939	330.656	202.265	61,2%

3.3 Giám sát Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn

Kết quả kiểm tra không thay đổi so với Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KPMG: Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trong yếu tố hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31/12/2022; kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.4 Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tham gia công tác đánh giá hoạt động người đại diện vốn Tập đoàn tại các doanh nghiệp Tập đoàn có tham gia góp vốn, đánh giá tin nhiệm các doanh nghiệp trong Tập đoàn, soạn thảo tài liệu và giảng dạy các chuyên đề về tài chính kế toán, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ trong chương trình đào tạo nội bộ của Tập đoàn.

4. Dánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Cơ quan điều hành và các Cổ đông:

- Đối với Hội đồng quản trị: hàng quý, năm Ban Kiểm soát đều gửi Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát đến Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn.

- Đối với các Cổ đông: trong năm 2022, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu từ phía Cổ đông.

Báo cáo hoạt động của Cơ quan điều hành

1. Môi trường hoạt động năm 2022:

Sau 3 năm ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, năm 2022 nền kinh tế thế giới đối mặt với nhiều biến động phức tạp từ xung đột Nga - Ukraine tạo ra khủng hoảng năng lượng toàn cầu, cuộc khủng hoảng này đã tác động trực tiếp lên cách chính sách nói lời tiễn tệ trong giai đoạn khó khăn Covid của các quốc gia gây lên lạm phát cao tại các nền kinh tế trên thế giới.

Chính phủ các nước Mỹ, EU... đã nhanh chóng thực hiện các chính sách thất chật, tiễn tệ để ngăn chặn và giảm lạm phát, các chính sách này cũng đã tác động lên nhu cầu tiêu dùng tại các quốc gia xuất khẩu lớn như Việt Nam và đồng thời tác động gián tiếp lên lãi suất, tỷ giá tại Việt Nam làm tăng chi phí vốn tại các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, chính sách Zero-covid của chính phủ Trung Quốc đã tác

động tiêu cực đến cầu dệt may và chuỗi cung ứng toàn cầu. Từ các tác động đó nêu, kinh tế thế giới năm 2022, tăng trưởng thấp ở mức 2,9% (2021: 6%), tăng trưởng GDP tại Mỹ đạt 1,7%, EU đạt 2,6%. Đối với ngành Dệt May, tổng cầu dệt may thế giới năm 2022 giảm còn 757 tỷ USD (năm 2021 là 805,3 tỷ USD) đặc biệt là hàng Dệt kim. Giá nguyên liệu Bông trên thế giới biến động bất thường cùng giá dầu và lạm định vào tháng 5/2022: 3,73\$, vào thời điểm cuối năm hạ về 2,25 đến 2,4\$ tác động mạnh đến giá trị Sợi đang trên dây chuyển sản xuất và Sợi tồn kho chưa xuất bán, vào giải đoạn già bong hè "đột biến" gần như không có nhu cầu về khách hàng mua Sợi. Khủng hoảng logistic trên thế giới bước đầu đã được khắc phục, tinh trạng thiếu Container

không còn xảy ra như những năm đại dịch. Tuy nhiên, chi phí logistic vẫn neo ở mức giá cao.

Là một ngành SXKD chủ yếu tập trung vào xuất khẩu, ngành Dệt May Việt Nam đã chịu tác động lớn từ yếu tố thị trường bên ngoài, năm 2022 xuất khẩu dệt các thị trường Mỹ và EU đều tăng so với năm 2021, riêng đối với thị trường Trung Quốc giảm so với năm 2021. Thị trường Sợi không có nhu cầu, doanh nghiệp may thiếu đơn hàng, đơn hàng nhỏ, yêu cầu cao và thời gian giao hàng ngắn. Các khó khăn vào thời điểm cuối năm cũng báo hiệu năm 2023 đây là thách thức với nền công nghiệp may mặc.

Đối với ngành Dệt May, tổng cầu dệt may thế giới năm 2022 giảm còn 757 tỷ USD (năm 2021 là 805,3 tỷ USD) đặc biệt là hàng Dệt kim. Giá nguyên liệu Bông trên thế giới biến động bất thường cùng giá dầu và lạm định vào tháng 5/2022: 3,73\$, vào thời điểm cuối năm hạ về 2,25 đến 2,4\$ tác động mạnh đến giá trị Sợi đang trên dây chuyển sản xuất và Sợi tồn kho chưa xuất bán, vào giải đoạn già bong hè "đột biến" gần như không có nhu cầu về khách hàng mua Sợi. Khủng hoảng logistic trên thế giới bước đầu đã được khắc phục, tinh trạng thiếu Container

5. Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, COBHT Tập đoàn thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Giám sát kiểm tra theo quý, năm hoạt động của Công ty mẹ Tập đoàn và các Công ty con.

- Thực hiện những công việc khác theo yêu cầu của HĐQT, của các cổ đông.

- Giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

2. Dánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022:

Năm 2022, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đạt doanh thu 19.589 tỷ, đạt 108,4% kế hoạch và tăng 15,3% so với cùng kỳ; Lợi nhuận (hợp nhất) (trước thuế) đạt 1.212 tỷ đồng, đạt 127,5% kế hoạch và tương đương 85,4% so với năm 2021. Một số nguyên nhân chính, tác động đến kết quả Tập đoàn năm 2023:

01 Ngành Sợi chịu tác động mạnh bởi 2 nguyên nhân chính: tăng giảm đột biến bởi sự biến động giá nguyên liệu Bông và nhu cầu tiêu thụ vào thời điểm 4 tháng cuối năm, ảnh hưởng đến việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Lãi suất và tỷ giá: là doanh nghiệp xuất khẩu có lợi thế về nguồn ngoại tệ, song tại thời điểm cuối năm gặp bất lợi về tỷ giá đối với hàng tồn kho chưa tiêu thụ.

Lương bình quân toàn Tập đoàn năm 2022 tăng 14% so với năm 2021, đạt mức 9.69 triệu đồng/người/tháng (năm 2021: 8,4 triệu đồng/người/tháng) làm tăng tổng chi phí toàn Tập đoàn.

Cách hệ số tài chính vào thời điểm cuối năm 2022 ôm mức an toàn:

TÊN CHI SỐ	Năm 2021	Năm 2022	Số sánh
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,36	1,35	99,4%
2. Hệ số thanh toán nhanh	0,88	0,77	86,8%
CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG			
1. Hiệu suất sử dụng tài sản	0,79	0,91	115,1%
2. Ngày tồn kho bình quân	75 ngày	83 ngày	109,9%
3. Ngày thu tiền bình quân	68 ngày	56 ngày	81,7%
4. Ngày trả tiền bình quân	274 ngày	240 ngày	87,7%
5. Vòng quay vốn lưu động	1,90	1,91	100,7%
KHẢ NĂNG TỰ CHỦ TÀI CHÍNH			
1. Hết số tổng nợ phải trả / Trống tài sản	0,55	0,53	95,9%
2. Hết số Nợ / Vốn chủ sở hữu	1,24	1,13	91,2%
3. Khả năng tài trợ vốn dài hạn (tỷ đồng)	2.520,23	2.477,36	98,3%
HỆ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
6. Tỷ lệ lãi sau thuế (ROA)	6,7%	5,4%	80,0%
7. Tỷ lệ lãi ròng (ROE)	15,1%	11,8%	77,9%
PHẦN TÍCH CỔ PHIẾU			
1. EPS	621	404	65,1%
2. BVPS	17.900	18.669	104,3%

3. Các hoạt động đã triển khai năm 2022:

Nghiên cứu phát triển

vài châm chay: Vinatex-Kova phối hợp nghiên cứu và sản xuất vài châm chay từ nguyên liệu mới metta-aramid và đưa công nghệ nano túi vò trấu vào vài. Sản phẩm là sự kết hợp của công nghệ dệt nhuộm của Vinatex và công nghệ Nano của Kova - là thế mạnh của hai Tập đoàn. Sản phẩm đang được hoàn thiện công nghệ để đưa vào sản xuất khiếu sản phẩm có ứng dụng cao teknologico mới hóa để đưa sản phẩm đến khách hàng, cụ thể:

- Quần áo bảo hộ lao động túi vải châm chay
- Xử lý khả năng châm chay cho sản phẩm:
 - Châm/mén, thiết kế mặt hàng chăn/mền châm chay đáp ứng tiêu chuẩn của hàng không (14 CFR part25-tiêu chuẩn Mỹ) chào hàng cho Vietnam Airlines và Nhật Bản.
 - Chân đóng phục cho các trường quốc tế tại Việt Nam.
 - vài nội thất (vải lót bìa cho các trường học).
- Hợp tác với Tập đoàn Coats về bảo mật thông tin, phát triển màng hàng và mở rộng thị trường sản phẩm vải châm chay.

Soi iỏi: hợp tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm từ sợi lõi filament bọc cotton với các đơn vị thành viên như Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 và Tổng công ty CP Dệt may Nam Định.

Công tác đầu tư phát triển

Trong năm 2022, Tập đoàn thực hiện 32 dự án đầu tư, trong đó 17 dự án hoàn thành 9 dự án chuyểnt tiếp và 6 dự án mới. Tổng mức đầu tư của 32 dự án là 2.543 tỷ đồng. Giải ngân năm 2022 là 333 tỷ đồng, trong đó ngành Sợi chiếm 48,83% số tiền giải ngân, tương đương 211,4 tỷ đồng. Năng lực tăng thêm trong năm 2022 cù the:

- Linh vực Sợi: 10.000 tấn/năm
- Linh vực Dệt-Nhuộm: 2.400 tấn/năm
- Linh vực May: 337 ngàn sản phẩm/năm

Công tác phát triển nguồn nhân lực

Lao động bình quân năm 2022: 63.982 người tương đương năm 2021, nhưng thu nhập bình quân năm 2022 tăng 14%, mức tăng cao nhất từ 2015 đến nay gần 2,5 lần. Lương bình quân toàn quốc: Trong quý 4, ngành dệt may cà nược thiếu 20% việc làm (bao gồm Doanh nghiệp FDI) nhưng lao động Tập đoàn tăng thêm 13%.

Bằng cách phương pháp đào tạo mới, tiên tiến, kết hợp giải quyết những vấn đề thực tế của học viên, Tập đoàn đã triển khai các lớp đào tạo trong đó tập trung đào tạo kỹ năng cho thế hệ trẻ; cùng cố kiến thức, tư duy chiến lược cho đội ngũ cán bộ mới bổ nhiệm và nâng cao kỹ năng quản trị cho giám đốc các nhà máy tại miền Trung, đồng thời hình thành kết nối giữa các học viên của các đơn vị, các ngành nghề với nhau, cụ thể:

- Khóa đào tạo kỹ năng Young Talent để hoàn thành giai đoạn 1 với 150 học viên từ 18 đến 25 tuổi, nội dung đào tạo là Phương pháp làm việc mới và các kỹ năng cần thiết, trong đó có 9 học viên được đào tạo để trở thành giảng viên nội bộ để phát huy tối ưu trao trong khóa học.
- Khóa đào tạo cán bộ cấp cao - Chương trình bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý doanh nghiệp cấp cao giai đoạn 1 với 53 học viên là các lãnh đạo tại các đơn vị thành viên và các Ban chấp hành và Tòa án với nội dung đào tạo là Bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị Doanh nghiệp: chiến lược, tổ chức, hệ thống quy chế/quy định, luật Doanh nghiệp, quản trị tài chính, quản trị sản xuất
- Khóa đào tạo Giám đốc nhà máy Dệt May: Tổ chức 02 lớp với thành viên cho 80 học viên của các đơn vị miền Trung

Công tác tài chính kế toán

Công tác tài chính kế toán đã có nhiều giải pháp đổi mới thể hiện vai trò trong sự liên kết để nâng cao khả năng thanh toán cho các đơn vị trong

- **Có nhiều giải pháp đảm bảo khả năng thanh toán cho các đơn vị trong**
giai đoạn khó khăn tiêu thụ, đảm bảo an toàn tài chính, đồng tiến cho các đơn vị thành viên.
- **Thay đổi giải pháp quản lý kế hoạch SXKD, bám sát và hỗ trợ DN trong**
hoạt động SXKD.

- **Hệ thống báo cáo quản trị Tập đoàn được nâng cấp.** Điều chỉnh quyết định trong bối cảnh biến động liên tục.

- **Áp dụng công cụ khám sức khỏe DN theo chuẩn quốc tế (Score),** để
đòi lường, đánh giá với các doanh nghiệp trong và ngoài tập đoàn, qua
do có giải pháp kịp thời.

Xây dựng và đổi mới nền tảng quản trị

Vai trò của Công ty mẹ trong công tác dự báo, chỉ đạo, điều phối triễn khai kế hoạch SXKD của các đơn vị thành viên nhằm thích nghi với những thay đổi liên tục của môi trường luôn biến động.

Vai trò điều phối hỗ trợ:

Công ty mẹ Tập đoàn đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối để tương tác hỗ trợ về: thị trường, kỹ thuật, đào tạo, tài chính giữa các đơn vị thành viên. Đối với công tác giao kế hoạch và quản lý thuc hiện kế hoạch của đơn vị thành viên, Tập đoàn đã triển khai theo hướng da chieu, trên cùng một môi trường. Bám sát thực tế doanh nghiệp, chỉ đạo thông nhất trong từng ngành, xác định đúng vấn đề vướng mắc của doanh nghiệp và phối hợp tim lõi giải. Nâng cao chất lượng công tác pháp chế để tạo hành lang vận hành cho Công ty mẹ và đơn vị thành viên. Tăng cường tu vần, hỗ trợ pháp lý cho các ban chức năng và đơn vị thành viên trong một số vụ việc cụ thể về đầu tư, tài chính và tranh tụng...

Công tác dự báo, định hướng:

Tại văn phòng Công ty mẹ, đã thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo để cập nhật; phân tích, dự báo về tình hình kinh tế, thị trường ngành dệt may; định hướng hoạt động SXKD trong bối cảnh biến động, phòng ngừa rủi ro do các yếu tố thị trường nang lại. Dựa ra giải pháp mới trong công tác dự báo. Có độ chính xác dữ liệu cao, trên cơ sở tính toán khoa học, sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính. Bám sát diễn biến thị trường, nghiên cứu những nơi đang mang tính xu hướng tác động đến lĩnh vực dệt may. Đánh giá các tác động diễn biến thị trường và đưa ra dự báo tình hình, lập dựng, và duy trì hình thức sinh hoạt thường xuyên với các đơn vị thành viên.

Ứng dụng các giải pháp làm việc linh hoạt, tập trung chuyên đổi soi các hoạt động cốt lõi nhằm nâng cao hiệu suất và tốc độ xử lý công việc trong bối cảnh thế giới biến động liên tục:

Văn phòng Tập đoàn và một số đơn vị thành viên đã áp dụng giải pháp làm việc linh hoạt theo phương pháp Agile. Để đảm bảo khả năng thích nghi trong việc tổ chức triển khai hoạt động SXKD và các hoạt động cung cấp nền tảng vận hành. Đồng thời, thay đổi giải pháp làm việc trên môi trường số: Sử dụng mạnh mẽ CNTT vào xử lý các công việc tại Công ty mẹ và một số đơn vị trong khu vực. - Chuyển đổi số hoạt động. Tài chính kế toán và Quản lý nguồn nhân lực; - Sử dụng E-office để số hóa quy trình triển khai công việc tại Công ty mẹ; - Ứng dụng tối đa MS365 để tạo môi trường cho các giải pháp làm việc linh hoạt;

4. Kế hoạch SXKD năm 2023:

- Năm 2023, ngành Dệt May thế giới sẽ tiếp tục đối mặt với những thách thức phát sinh từ quý I, năm 2022: (1) Xung đột Nga – Ukraina tiếp tục gây sức ép lên giá năng lượng và lương thực thực ảnh hưởng mạnh đến các thị trường xuất khẩu của Dệt May Việt Nam (2) Lạm phát đã được kiểm soát, song các chính sách tiền tệ đã giảm bớt áp lực, tuy vậy tăng lãi suất của các Ngân hàng trung ương, song nền lãi suất cao Khả năng sẽ được duy trì đến hết năm (3) Tổng cầu dệt May thế giới 2023: 700 tỷ USD, dự báo giảm 8% so với năm 2022.
- Dự kiến doanh thu hợp nhất đạt 17.500 tỷ đồng, bằng 89% kết quả thực hiện năm 2022; lợi nhuận hợp nhất đạt 610 tỷ đồng, bằng 50% kết quả thực hiện năm 2022. Với nhiệm vụ điều hành được thực hiện trên quan điểm chung trong giai đoạn biến động bất ổn:
- Tiếp tục bám sát diễn biến thị trường để đưa ra các quyết định linh hoạt, kịp thời.
 - Đầu tư thiết bị, công nghệ, cải thiện quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động, để đáp ứng nhu cầu dài hạn.
 - Tăng cường công tác chuyên đổi soi các hoạt động cốt lõi để đẩy nhanh hoạt động quản trị.
 - Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo các kỹ năng mới cho người lao động, để đáp ứng nhu cầu dài hạn.



I GÓC NHÌN

Các nền kinh tế lớn



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2022

Báo cáo tình hình thị trường năm 2022 và triển vọng năm 2023

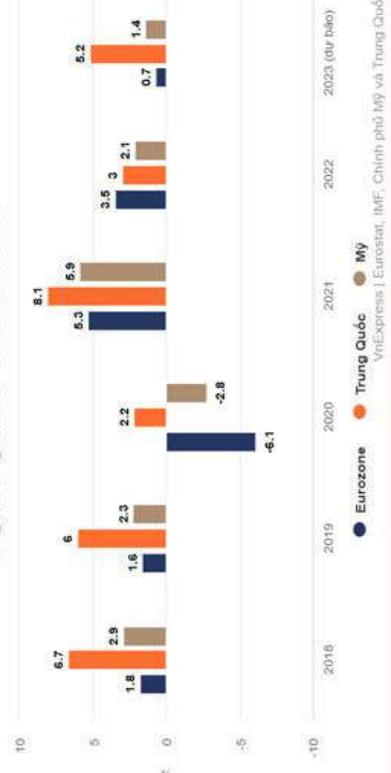
Trung Quốc: Nền kinh tế Trung Quốc dự kiến sẽ phục hồi trong năm 2023, tăng trưởng GDP từ mức 3% của năm 2022, tăng lên 5,2% vào năm 2023, khi việc dỡ bỏ các hoạt động tắt đèn sau khilIMITED TIME OFFER

EU: Nền kinh tế của EU năm 2022 đã phục hồi tốt hơn dự kiến khi đổi mới với cú sốc lớn về nguồn cung năng lượng đến từ cuộc xung đột Nga - Ukraine. Tăng trưởng GDP của EU năm 2022 ở mức 3,5%, lần đầu tiên kể từ năm 1974, cao hơn Mỹ và Trung Quốc. Tuy nhiên IMF đánh giá mức tăng trưởng này được hỗ trợ 1/3 bởi Chính phủ - khoảng 1,2% GDP cho các hộ gia đình và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng năng lượng.

Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP toàn cầu suy giảm

Năm 2022 là một năm đầy sóng gió với kinh tế thế giới, xung đột địa chính trị Nga-Ukraine kéo theo cuộc khủng hoảng năng lượng và giá hàng hóa cơ bản tăng cao. Tăng trưởng GDP thế giới năm 2022 chỉ đạt 3,4% (bằng xấp xỉ 50% tăng trưởng GDP của năm 2021), tỷ lệ lạm phát cao ở người dân 8,8% khiến các ngân hàng trung ương lấn lướt thất bại các chính sách tài chính. Kinh tế thế giới chịu cú sốc tiếp ngay sau năm 2021 khi chấm dứt qua ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU DỆT MAY VIỆT NAM VÀ CÁC QUỐC GIA CẠNH TRANH

Trung Quốc

Trong năm 2022, xuất khẩu dệt may Trung Quốc vẫn đạt mức cao mới 323 tỷ USD, tăng 2,6% so với năm 2021, trong đó:

- Hàng dệt xuất khẩu dệt 148 tỷ USD, tăng 2% so cùng kỳ;
- Hàng may mặc xuất khẩu dệt 175 tỷ USD, tăng 3,2% so cùng kỳ.

Bangladesh

Xuất khẩu dệt may của Bangladesh tháng 12 đạt 4,6 tỷ USD tăng 15,3% so cùng kỳ, trong bối cảnh các quốc gia xuất khẩu dệt may lớn khác như Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ đều giảm từ quý 4/2022. Cả năm 2022, Bangladesh xuất khẩu dệt may đạt 45,7 tỷ USD, tăng gần 26% so năm trước.

Ấn Độ

Xuất khẩu dệt may Ấn Độ tháng 12/2022 tiếp tục giảm 25,5%, giảm tháng thứ 6 liên tiếp (riêng hàng may mặc tăng nhẹ, đạt 1,02 tỷ USD, tăng 1% so cùng kỳ).

Cả năm 2022, Ấn Độ xuất khẩu dệt may đạt 37,6 tỷ USD, giảm 4,3% so năm ngoái, trong đó:

- Hàng dệt đạt 21 tỷ USD, giảm 13,4% so năm ngoái.
- Hàng may mặc đạt 16,6 tỷ USD, tăng 10% so năm ngoái.



Tình hình xuất khẩu DMVN

Năm 2022 thị trường dệt may chứng kiến 2 bức tranh có màu sắc đối lập giữa 6 tháng đầu năm khởi sắc và 6 tháng cuối năm đảo chiều khó khăn (8 tháng đầu năm xuất khẩu tăng 20% so cùng kỳ, tháng 9 chỉ còn tăng 11% nhưng tháng 10 và tháng 11 quay đầu giảm lần lượt 4% và 10% so cùng kỳ) khi nhu cầu tiêu thụ dệt may tại các thị trường lớn như Mỹ, EU suy giảm do lạm phát cao và lãi suất tăng. Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam đạt 44,7 tỷ USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu tăng hơn 10% so năm 2021 nhưng tốc độ tăng trưởng của quý 4/2022 đã chậm lại và tinh hình khó khăn dự kiến còn tiếp diễn trong năm 2023.

Tình hình xuất khẩu các quốc gia cạnh tranh

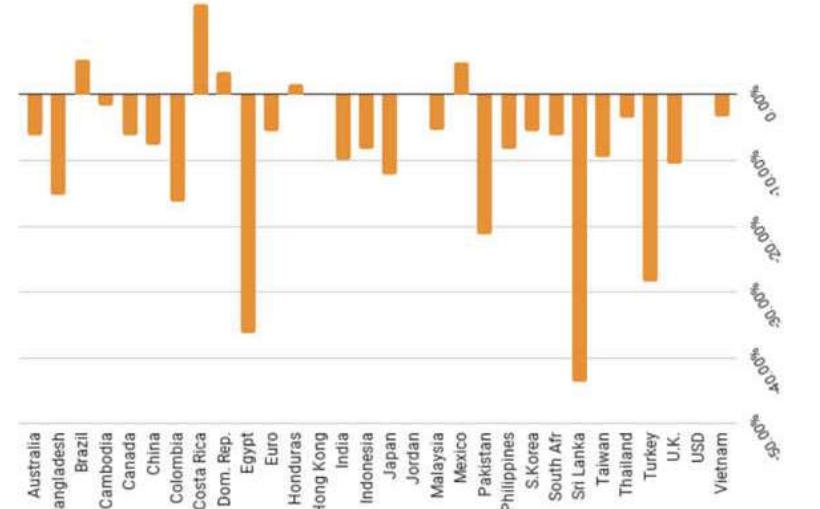
Trong năm 2022, trước bối cảnh cao thị trường tiêu thụ dệt may lớn như Mỹ EU, Nhật Bản làm phát lãi suất tăng nhanh, xuất khẩu dệt may của các quốc gia sản xuất/xuất khẩu dệt may lớn đều bị ảnh hưởng, da số giảm mạnh, trừ Trung Quốc và Bangladesh duy trì được đà tăng.

Viet Nam giữ vị trí thứ 3 về các quốc gia xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới và là quốc gia hiếm hoi duy trì tăng trưởng xuất khẩu dệt may trong năm 2022 với tốc độ tăng 10,6% đứng thứ 2 thế giới, sau Bangladesh.

Tình hình xuất khẩu dệt may của các quốc gia như sau:

Biểu đồ: Biến biến tỷ giá đồng tiền các quốc gia so với USD năm 2022

Currencies vs. US\$ in 2022





‘‘

Kinh tế Việt Nam cũng không nằm ngoài khán chung của thị trường với mức tăng trưởng GDP quý I chỉ đạt 3,32% - mức tăng trưởng thấp nhất của quý I trong 12 năm qua (trừ quý 1/2020 khi bùng phát đại dịch). IMF đã điều chỉnh hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam từ mức 6,5% xuống 5,8% trong năm 2023.

’’

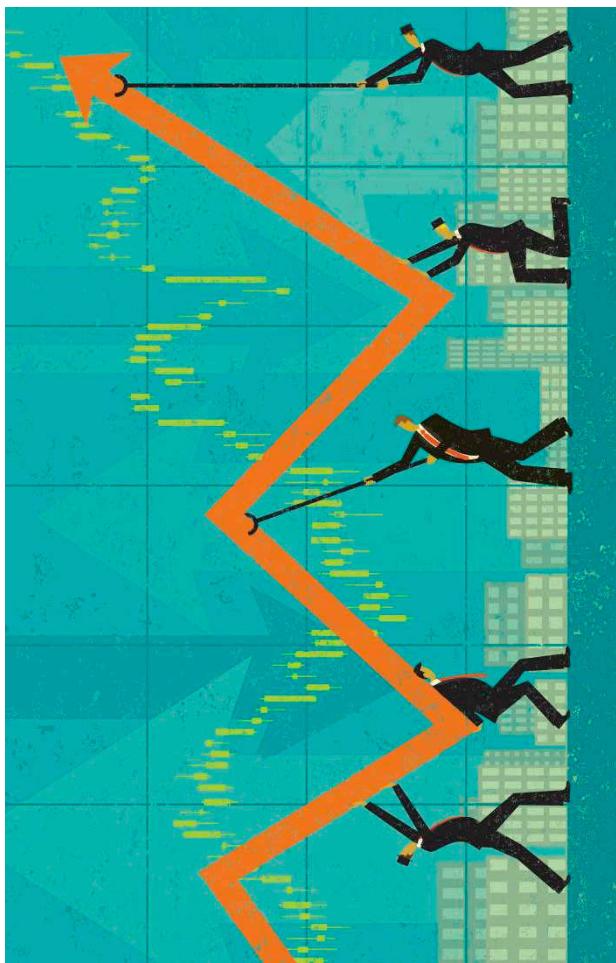
Nhu cầu tiêu dùng của các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc vẫn tiếp tục giảm do kinh tế vĩ mô toàn cầu vẫn ở trạng thái bất định. Nhập khẩu hàng dệt may của Mỹ đã giảm 13% xuống còn 17,5 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm 2023 so với mức 20,1 tỷ USD cùng kỳ 2022. Doanh số bán lẻ hàng may mặc của thị trường này cũng quay đầu giảm trong tháng 2 (-0,4%) và tiếp tục giảm trong tháng 3. Tỉnh hình thường tự cung xây ra ở khu vực Châu Âu với doanh số bán lẻ giảm 0,8% trong tháng 2. Tồn kho tăng và lợi nhuận giảm trong quý 1 được ghi nhận ở nhiều hãng thời trang và nhà may hàng lớn như Nike, Adidas, Uniqlo, Hanes Brand.

17,5% xuống 5,8% trong năm 2023 và 2024.

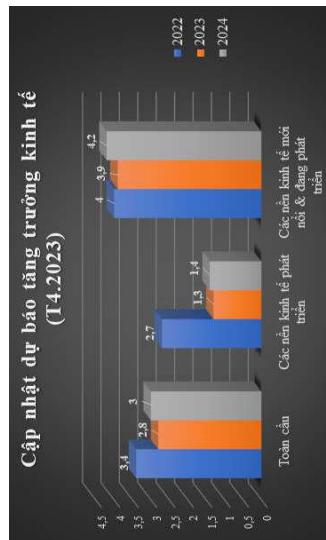
Như vậy, diễn biến gần đây chưa cho thấy các tín hiệu phục hồi của nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước. Trong trường hợp xấu, kinh tế Mỹ 'hạ cánh cứng', kinh tế thế giới rơi vào suy thoái, tình trạng cầu yếu sẽ còn kéo dài không chỉ trong năm 2023, kích thích phục hồi lại nền kinh tế trong tình trạng suy thoái, giảm phát sẽ mất rất nhiều thời gian. Trong kịch bản trung bình (kịch bản) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ngày 4/4), cả xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam sẽ giảm 7% trong 2023 và 2024.

Ngành dệt may trong nước đang phải đối diện với những khó khăn chưa từng có trong tiền kỉ. Xuất khẩu dệt may quý I/2023 giảm 19% so với cùng kỳ, chỉ đạt 8,6 tỷ USD, nguyên nhân là do khó khăn về đơn hàng giàn nhiên liệu, nhân công và các yếu tố đầu vào tăng cao. Bên cạnh đó, để hỗ trợ doanh nghiệp dệt may, kinh thich tiêu dùng nội địa và thúc đẩy xuất khẩu, Chính phủ các quốc gia dệt may như Bangladesh, Ấn Độ đã tung ra nhiều biện pháp hỗ trợ tạo thêm việc làm cho ngành Dệt May Việt Nam. Sản xuất kinh doanh trì trệ, nhiều doanh nghiệp đã phải tạm歇 sản xuất, cắt giảm lao động, giảm giá để làm đồng thời đắt mục tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2023 giảm đáng kể so với mức thực hiện năm 2022.

Trong trường hợp kinh tế thế giới rơi vào suy thoái (kịch bản xấu), tổng cầu dệt may có thể chỉ quanh mức 650 tỷ USD (giảm khoảng 100 tỷ USD so với năm 2022), kinh ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2023 có thể thấp hơn năm 2022 khoảng 5% - 10%.



Cập nhật dự báo tăng trưởng kinh tế (T4.2023)



Các yếu tố bất lợi ảnh hưởng đến thị trường dệt may trong năm 2022 vẫn tiếp tục duy trì sang năm 2023, thậm chí có nhiều tín hiệu tiêu cực từ kinh tế thế giới. Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Việc duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt tại Mỹ và EU mặc dù giúp kim hàn lâm phát triển năm 2022 nhưng lại làm lung lay hệ thống tài chính-nghiên hàng. Ngay trong nửa đầu tháng 3 đã có 3 ngân hàng tại Mỹ phải sáp và 1 ngân hàng lớn của Thụy Sỹ mất thanh khoản, ban lệnh cho UBS. Điều này làm dấy lên lo ngại về một cuộc suy thoái kinh tế trong năm 2023. Báo cáo mới đây nhất của IMF ngày 12/4, đã điều chỉnh giảm mức dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 xuống về 2,8% và 3% cho năm 2024. Trong khi đó, WTO ngày 5/4 đưa ra dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu chậm lại ở mức 1,7% trong năm 2023, tăng trưởng GDP toàn cầu ở mức 2,4% - là mức tăng thấp hơn mức trung bình 12 năm qua đối với cả thương mại và GDP. Các nền kinh tế lớn cũng đều bị hạ dự báo tăng trưởng GDP như Mỹ, chỉ quanh ngưỡng 1%, khu vực Châu Âu ở mức 0,8% trong khi tăng trưởng GDP của Anh là -0,3% trong năm 2023.

Hợp đồng, giao dịch giữa Vinatex với người nội bộ và các bên liên quan của người nội bộ

(Ghi chú: Người nội bộ: HDQT, BKS, CQDH của Vinatex)

STT	Công ty có người nội bộ của Vinatex tham gia các chức danh HDQT, BKS, CQDH	Loại giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Công ty con của Vinatex	Công ty có người nội bộ của Vinatex tham gia các chức danh HDQT, BKS, CQDH	Loại giao dịch	Tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	Bán hàng hóa, dịch vụ Tiền lãi cho vay	563.810.000 16.373.989.655	Ông Trần Quang Nghị: Chủ tịch HDQT	Người nội bộ của Vinatex và các chức danh các người nội bộ tại công ty có phát sinh hợp đồng, giao dịch với Vinatex	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.429.403.261
2	Tổng Công ty May 10-CTCP	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	986.324.022 8.644.321.836	Ông Đặng Vũ Hùng; Phó Chủ tịch HDQT	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đồng Xuân	Mua hàng hóa, dịch vụ	11.056.310.371
3	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may/Miền Bắc - Vinatex	Bán hàng hóa, dịch vụ Thu hồi gốc cho vay	50.000.000 35.204.940.840	Ông Đặng Vũ Hùng; Chủ tịch HDQT Ông Nguyễn Sông Hải: Thành viên HDQT-TGD	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đồng Nai - Vinatex	Mua hàng hóa, dịch vụ	4.617.263.552
4	Công ty CP Quốc tế Phong Phú	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.059.480.000	Ông Đặng Vũ Hùng; Chủ tịch HDQT	Tổng Công ty CP DM Hà Nội	Mua hàng hóa, dịch vụ	12.859.686.223
5	Công ty CP Dệt Vĩnh Phú	Bán hàng hóa, dịch vụ	3.500.841.299	Ông Nguyễn Xuân Đông: Chủ tịch HDQT	Công ty CP Dệt may Huế	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.424.458.728
6	Tổng Công ty CP May Nhà Bè	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	2.655.968.897 169.277.730	Ông Nguyễn Xuân Đông: Chủ tịch HDQT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	Bán hàng hóa, dịch vụ	965.816.460
7	Công ty CP Sợi Phú Bài	Bán hàng hóa, dịch vụ	134.531.795	Ông Cao Hữu Hiếu; Chủ tịch HDQT	Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ	Mua hàng hóa, dịch vụ	29.084.050.899
8	Công ty CP Phát triển Hà Tangerine Đại Nội	Bán hàng hóa, dịch vụ	9.380.471.250	Ông Cao Hữu Hiếu; Chủ tịch HDQT	CTCP Dệt may Huế	Bán hàng hóa, dịch vụ	109.411.290.781
9	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đồng Xuân	Bán hàng hóa, dịch vụ Tiền lãi cho vay	16.308.977.221 1.816.461.258	Ông Nguyễn Sông Hải: Chủ tịch HDTV Bà Trần Thu Hằng; Trưởng BKS	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	Mua hàng hóa, dịch vụ	11.878.848
10	Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	Bán hàng hóa, dịch vụ Tiền lãi cho vay	85.000.000 6.555.764.656	Ông Nguyễn Sông Hải: Chủ tịch HDQT Ông Nguyễn Ngọc Cánh: Thành viên HDQT	Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định	Mua hàng hóa, dịch vụ	18.660.326
11	Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định	Bán hàng hóa, dịch vụ Tiền lãi cho vay	45.000.000 23.318.500	Ông Phạm Văn Tân; Chủ tịch HDQT Bà Trần Thu Hằng; Trưởng BKS	CTCP Sợi Phú Bài	Bán hàng hóa, dịch vụ	129.818.201
12	Công ty CP May Nam Định	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	25.550.000	Ông Phạm Văn Tân; Chủ tịch HDQT	Công ty TNHH TCT Dệt may Miền Bắc - Vinatex	Thuê nhà máy	41.496.000
13	Công ty CP May Bình Minh	Bán hàng hóa, dịch vụ	557.862.470	Ông Lê Mạc Thuấn; Chủ tịch HDQT	Tổng Công ty CP May 10	Mua Tài sản	29.536.492.525
14	Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex	Bán hàng hóa, dịch vụ Tiền lãi cho vay	1.046.332.800	Ông Phạm Văn Tân; Chủ tịch HDQT	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc - Vinatex	Bán hàng hóa, dịch vụ	4.607.561.538
15	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Tĩnh	Bán hàng hóa, dịch vụ Muah hàng hóa, dịch vụ	49.440.358.806 1.972.723	Ông Lê Mạc Thuấn; Chủ tịch HDQT	CTCP Vinatex Hồng Lĩnh	Cho vay	8.000.000.000
16	Công ty CP Đầu tư Phát triển	Bán hàng hóa, dịch vụ Tiền lãi cho vay	325.281.766 6.454.974.769	Ông Phạm Văn Tân; Chủ tịch HDQT	Tổng Công ty CP Dệt may Hà Nội	Thu nhập lãi cho vay	2.035.722.222
17	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đồng Phương	Bán hàng hóa, dịch vụ Tiền lãi cho vay	2.605.144.296 69.600.000.000	Ông Lê Mạc Thuấn; Chủ tịch HDQT	CTCP Vinatex Hồng Lĩnh	Mua hàng hóa, dịch vụ	813.45.000
18	Tổng Công ty CP Phong Phú	Chu vay	408.109.589	Ông Phạm Xuân Trinh; Chủ tịch HDQT	Tổng Công ty CP Dệt may Nha Trang	Bán hàng hóa, dịch vụ	13.280.080.061
19		Chu vay			CTCP Vinatex Hồng Lĩnh	Chu vay	4.451.172.429
20		Chu vay				Chu vay	21.818.182
21		Chu vay				Chu vay	24.379.325
22		Chu vay				Chu vay	43.471.844.091
23		Chu vay				Chu vay	43.553.401.207
24		Chu vay				Chu vay	20.73.256.828



IV

CHƯƠNG

QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG
&
NHÀ ĐẦU TƯ

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

1. Thông tin cổ phần

(tại ngày 30/12/2022)

Loại cổ phần	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ phần phổ thông				
Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phần			
Tổng số cổ phần đang lưu hành	500.000.000	cổ phần		
Cổ phần chuyển nhượng tự do	500.000.000	cổ phần		
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	cổ phần		

2. Cơ cấu cổ đông

(theo danh sách cổ đông ngày 30/12/2022)

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổ chức	15	385.613.165	77,12%
1.1	Trong nước	12	320.607.265	64,12%
1.2	Nước ngoài	3	65.005.900	13,00%
2	Cá nhân	17.196	114.386.835	22,88%
2.1	Trong nước	17.147	113.752.295	22,75%
2.2	Nước ngoài	49	634.540	0,13%
	Tổng cộng	17.211	500.000.000	100,00%

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông là người nội bộ năm 2022

TT	Họ tên	Chức vụ	Tài 30/12/2022		Tài 01/01/2022		Tăng/ Giảm số CP
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Lê Tiến Trưởng	Chủ tịch HĐQT	5.500	0,001%	5.500	0,001%	-
2	Trần Quang Nghĩ	Phó CT HĐQT	10.003.900	2,001%	10.003.900	2,001%	-
3	Nguyễn Xuân Đông	TV HĐQT	15.000.000	3,000%	15.000.000	3,000%	-
4	Đặng Vũ Hùng	TV HĐQT	5.000	0,001%	5.000	0,001%	-
5	Cao Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc	3.300	0,001%	3.300	0,001%	-
6	Lê Mạc Thuấn	Phó TGĐ	5.100	0,001%	5.100	0,001%	-
7	Lê Trung Hải	Phó TGĐ	3.100	0,001%	3.100	0,001%	-
8	Đoàn Thị Thu Hương	TV BKS	3.000	0,0006%	2.000	0,0004%	1.000

3. Cổ đông lớn

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/12/2022)

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước (Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH)	267.438.100	53,49%
2	Itochu Corporation	65.000.000	13,00%
	Tổng cộng	332.438.100	66,49%

THÔNG TIN LIÊN LẠC BỘ PHẬN QUẢN HỆ CỔ ĐÔNG

Ban Tổng hợp Pháp chế - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Địa chỉ: 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

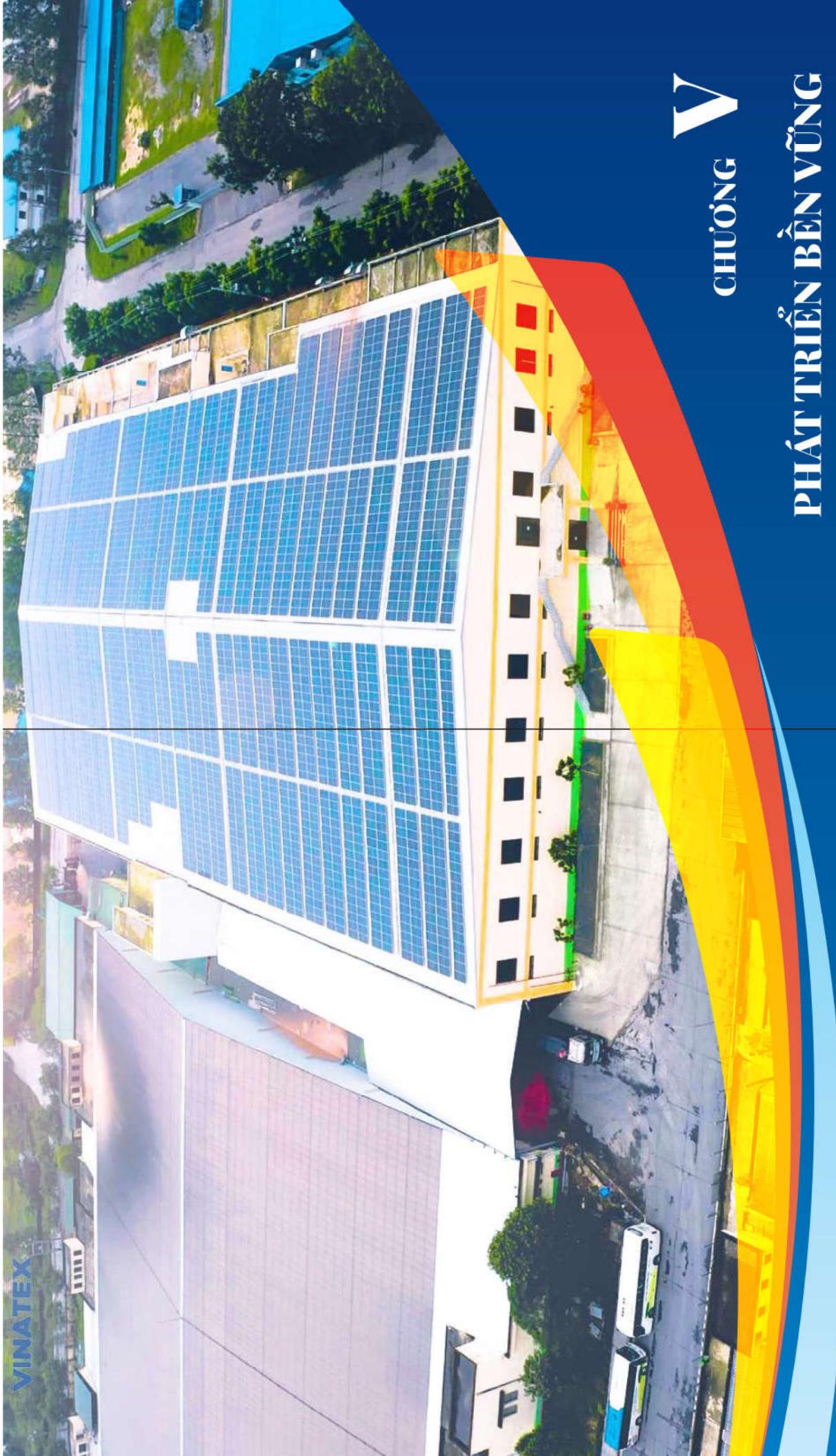
Điện thoại: 024 3825 7700

Email: qncc@vinatex.com.vn

Website: www.vinatex.com.vn (Mục Quản hệ cổ đông)

CHƯƠNG V

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



1. Chính sách liên quan đến người lao động



1.1. Dảm bảo việc làm ổn định, đảm bảo tiền lương - thu nhập của người lao động sau đại dịch

Sau thời gian dài chịu ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp dần ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù tỷ lệ lao động trót lai làm việc khá cao nhưng lực lượng lao động toàn Tập đoàn vẫn sur giảm so với đầu năm 2021 do nhiều đơn vị chưa thể tuyển bổ sung đủ cho nhu cầu SXKD. Một bộ phận người lao động về quê đã không trở lại, việt tuyến lao động mới cũng gặp khó khăn và tăng chi phí đào tạo, năng suất của lao động mới tuy vẫn thấp.

Do sốt ốm định sản xuất sau đại dịch và kết quả tăng trưởng khả của 9 tháng đầu năm 2022 nên các đơn vị trong Tập đoàn đã quan tâm cải thiện tiền lương - thu nhập cho người lao động. Thu nhập bình quân toàn Tập đoàn năm 2022 đạt gần 9,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% (<1,2 triệu đồng/người/tháng) so với năm 2021, đây là mức tăng cao nhất từ 2015 đến nay (trước đây bình quân tăng 6-7%/năm).

Chính sách của người lao động tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt: các doanh nghiệp tiếp tục giải quyết các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, của Công đoàn (hỗ trợ các trường hợp bị covid-19 phải điều trị tại cơ sở y tế, tăng cường dinh dưỡng bữa ăn giữa ca để người lao động nhanh phục hồi sức khỏe sau khi khỏi bệnh, hỗ trợ tiền thuê nhà sau khi người lao động trở lại làm việc...)



1.2. Dảm bảo an toàn lao động, quan tâm chăm sóc sức khỏe người lao động

Ngoài việc tạo công ăn việc làm, đảm bảo tiền lương, thu nhập cho người lao động, Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên luôn quan tâm đến công tác đảm bảo an toàn lao động và chăm lo sức khỏe cho người lao động. Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị làm việc, bảo hộ lao động theo yêu cầu của mỗi vị trí, được huấn luyện về công tác an toàn lao động, kỹ thuật vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Các đơn vị sử dụng nhiều lao động đều có phòng Y tế tư vấn sức khỏe, sơ cấp cứu kịp thời. Tập đoàn có Trung tâm Y tế quản lý toàn bộ hệ thống Y tế tại các đơn vị thành viên và Bệnh viện Dệt May phục vụ công tác chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm bệnh lý nhất là những bệnh lý liên quan đến nghề nghiệp để kịp thời điều trị cho người lao động. Các trường hợp ốm đau đều được thăm hỏi, động viên kịp thời và được trợ cấp ốm đau từ quỹ Công đoàn và doanh nghiệp.





1.3. Duy trì và phát triển chính sách phúc lợi

Ngoài việc chấp hành tốt pháp luật lao động, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn và các đơn vị còn có nhiều chính sách phúc lợi tự nguyện, phúc lợi bổ sung cho người lao động như phụ cấp điện thoại, xăng xe, xe đưa đón, tăng thêm chất lượng bữa ăn trưa, nhà ở hỗ trợ chi phí test covid, hỗ trợ tiền, hiện vật nhu yếu, tăng thêm chất lượng ăn ca để nâng cao sức khỏe người lao động hậu Covid-19. - Hầu hết các đơn vị thuộc Tập đoàn tổ chức xây dựng nhà ăn và tự tổ chức nấu ăn phục vụ ăn ca, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Một số đơn vị thành viên của Tập đoàn đã tổ chức xây dựng các khu nhà ở cho cán bộ công nhân viên chưa có nhà ở thuê với giá rẻ hoặc hỗ trợ bằng tiền để các cán bộ công nhân viên tự thuê nhà; tổ chức nhà gửi trẻ cho người lao động yên tâm công tác; tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi - con CBNV nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi. Tết Trung thu, đồng thời tuyên dương các cháu có thành tích cao trong học tập.

Nhiều doanh nghiệp thành viên trong Tập đoàn nhờ cải tiến công tác quản trị, tiết kiệm được chi phí nên có nguồn để cải thiện chính sách phúc lợi cho người lao động như tổ chức bữa ăn sáng tại doanh nghiệp. Khai thác nguồn rau an toàn để bán cho người lao động, triển khai mô hình trồng rau sạch cung cấp cho bữa ăn giữa ca và đưa vào siêu thị bán cho người lao động với giá chỉ bằng 50% so với giá thị trường. Việc áp dụng các chính sách phúc lợi tự nguyện của doanh nghiệp đã góp phần đảm bảo sức khỏe, nâng cao năng suất lao động tại doanh nghiệp.



1.4. Chính sách đào tạo người lao động luôn được quan tâm

Tập đoàn luôn quan tâm xây dựng văn hóa học tập trong toàn hệ thống. Trong giai đoạn này, Tập đoàn chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển của Tập đoàn, tạo sự kết nối giữa đội ngũ nhân lực tại các đơn vị thành viên và thuận lợi cho việc hợp tác, chia sẻ trong chuỗi sản xuất của Tập đoàn.

Năm 2022, Tập đoàn đã triển khai các chương trình đào tạo, trong đó kết hợp hài hòa lý thuyết và thực践, giúp giảng viên chuyên nghiệp của các tổ chức đào tạo uy tín với các nhà quản lý kinh nghiệm của Tập đoàn, áp dụng các phương pháp đào tạo tiên tiến. Khóa đào tạo cán bộ trẻ (Young Talent) đã hoàn thành giai đoạn 1 trong năm 2022 quy tụ hơn 150 học viên đến từ 18 đơn vị, là cán bộ trẻ tuổi dưới 35, có trình độ chuyên môn và tiếng Anh tốt, nội dung đào tạo toàn diện cả về kỹ năng và kiến thức chuyên môn.

Khóa đào tạo cán bộ quản lý cấp cao giai đoạn 1 với 53 học viên là cán bộ chức danh Trưởng, Phó Ban chức năng của Tập đoàn và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành. Kế toán trưởng tại các đơn vị thành viên với nội dung bồi dưỡng chuyên sâu về quản lý kinh doanh, tài chính, thị trường, nhân lực và trao đổi kiến thức, kinh nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh Dệt May khu vực miền Trung. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng chi đạo Trung tâm Đào tạo cán bộ quản lý ô chức 02 khóa đào tạo Giám đốc nhà máy Dệt May thành viên cho 80 học viên của các đơn vị miền Trung.

Năm 2022, trường DH Công nghiệp Dệt May Hà Nội tuyển được 1.218 sinh viên hệ đại học, đạt 103% kế hoạch. Hơn 900 sinh viên hệ Đại học đều có việc làm sau khi tốt nghiệp.

2. Hiện đại hóa gắn với phát triển bền vững, thân thiện môi trường

Tình hình chung

Các ngành sản xuất chính của Tập đoàn là sản xuất Sợi, Dệt, Nhuộm, May và Phân phối các sản phẩm may mặc. Trong quá trình sản xuất chất thải chủ yếu: nước thải, khí thải và chất thải rắn. Tại những đơn vị có hoạt động sản xuất Dệt, Nhuộm thì nguồn thải chủ yếu là nước thải, khí thải và chất thải rắn. Tất cả những hoạt động phát sinh chất thải của doanh nghiệp đều được thu gom và xử lý theo đúng quy trình, quy định của pháp luật nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động và môi trường xung quanh, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.

Ngoài những lĩnh vực sản xuất trên, Tập đoàn còn quản lý một Bệnh viện với các nguồn thải là nước thải và chất thải rắn (thông thường và chất thải nguy hại). Toàn bộ các nguồn thải này đã được bệnh viện tổ chức thu gom thành viên Tập đoàn năm giữ > 51% vón.

2.1 Tình hình tiêu thụ năng lượng

Bảng 1 - Tiêu thụ năng lượng

Lượng điện SD năm 2022 (kW)	Tổng năng lượng sử dụng năm 2022 (TOE/năm)	Năng lượng điện SD so với năm 2021 (%)	Thực hiện kiểm toán năng lượng
Điện kW	Quy đổi (TOE)	Năng lượng tiêu thụ trực tiếp	Năng lượng tiêu thụ giàn tiếp
455.967.147	70.356	81.833	52
			Tăng 20.9 %
			Thực hiện theo đúng quy định

Sản lượng điện năm 2022 của các đơn vị thành viên Tập đoàn tăng hơn 20% so với năm 2021 vì tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị đã phục hồi trở lại sau thời gian phải停工 due to dịch bệnh Covid-19.

Thực hiện kiểm tra tiết kiệm năng lượng và phát triển nguồn năng lượng sạch thân thiện với môi trường. Nhiều đơn vị trong Tập đoàn đã đầu tư và đưa vào sử dụng nguồn năng lượng sạch (điện áp mặt trời) có thể kể đến một số đơn vị như sau:

- Tổng Công ty CP May Việt Tiến: 7.042.956 kW
- Tổng Công ty Việt Thắng-CTCP: 4.000.000 kW
- Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường: 2.403.817 kW
- Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ: 3.315.580 kW
- Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội: 5.895.922 kW

2.2 Tiêu thụ nước cấp và xử lý nước thải năm 2022

Bảng 2 - Nước cấp

Lượng nước tiêu thụ năm 2022 (m ³ /năm)	So với năm 2021 (%)		Giá bình quân (VNĐ/m ³)			
Nước sản xuất	Nước sinh hoạt	Tổng lượng nước sử dụng				
1.868.784	973.629	2.842.414	Tăng 42%	Tăng 69 %	Chủ yếu là mưa	14.100

Bảng 3 - Nước thải

Lượng nước thải năm 2022 (m ³ /năm)	So với năm 2021 (%)		Chi phí xử lý bình quân (VNĐ/m ³)			
Nước sản xuất	Nước sinh hoạt	Tổng lượng nước thải xử lý				
1.313.505	664.402	1.977.908	Tăng 39%	Chủ yếu sử dụng Hóa lysi + vi sinh	12.400	Có 01 đơn vị: tỷ lệ 100%: 0.22%

Lượng nước cấp và nước thải tăng so với năm 2021 cũng do tình hình sản xuất kinh doanh của năm 2022 được phục hồi trở lại sau dịch Covid-19.



2.3 Tình hình quản lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại

Bảng 4 - Chất thải thông thường và chất thải nguy hại

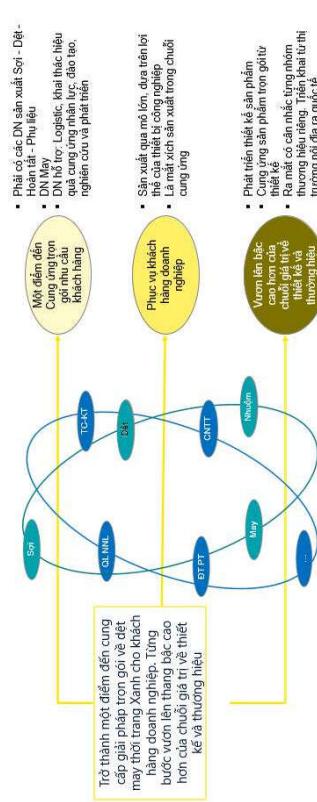
Số lượng (tấn/năm)	Chi phí xử lý (triệu đồng)	Chất thải nguy hại năm 2022 (tấn/năm)		So với năm 2021 (%) Số lượng So với năm 2021 (%) Số lượng
		Số lượng (%) Số lượng	Chi phí xử lý (triệu đồng)	
13.027.933	18.452	Tăng	35.188	1.389 Giảm

Chất thải nguy hại và chất thải thông thường năm 2022 thay đổi nhiều so với năm 2021 chủ yếu do: năm 2022 bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Phố Nối được xác định không phải là bùn thải nguy hại.

3. Chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất

Lộ trình chuyển đổi số của Tập đoàn

Mục tiêu chiến lược: Trở thành một điểm đến cung cấp giải pháp trọn gói về dệt may thời trang Xanh cho khách hàng doanh nghiệp. Từng bước vươn lên thang bậc cao hơn của chuỗi giá trị về thiết kế và thương hiệu.



3.1 Bốn trụ cột cho chương trình chuyển đổi số (CDS)

Với mục tiêu chiến lược xuyên suốt trở thành Một điểm đến (one stop), Vinatex xác định 4 trụ cột trọng tâm cho chương trình CDS của Tập đoàn giúp đạt được mục tiêu chiến lược đã đề ra

04 Trụ cột trọng tâm bao gồm:



Vấn đề an toàn và bảo mật hệ thống được đặc biệt quan tâm.



Phương pháp triển khai

Vinatex có gần 40 đơn vị thành viên và đa dạng hình thức sở hữu, mô hình hoạt động tại từng đơn vị còn nhiều khác biệt chưa có sự đồng nhất. Với môi trường đa dạng như vậy, việc nắm bắt để đánh giá hiện trạng là bước quan trọng đầu tiên của quá trình CDS của Tập đoàn giúp cho việc xác định được hướng đi phù hợp nhất.

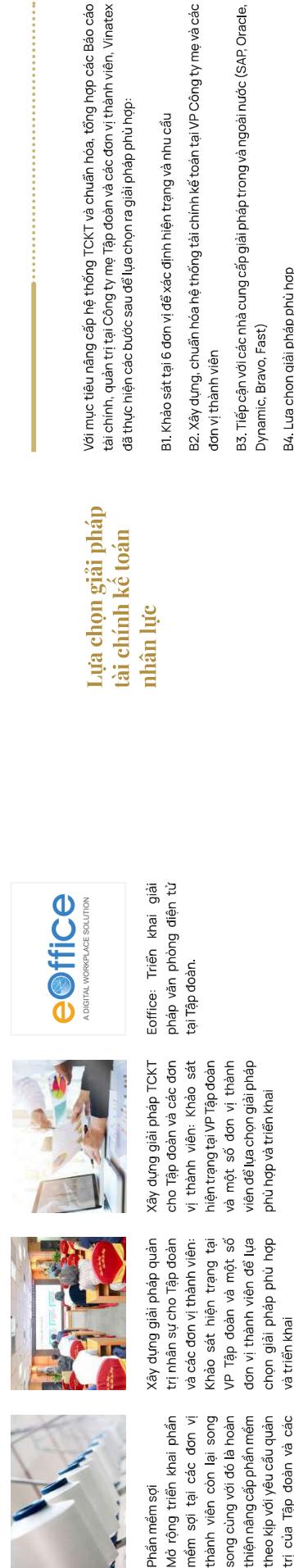


Kết quả đạt được năm 2022



卷之三

Với lộ trình CDS đã xác định như trên, kế hoạch CDS năm 2022 tập trung vào việc đánh giá hiện trạng và thiết lập



Mô róng triển khai phần mềm ssei tại các đơn vị thành viên con lại song song cùng với là hoàn thiện nâng cấp phần mềm theo kíp với yêu cầu quản trị của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

B1. Khảo sát tại 6 đơn vị để xác định hiện trạng và nhu cầu pháp văn phòng điện tử tại Tập đoàn.

B2. Xây dựng, chuẩn hóa hệ thống tài chính kế toán tại VP Công ty mẹ và các đơn vị thành viên

B3. Tiếp cận với các nhà cung cấp giải pháp trong và ngoài nước (SAP, Oracle, Dynamic, Bravo, Fast)

B4. Lựa chọn giải pháp phù hợp

Base

Vinatex triển khai giải pháp văn phòng điện tử của Base, ứng dụng đã góp phần thay đổi phương thức làm việc dựa trên môi trường số. Việc triển khai Base giúp cho việc quản lý, phân bổ công việc rõ ràng minh bạch theo 4 khía cạnh:

- Quản lý công việc: Giao việc theo thời gian, theo dõi tiến độ thực hiện.
- Quản lý quy trình: Thiết lập quy trình, theo dõi lượng phối hợp
- Quản lý nhân sự: Khối lượng công việc, phản hồi nhân sự
- Đảm bảo: Báo cáo theo thời gian thực, phát hiện điểm nghẽn

.....

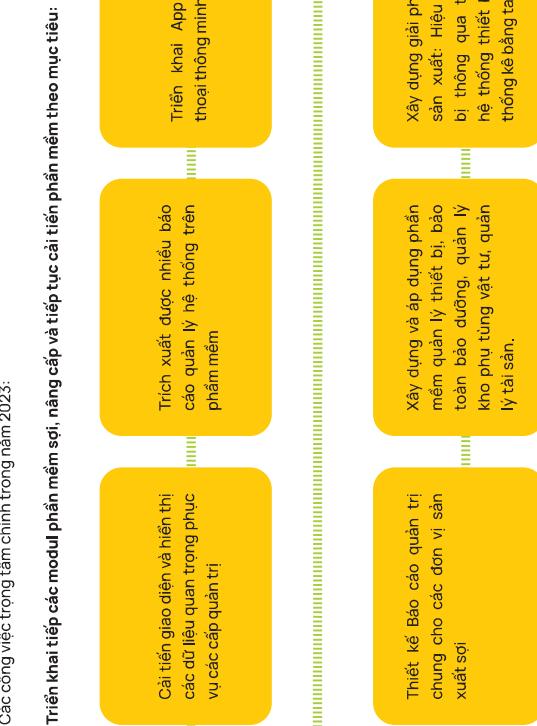
An toàn và bảo mật

Cùng với việc thực hiện chương trình CBS, Vinatex luôn đề cao ý thức về bảo mật dữ liệu, an ninh mạng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa như: Thực hiện backup dữ liệu tự động, nâng cấp hệ thống firewall, bổ sung các đường truyền dự phòng...

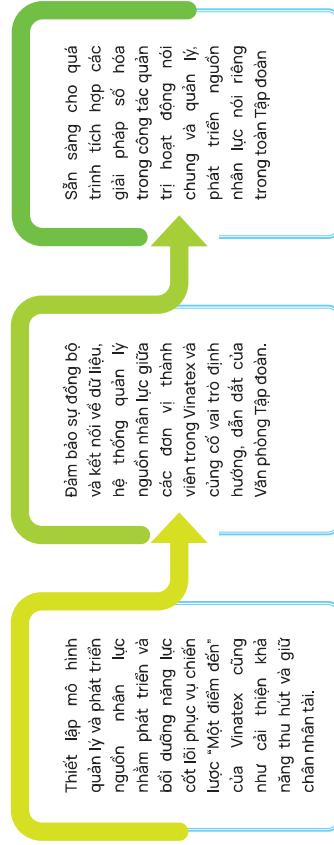
3.3 Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023

Với các chương trình đã thực hiện năm 2022, bước vào năm 2023 Vinatex tiếp tục triển khai chương trình CBS theo lộ trình và kiên định với mục tiêu chiến lược đã đặt ra. Tuy nhiên, Vinatex sẽ lùon đánh giá lộ trình CBS của mình để nếu cần sẽ điều chỉnh cập nhật cho phù hợp với sự phát triển của công nghệ cũng như môi trường kinh doanh đầy biến động như hiện nay.

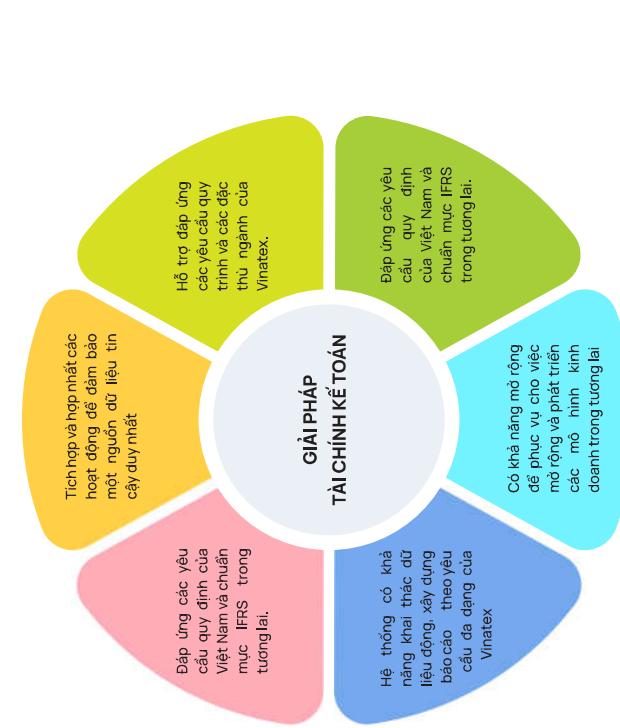
Các công việc trọng tâm chính trong năm 2023:



Triển khai giải pháp QLNNL tại VP Tập đoàn và các đơn vị thành viên để đạt được mục tiêu:



Triển khai giải pháp TCKT tại VP Tập đoàn và các đơn vị thành viên để đạt mục tiêu:



Nâng cao năng lực bảo mật:
Tiếp tục củng cố nâng cao năng lực bảo mật và an toàn dữ liệu.

4. Các hoạt động cộng đồng, an sinh tiêu biểu



Thực hiện chương trình 30a của Chính phủ, vào mỗi dịp Tết Nguyên đán, Lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam đều trao tặng quà cho người dân có hoàn cảnh khó khăn của huyện nghèo Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Tổ chức chương trình "Tết sum vầy" - Ngày hội công nhân - Phiên chợ nghĩa tình trải dài 3 miền Bắc - Trung - Nam với các gian hàng ưu đãi, bún hàng giảm giá, mang đến nhiều phúc lợi cho NLD. Đây là một hoạt động thường niên, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện sự quan tâm, chăm lo đời sống NLĐ ngành dệt may của các cấp lãnh đạo Tập đoàn - Công đoàn ngành.



Chăm lo đời sống CBNV, như thường tham gia các hoạt động tháng Lương thứ 13, thường Tết mức từ 1,5 tháng lương. Ngoài ra, một số đơn vị còn hỗ trợ tiền tàu xe cho công nhân về quê nghỉ Tết, tổ chức đón xuân, tặng quà và hỗ trợ thêm cho công nhân ở các tỉnh xa không có điều kiện về quê đón Tết cùng gia đình.

Phối hợp với Công đoàn Dệt May Việt Nam, Hiệp hội Dệt May Việt Nam và các bệnh viện tổ chức chương trình khám bệnh, phát thuốc, tặng quà cho các gia đình chính sách, người dân có hoàn cảnh khó khăn và xây cầu dân sinh nhằm tạo điều kiện cho người dân di lại thuận lợi, vận chuyển hàng hóa dễ dàng, góp phần phát triển kinh tế địa phương, đảm bảo an ninh quốc phòng.



Trong đợt dịch Covid-19, bên cạnh việc quan tâm chăm lo, đảm bảo đời sống, thu nhập cho NLD, Tập đoàn còn hỗ trợ các bệnh viện, địa phương về cả vật chất và trang thiết bị y tế để chống dịch.



Công đoàn, Đoàn Thanh niên Tập đoàn tổ chức các hoạt động từ thiện, vì cộng đồng, hiến máu nhân đạo, thấp nén tri ân, tặng quà giá đình chính sách dịp 27/7...

* Tập đoàn đã hỗ trợ 1.000 áo thể thao trẻ em trị giá 100 triệu đồng tặng cho các trẻ em nghèo tỉnh Lào Cai.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHƯƠNG VI

VĨ

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2022
Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Trần Quang Nghị
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Vũ Hồng Tuấn
Ông Nguyễn Xuân Đặng

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Liếu
Ông Nguyễn Song Hải
Ông Lê Trung Hải
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuấn
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Phạm Xuân Trinh

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Đoàn Thị Thu Hương
Bà Đặng Thị Hồng Lê
Bà Nguyễn Lê Thị Mỹ

Trụ sở đăng ký:
25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 82 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất định kèm.



Tổng Giám đốc
Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất định kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cung ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 82.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trong yêu cầu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán toàn Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các thủ tục đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cung ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 46 trong báo cáo tài chính hợp nhất trong đó đề cập đến việc một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 liên quan đến Dự án Xây dựng Khu Hỗn hợp Dân cư Thủ Lĩnh tại Tổng Công ty Cố phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn, đã được điều chỉnh lại. Yêu cầu kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của văn đề này.

Công ty TNHH KPMG

Vietnam



Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 2594-2019-007-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
		Đã điều chỉnh lại		

TÀI SẢN

Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 140 + 150)	100	9.555.808.675.234	9.546.050.792.976
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	615.868.535.508
Tiền	111		420.520.709.544
Các khoản tương đương tiền	112		195.347.825.964
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.214.675.356.346
Đầu tư ngắn hạn đến ngày đáo hạn	123	6(a)	2.214.675.356.346
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.331.075.002.806
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.021.874.040.655
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		111.607.316.360
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	23.751.260.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	497.754.646.041
Dự phòng phải thu ngắn hạn kho dài	137	10	(325.389.110.949)
Tài sản thiếu chở xulý	139		1.476.849.799
Hàng tồn kho	140	11	4.137.861.929.531
Hàng tồn kho	141		4.471.910.096.770
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(334.048.167.239)
Tài sản ngắn hạn khác	150		256.327.851.043
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	27.971.288.981
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		216.835.165.035
Thuế và các khoản khác phải thu	153	21(a)	9.521.397.027
Nhà nước			
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			217.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.139.190
			184.312.035.475
			5.699.201.599
			27.597.376.264
			27.585.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
--	-------	-------------	----------------	--------------

Nguồn vốn

NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	10.603.676.587.070	11.150.127.767.087
Nợ ngắn hạn	310	7.078.450.540.243	7.025.817.372.387
Phai trả trước bán ngắn hạn	311	20 1.204.970.511.850	1.862.814.887.766
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	85.895.957.054	91.631.702.984
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b) 151.584.430.097	128.523.225.429
Phai trả người lao động	314	769.743.000.147	881.194.686.337
Chi phí trả ngắn hạn	315	22(a) 103.250.673.186	102.749.093.836
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23 18.440.942.495	16.582.456.090
Phai trả ngắn hạn khác	319	24(a) 198.582.753.942	179.522.712.595
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25(a) 4.232.687.030.334	3.518.766.290.086
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	26 103.926.621.889	63.863.188.366
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27 203.366.419.249	180.169.128.898

Nợ dài hạn

Phai trả người bán dài hạn	331	17.600.000	189.958.848.663
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.882.461.915	12.335.416.496
Chi phí trả dài hạn	333	22(b) 10.226.684.160	21.819.456.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	23 314.821.391.134	335.228.437.392
Phai trả dài hạn khác	337	24(b) 71.202.443.574	89.803.554.007
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25(b) 3.026.001.978.852	3.380.915.172.021
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19 73.407.818.622	64.694.623.361
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26 24.665.668.570	29.554.886.770

Nguồn kinh phí và các quỹ khác

Nguồn kinh phí đã định thành tài sản cố định	430	4.124.310.394.700	4.124.310.394.700
	432	18.221.451.6.922	22.211.451.6.922
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.033.739.454.299
			20.195.819.719.522
Ngày X tháng 3 năm 2023			
Người lập:			



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Nguyễn Ngọc Cách
Kết toàn trường

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 20/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	18,297,216,295,831	16,032,921,423,913	Đã điều chỉnh lại
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	24,668,857,276	30,056,354,168	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	33	18,272,547,438,555	16,002,865,059,745	
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	16,290,591,922,868	13,855,500,587,787	
Lợi nhuận gross (20 = 10 - 11)	20		1,981,955,515,687	2,147,364,471,958	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	55,924,601,814	320,782,268,617	
Chi phí tài chính	22	36	616,716,655,180	272,437,860,008	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		305,941,266,264	238,035,592,428	
Phản lãi trong công ty liên kết	24	6(b)	716,01154,598	576,365,832,491	
Chi phí bán hàng	25	37	567,340,895,557	507,28,600,057	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	854,874,152,603	815,846,070,054	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25+26)}	30		1,214,649,568,759	1,448,969,982,947	
Thu nhập khác	31	39	4,609,706,410	85,339,935,918	
Chi phí khác	32	40	4,637,07,281	115,124,552,557	
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2,227,400,871)	(29,784,616,639)	
Lợi nhuận Kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,212,422,167,888	1,419,185,366,308	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	140,280,019,988	130,309,858,778	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	42	(10,925,240,756)	2,267,426,968	
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		1,083,057,388,656	1,286,608,080,562	

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		1,083,057,388,656	1,286,608,080,562
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		587,345,236,872	784,457,161,764
Cổ đông không kiểm soát	62		495,722,151,784	502,150,918,798
Lãi trên cổ phiếu	43			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			1,133
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			1,022
Ngày 30 tháng 3 năm 2023				
Người lập:				
	Phan Ngoc Cach	Kế toán trưởng		
	Do Huu Hiếu	Tổng Giám đốc		
Nguyễn Thị Nga	Chuyên viên kế toán			
Nguyễn Thị Nga	Chuyên viên kế toán			
Lợi nhuận Kế toán trước thuế				
Chi phí thuế TNDN hiện hành				
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)				

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B.03 – DV/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản tài sản khác	21	(433.987.331.283)	(829.622.601.052)	29.673.709.991
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	16.944.480.817		
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn và mua trái phiếu	23	(2.371.697.681.056)	(2.183.242.799.694)	
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn và bán trái phiếu	24	2.609.763.665.358	1.488.744.256.646	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	113.408.696.000	47.846.700.000	
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cố tức	27	77.166.481.659	629.498.412.198	
Lưu chuyền tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	705.598.311.475	(817.102.860.911)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31	-	-	16.250.000.000
Tiền trả nợ vay	33	14.602.206.453.218	14.022.916.918.297	
Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.300.107.071.845)	(14.032.680.833.556)	
Tiền trả cổ tức	36	(595.381.678.996)	(78.982.504.141)	
Lưu chuyền tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(293.282.297.623)	(72.496.419.400)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước nhũng thay đổi vốn lưu động				
Biển động các khoản phải thu	09	55.251.558.444	(580.318.525.216)	
Biển động hàng tồn kho	10	(1.085.642.407.537)	(897.491.279.675)	
Biển động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.04.242.717.719.44)	1.005.383.981.646	
Biển động chi phí trả trước	12	(7.368.000.901)	78.104.930.758	
	95.784.174.500	1.435.710.403.958		
Tiền lãi vay đã trả	14	(302.822.164.711)	(231.985.401.309)	166.716.699.714
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(145.314.648.614)	(86.342.898.042)	636.969.466.530
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(79.203.453.348)	(61.066.124.582)	(1.860.252.701)
Lưu chuyền tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(431.556.692.173)	1.056.315.980.025	615.868.535.508

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Nguyễn Ngọc Cách
Chuyên viên Kế toán

Người ký:

Phạm Hữu Hiếu
Kế toán trưởng

Người ký:

Phạm Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Người ký:

Phạm Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản tài sản khác	21	(433.987.331.283)	(829.622.601.052)	29.673.709.991
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	16.944.480.817		
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn và mua trái phiếu	23	(2.371.697.681.056)	(2.183.242.799.694)	
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn và bán trái phiếu	24	2.609.763.665.358	1.488.744.256.646	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	113.408.696.000	47.846.700.000	
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cố tức	27	77.166.481.659	629.498.412.198	
Lưu chuyền tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	705.598.311.475	(817.102.860.911)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31	-	-	16.250.000.000
Tiền trả nợ vay	33	14.602.206.453.218	14.022.916.918.297	
Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.300.107.071.845)	(14.032.680.833.556)	
Tiền trả cổ tức	36	(595.381.678.996)	(78.982.504.141)	
Lưu chuyền tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(293.282.297.623)	(72.496.419.400)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước nhũng thay đổi vốn lưu động				
Biển động các khoản phải thu	09	55.251.558.444	(580.318.525.216)	
Biển động hàng tồn kho	10	(1.085.642.407.537)	(897.491.279.675)	
Biển động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.04.242.717.719.44)	1.005.383.981.646	
Biển động chi phí trả trước	12	(7.368.000.901)	78.104.930.758	
	95.784.174.500	1.435.710.403.958		
Tiền lãi vay đã trả	14	(302.822.164.711)	(231.985.401.309)	166.716.699.714
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(145.314.648.614)	(86.342.898.042)	636.969.466.530
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(79.203.453.348)	(61.066.124.582)	(1.860.252.701)
Lưu chuyền tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(431.556.692.173)	1.056.315.980.025	615.868.535.508

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DV/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Tập đoàn") được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5/2014 của Bộ Công Thương về việc ban bố cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VNĐ, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lô/chi nhánh của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư; thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, vải kim, vải khâu, khăn bông len, thảm, day то, vải to, vải to tắm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

- Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp, tu ván, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lắp đặt các dự án đầu tư trong lĩnh vực điện may, môi trường; tu ván giám sát, kiểm tra đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và xác định giá trị hợp đồng; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị công nghiệp, thiết bị thương mại và công việc cung ứng dịch vụ thương mại; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo nghiệp vụ khoa học, chuyên giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may, thiết kế, nghiên cứu, xuất khẩu lao động Việt Nam; uy thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, vận phong, vận tải du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh công nghiệp, dịch vụ ẩm thực bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý buôn chinh viễn thông;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại; hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phụng tiên, vận tải, vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tung, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra độ lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thàn phẩm sứt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xay dung siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ gửi xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ống, văn phòng; đầu tư kinh doanh buôn chinh viễn thông;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn, và
- Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.

- Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có 28.418 nhân viên (1/1/2022: 28.028 nhân viên).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở do luồng

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở doanh tích theo nguyên tắc giá gốc, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gian tiếp.

(c) Ký kế toán năm

Ký kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con phải thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chia phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích có đóng không kiểm soát

Lợi ích có đóng không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của công ty có đóng không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các



đóng của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bò phiếu tiềm năng có thể hiện thực được tại thời điểm hiện tại.

Giá phi hợp nhất kinh doanh (giá phi muai) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đền trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm ứng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phi muai và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm ứng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phản bộ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm ứng và việc xác định giá phi hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tài ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên cung cấp giao dịch tại ngày kết thúc ký kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)



cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyên đổi sang công ty cổ phần.

(d) Các khoản đầu tư

(ii) Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là các
tập đoàn du lịch và có khả năng nắm
những công ty con kinh doanh.
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn hàng
năm đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn
theo góc trừ đí phòng phải thu kinh

**Đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giao
n sau cổ phần hóa**

giao doan sau cõ phán hóa của Công ty me Tập đoàn May Việt Nam được ghi nhận theo giá trị được xác định lại thời điểm chuyển đổi sang công ty có phần theo quy định tại Điều a, Điều b, Điều c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển đổi công ty có phần ("Nghị định 59") và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 cụ thể như sau:

Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá trị của

•

(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau khi mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi phần giảm giá khoản đầu tư.

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022** (tiếp theo)



Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai**
Giá gốc được tính theo phương pháp định danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai
Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguynhien qia

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá tại thời điểm mua vào và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm chi phí mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế muội, chi phí vận chuyển, bảo quản, lắp đặt và chi phí liken quan trọng tiếp theo. Tài sản không có khả năng tái chế, không có giá trị và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự tính. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào kết quả bao cáo doanh thu hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức thu nhập đồng tiêu chuẩn theo nhu cầu đánh giá ban đầu, thì các chi phí này sẽ được vay vốn hoặc thu hút vốn vay để mua tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khối II

Khiếu nại được tính theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:	
nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 51 năm
máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
phương tiện vận chuyển	3 - 12 năm
thiết bị văn phòng	3 - 12 năm
tài sản khác	2 - 12 năm

HALIG CURIOS

Hàng tồn kho được phân loại theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể nhận được. Giá gốc được tính theo nguyên pháp bình quân giá quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ các chi phí chia sẻ chung và chi phí hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Hàng tồn kho được sản xuất và đã bán

Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh để đóng, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung và chi phí quản lý kinh doanh.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định và hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

hà tầng khu công nghiệp	4 - 45 năm
nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
quyền sử dụng đất	49 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phải áp dụng các khoản chi cho xây dựng hoặc khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định và hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khiếu hao không được trích cho xây dựng coban đỡ đang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trung giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí liên quan sử dụng đất và các chi phí liên quan đến việc đưa tài sản đến điều kiện thuê để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã du kiện bởi ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa

(l) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử

vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo nhu cầu đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Phu tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(v) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(vi) Cố phiếu phô thông

Cố phiếu phô thông được ghi nhận theo mệnh giá. Cố phiếu phô thông được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(vii) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính lỗ hổng doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp

dung đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định và hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất.

(n) Vốn cố phần

(i) Cố phiếu phô thông

Cố phiếu phô thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cố phần

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cố phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cố phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cố phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thặng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận là doanh thu hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trong yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất đồng sản, tuy theo thời điểm nào muộn hơn.

(v) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trong yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất đồng sản, tuy theo thời điểm nào muộn hơn.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp dường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hóa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền tài

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trong yêu cầu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(viii) Doanh thu cho thuê lai đất thuê

Doanh thu cho thuê lai đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn điều kiện sau:

Thời hạn thuê lai lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;

Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;

(ix) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoà vốn quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.



Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy để chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số tiền mà công ty có thể thu được trên sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng thực tế của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định nếu hình thức được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g) (ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(r) Chi phí lãi vay

Tập đoàn tính bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ cho quyền luo hành trong năm). Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn tính bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ cho quyền luo hành trong năm). Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián



thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị; tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tung, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ; công nghệ học, nghiên cứu; công nghệ vụ; công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và

• Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

• Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả bộ phận của các bộ phận bao gồm các giao dịch xác định trên cơ sở hợp lý. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị, phụ tung, phụ kiện, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xoi, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bóng len, thảm, đay trơ, tờ tắm, vải tơ tắm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại; hàng dệt may; thiết bị phụ tung ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nong, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu;

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm trước.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Năm 2022					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.630.823.812,981	125.558.724.687	516.164.900.887	-	18.272.547.438.555
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.606.592.597.477	30.684.543.435	41.293.861.104	(1.678.571.002.016)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	19.237.416.410.458	156.243.268.122	557.458.761.991	(1.678.571.002.016)	18.272.547.438.555
Phần lãi trong công ty liên kết	686.718.324.467	4.683.444.204	25.299.385.927	-	716.701.154.598
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.139.122.703.218	1.945.533.476	5.867.030.385	67.714.301.680	1.214.649.568.759
Thu nhập khác	79.653.436.088	102.191.512	92.083.952.048	(127.229.873.238)	44.609.706.410
Chi phí khác	(81.184.106.431)	(475.883.694)	(49.147.571.713)	83.970.454.557	(46.837.107.281)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(127.788.227.318)	(1.564.932.709)	(10.926.859.961)	-	(140.280.019.988)
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	10.682.881.008	-	-	242.359.748	10.925.240.756
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	1.020.486.686.565	6.908.585	37.876.550.759	24.697.242.747	1.083.067.388.656

104 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Đã điều chỉnh lại					Đã điều chỉnh lại
Năm 2021					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	15.499.159.267.005	109.342.844.709	394.362.948.031	-	16.002.865.059.745
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.217.739.437.722	27.931.483.526	38.308.085.102	(1.283.979.006.350)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	16.716.898.704.727	137.274.328.235	432.671.033.133	(1.283.979.006.350)	16.002.865.059.745
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	594.767.514.814	(22.509.261.506)	4.107.579.183	-	576.365.832.491
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.314.574.502.738	(5.946.525.909)	85.403.403.787	54.938.602.331	1.448.969.982.947
Thu nhập khác	81.344.861.056	206.324.819	8.124.618.883	(4.335.868.840)	85.339.935.918
Chi phí khác	(111.600.040.580)	(48.997.171)	(10.177.512.802)	6.701.997.996	(115.124.552.557)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(122.043.412.447)	(541.661.055)	(7.724.785.276)	-	(130.309.858.778)
Chi phí thuế thu nhập hoàn lại	(1.918.950.662)	-	-	(348.476.306)	(2.267.426.968)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	1.160.356.960.105	(6.330.859.316)	75.625.724.592	56.956.255.181	1.286.608.080.562

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Tài sản của bộ phận	21.288.615.221.613	119.577.173.348	1.352.589.943.176	(5.514.178.134.152)	17.246.604.203.985
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.463.170.597.619	912.560.000	307.875.000	1.322.744.221.695	2.787.135.254.314
Tổng tài sản của bộ phận	22.751.785.819.232	120.489.733.348	1.352.897.818.176	-4.191.433.912.457	20.033.739.458.299
Tổng nợ phải trả của bộ phận	12.031.879.005.061	352.140.219.783	478.173.729.586	(2.258.516.367.360)	10.603.676.587.070
Năm 2022					
Chi tiêu vốn	521.782.114.393	-	14.093.392.486	(101.888.175.596)	433.987.331.283
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	734.043.858.407	1.483.998.059	42.759.050.850	334.492.049	778.621.399.365
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	19.980.760.336	-	-	-	19.980.760.336
Khấu hao tài sản cố định vô hình	4.273.023.328	-	75.714.288	-	4.348.737.616
Khấu hao bất động sản đầu tư	7.276.681.798	217.950.774	9.445.286.820	-	16.939.919.392

106 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Đã điều chỉnh lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022					Đã điều chỉnh lại
Tài sản của bộ phận	21.544.945.567.075	125.418.651.884	1.480.246.129.340	(5.484.772.909.080)	17.665.837.439.219
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.470.811.211.470	912.560.000	307.875.000	1.057.950.633.833	2.529.982.280.303
Tổng tài sản của bộ phận	23.015.756.778.545	126.331.211.884	1.480.554.004.340	(4.426.822.275.247)	20.195.819.719.522
Tổng nợ phải trả của bộ phận	12.317.974.364.940	356.621.116.574	597.273.501.593	(2.121.741.216.020)	11.150.127.767.087
Năm 2021					
Chi tiêu vốn	878.429.389.944	1.605.909.091	7.244.057.179	(57.656.755.162)	829.622.601.052
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	753.911.191.800	1.768.323.796	44.856.164.276	(1.573.931.357)	798.961.748.515
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	15.483.260.168	-	-	-	15.483.260.168
Khấu hao tài sản cố định vô hình	5.119.882.831	-	77.705.538	-	5.197.588.369
Khấu hao bất động sản đầu tư	11.967.604.234	225.157.468	9.595.807.352	-	21.788.569.054

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được bao cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

Năm 2022	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2022			
Tổng doanh thu của bộ phận	5.740.596.424.556	12.531.951.013.999	18.272.547.438.555
Kết quả kinh doanh của bộ phận	4.321.465.608.271	1.549.489.907.416	1.981.955.515.687
Thu nhập không phân bổ		1.271.635.756.412	(2.038.931.703.340)
Chi phí không phân bổ			
Kết quả từ hoạt động kinh doanh	1.214.649.568.799	30.815.224.429	59.963.194.540
Thu nhập khác	44.609.706.410		90.778.418.969
Chi phí khác	(46.837.107.281)		10.512.898.168.101
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(129.354.773.232)		
Lợi nhuận thuần sau thuế TNĐN	1.083.067.388.656		10.603.676.587.070

Năm 2022	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2022			
Tài sản của bộ phận	85.929.616.886	840.555.312.820	1.696.484.929.706
Tài sản không phân bổ			18.337.254.528.593
Tổng tài sản		20.033.739.458.299	
Nợ phải trả của bộ phận		30.815.224.429	59.963.194.540
Các khoản nợ không phân bổ			90.778.418.969
Tổng nợ phải trả			10.512.898.168.101
Lợi nhuận thuần sau thuế TNĐN			10.603.676.587.070

Năm 2021	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2022			
Tài sản của bộ phận	1.168.521.339.657	847.198.732.473	2.015.720.072.130
Tài sản không phân bổ			2.019.519.719.522
Tổng tài sản			18.180.099.647.392
Nợ phải trả của bộ phận		85.339.935.918	
Các khoản nợ không phân bổ		(115.124.552.557)	103.967.119.480
Tổng nợ phải trả		(132.577.285.746)	11.046.160.647.607
Lợi nhuận thuần sau thuế TNĐN		1.286.608.380.562	11.150.127.767.087

Năm 2021	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2022			
Tài sản của bộ phận	1.168.521.339.657	847.198.732.473	2.015.720.072.130
Tài sản không phân bổ			2.019.519.719.522
Tổng tài sản			18.180.099.647.392
Nợ phải trả của bộ phận		85.339.935.918	
Các khoản nợ không phân bổ		(115.124.552.557)	103.967.119.480
Tổng nợ phải trả		(132.577.285.746)	11.046.160.647.607
Lợi nhuận thuần sau thuế TNĐN		1.286.608.380.562	11.150.127.767.087

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	11.907.863.934	9.476.663.005
Tiền gửi ngân hàng	408.612.845.610	334.216.861.048
Các khoản tương đương tiền	195.347.825.964	293.163.707.977
Tiền đang chuyển	-	112.234.500
	615.868.535.508	636.969.466.530

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 7.562 triệu VND (1/1/2022: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 24(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm 228 triệu VND

(1/1/2022: 2.444 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 43.255 triệu VND (1/1/2022: Không) đang bị phong tỏa do liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn.



110 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.197.210.910.928	2.217.772.393.899	2.223.856.495.286	2.245.652.161.033
Trái phiếu (ii)	17.464.445.418	(*)	27.600.000.000	(*)
	2.214.675.356.346	2.251.456.495.286		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
Trái phiếu (ii)	4.400.000.000	(*)	4.200.000.000	(*)
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	200.000.000	(*)
	4.400.000.000	4.400.000.000		

(i) Các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,9% đến 11,2% (1/1/2022: từ 3,1% đến 6,35%). Các khoản tiền gửi dài hạn có kỳ hạn 24 tháng và hưởng lãi suất năm 4,7% (1/1/2022: 4,7%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 1 tháng 1 năm 2022 hiện

đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 1 tháng 1 năm 2022.

(ii) Khoản trái phiếu ngắn hạn và dài hạn có kỳ hạn từ 3 tháng đến 10 năm và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 10,5% (1/1/2022: từ 6,8% đến 7,2%).

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có tổng giá trị ghi sổ là 279.341 triệu VND (1/1/2022: 212.422 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022				1/1/2022			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,82%	33,82%	102.799.518.161	(*)	33,82%	33,82%	86.302.489.246	(*)
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	441.859.777.428	(*)	30,40%	30,40%	429.570.784.493	(*)
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	93.266.241.853	(*)	46,93%	46,93%	95.142.315.083	(*)
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	26,37%	26,37%	102.396.916.313	(*)	27,69%	27,69%	97.334.764.993	(*)
Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	35,22%	35,22%	45.939.661.786	(*)	35,21%	35,21%	48.575.508.708	(*)
Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	117.158.056.719	(*)	35,01%	35,01%	125.875.386.189	(*)
Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	84.795.901.963	(*)	40,33%	40,33%	85.331.533.605	(*)
Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	1.017.097.499.417	(*)	17,86%	17,86%	800.240.738.987	(*)
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	117.043.582.088	(*)	22,05%	22,05%	142.149.479.654	(*)
Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			664.778.098.586	(*)			619.459.279.345	(*)
			<u>2.787.135.254.514</u>				<u>2.529.982.280.303</u>	

112 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	31/12/2022					1/1/2022				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đơn vị khác										
Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường										
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-	2.219.260.250	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-	2.812.445.700
Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác										
Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,97%	1,97%	19.450.204.510	(13.180.048.532)	(*)	2,10%	2,10%	19.450.204.510	(16.324.154.142)	(*)
Các khoản đầu tư khác			158.778.764.722	(24.982.335.526)	(*)			196.065.117.644	(25.493.930.217)	(*)
			<u>179.577.524.232</u>	<u>(38.162.384.058)</u>				<u>216.863.877.154</u>	<u>(41.818.084.359)</u>	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.529.982.280.303	2.327.818.556.728
Phản lại trong các công ty liên kết	716.701.154.598 (448.061.223.674) (11.486.956.913)	576.365.832.491 (345.131.050.918) (29.071.057.998)
Cố tức nhận được		
Thanh lý các công ty liên kết		
Số dư cuối năm	2.787.135.254.314	2.529.982.280.303

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan	267.779.152.954 1.754.094.887.701 2.021.874.040.655	307.675.927.922 2.042.291.083.689 2.349.967.011.611
Phải thu các khách hàng khác		

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản phải thu khách hàng có giá trị số 130.583 triệu VND (1/1/2022: 147.485 triệu VND) được thể chấp tài sản hàng để đảm bảo cho các khoản vay của tập đoàn (Thuyết minh 25).

Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	151.101.014.465	175.611.285.800
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	92.788.584.198	103.442.463.756
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	13.430.807.340	13.930.807.340
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	9.474.352.228	13.686.474.600
Các công ty liên quan khác	984.394.723	1.004.896.426
	267.779.152.954	307.675.927.922

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu về cho vay

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần May Hòa Thô Phú Ninh	7.028.580.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	75.000.000.000	-
Bên khác		
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	47.426.813.698	70.908.029.176
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	-	61.600.000.000
Các công ty khác		
Các khoản phải thu vay ngắn hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 6% đến 10,6% (2021: 7% đến 10%).	3.336.960.000	9.282.200.000
Các khoản phải thu vay ngắn hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm 6% (2021: 8,5% đến 11,5%).	57.792.353.698	216.790.229.176
	(23.751.260.000)	(163.569.315.478)
		34.04.1.093.698
		53.220.913.698

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu cốt túc và lợi nhuận được chia	240,120,334,512	275,249,348,329
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	43,532,895,759	80,000,000,000
Phải thu lãi cho vay	10,964,248,853	106,381,451,043
Ký trước, ký quý	66,909,968,424	79,174,023,338
Phải thu các khoản tạm ứng	12,139,664,924	11,590,238,046
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	20,561,482,971	21,795,665,747
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	22,379,355,965	24,165,879,830
Các khoản chi hộ	5,618,065,488	13,748,157,994
Phải thu người lao động	2,346,647,03	2,798,934,410
Phải thu về nhận bồi thường bảo hiểm (ii)	31,395,435,544	15,157,491,751
Phải thu về tạm ứng cho Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	22,001,000,000	16,322,000,000
Tiền thuê giá trị gia tăng được hoàn	6,858,111,036	43,873,760,779
Phải thu khác	12,927,436,062	13,383,241,800
	497,754,646,941	703,640,193,067

- (i) Đầu tư các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản này được phân loại từ dài hạn thành ngắn hạn.
- (ii) Phải thu về nhận bồi thường bảo hiểm tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm 30,480 triệu VND giá trị phải thu về bồi thường bảo hiểm liên quan đến số hàng tồn kho và tài sản cố định đã bị thiệt hại do sự cố lũ lụt trong vụ hoà nỗ lực ra ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	24,637,500,000	24,637,500,000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	20,491,686,000	14,230,337,500
Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	7,923,055,000	7,923,055,000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	7,560,000,000	5,040,000,000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	33,514,800,000	16,087,104,000
Tổng Công ty May 10 - CTCP	18,409,316,400	10,227,398,000
Công ty Cổ phần Dệt Đồng Nam	1,237,808,217	56,306,578,077
Công ty TNHH Coats Phong Phú	-	79,466,400,000
Công ty CP May Hữu Nghị	10,430,088,000	6,953,392,000
Công ty CP Dệt May Liên Phương	22,001,000,000	16,322,000,000
Các công ty liên quan khác	21,509,178,846	11,396,695,000
	16,774,432,463	248,590,459,577

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.		
(b) Phải thu dài hạn khác		

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	102,909,924,796	102,909,924,796
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	-	4,353,2,895,759
Ký quỹ, ký cuoc dài hạn	22,655,687,360	34,800,337,333
Phải thu dài hạn khác	29,564,027,785	30,720,196,2,985
	155,129,639,941	211,964,120,673

- (i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân đã được phân loại từ dài hạn sang ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (ii) Phải thu về nhận bồi thường bảo hiểm tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản này được phân loại từ dài hạn thành ngắn hạn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2022				1/1/2022			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.793.572.750	(33.793.572.750)	-	Trên 3 năm	33.853.572.750	(33.853.572.750)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.296.792.764	(40.296.792.764)	-	Trên 3 năm	40.303.792.764	(40.303.792.764)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	-	-	-	-	Trên 3 năm	32.923.446.043	(23.622.823.055)	9.300.622.988
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	151.733.609.092	(151.733.609.092)	-	Trên 3 năm	129.888.006.702	(129.888.006.702)	-
Các khách hàng khác	Từ 2 đến 3 năm	104.062.242.261	(72.843.569.583)	31.218.672.678	Từ 2 đến 3 năm	111.127.025.033	(79.857.177.450)	31.269.847.583
		462.717.708.423	(431.499.035.745)	31.218.672.678		480.927.334.848	(440.356.864.277)	40.570.470.571
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn			(325.389.110.949)				(334.246.939.481)	
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn			(106.109.924.796)				(106.109.924.796)	

118 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2022			1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang di trên đường	259.795.509.905	(8.806.917.437)	Hàng mua đang di trên đường	627.018.780.417	-
Nguyên vật liệu	1.423.135.449.240	(124.718.587.709)	Nguyên vật liệu	1.057.767.493.857	(5.521.950.967)
Công cụ và dụng cụ	6.389.651.102	-	Công cụ và dụng cụ	5.870.548.906	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1.078.084.196.822	(7.733.835.610)	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	996.747.754.157	-
Thành phẩm	1.391.911.659.755	(191.127.112.267)	Thành phẩm	601.688.672.641	(70.913.570.816)
Hàng hóa	55.407.055.910	(1.661.714.216)	Hàng hóa	23.252.541.890	(3.637.390.288)
Hàng gửi đi bán	257.186.574.036	-	Hàng gửi đi bán	120.472.830.394	-
	4.471.910.096.770	(334.048.167.239)		3.432.818.622.262	(80.072.912.071)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.737.145 triệu VND (1/1/2022: 1.195.001 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 1.751.898 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2022: 159.360 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

(*) Trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có 76.285 triệu VND là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến Dự án Phát triển Khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 26).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.986.539.559.357	9.374.523.818.478	354.807.776.462	99.375.858.430	188.336.061.455	14.003.583.074.182
Tăng trong năm	7.432.292.306	43.168.816.552	6.221.723.547	20.856.812.859	2.361.819.431	80.041.464.695
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	40.529.627.931	134.423.987.074	13.088.130.873	2.119.050.234	4.502.981.434	194.663.777.546
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	3.767.673.695	322.666.674	-	-	4.090.340.369
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(9.182.806.061)	-	-	-	-	(9.182.806.061)
Thanh lý	(596.162.691)	(175.495.998.788)	(1.778.516.239)	(1.489.759.772)	(31.000.000)	(179.391.437.490)
Phân loại lại	-	(3.406.316.277)	3.406.316.277	-	-	-
Giảm khác	(12.008.652.636)	(879.326.044)	-	-	-	(12.887.978.680)
Xóa sổ	-	(33.767.137.434)	-	-	-	(33.767.137.434)
Số dư cuối năm	4.012.713.858.206	9.342.335.517.256	376.068.097.594	120.861.961.751	195.169.862.320	14.047.149.297.127

120 | TẬP ĐOÀN DỆT MÁY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.499.801.130.072	5.551.120.062.277	225.844.405.811	67.008.739.993	152.053.732.327	7.495.828.070.480
Khấu hao trong năm	177.800.302.725	540.094.139.609	26.191.378.667	19.135.779.259	15.399.799.105	778.621.399.365
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	2.183.650.694	322.666.674	-	-	2.506.317.368
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.001.531.139)	-	-	-	-	(2.001.531.139)
Thanh lý	(368.497.434)	(166.943.012.545)	(1.759.216.091)	(1.489.759.772)	(31.000.000)	(170.591.485.842)
Phân loại lại	-	(908.635.388)	908.635.388	-	-	-
Giảm khác	(3.516.064.733)	(119.997.183)	-	-	-	(3.636.061.916)
Xóa sổ	-	(33.767.137.434)	-	-	-	(33.767.137.434)
Số dư cuối năm	1.671.715.339.491	5.891.659.070.030	251.507.870.449	84.654.759.480	167.422.531.432	8.066.959.570.882
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	2.486.738.429.285	3.823.403.756.201	128.963.370.651	32.367.118.437	36.282.329.128	6.507.755.003.702
Số dư cuối năm	2.340.998.518.715	3.450.676.447.226	124.560.227.145	36.207.202.271	27.747.330.888	5.980.189.726.245

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 2.114.078 triệu VND (1/1/2022: 2.041.238 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.905.856 triệu VND (1/1/2022: 4.924.787 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	241.503.803.449	322.666.674	241.826.470.123
Tăng trong năm	221.50.542.588	-	221.50.542.588
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.767.673.695)	(322.666.674)	(4.090.340.369)
Số dư cuối năm	259.886.672.342	-	259.886.672.342
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	63.314.013.190	296.934.290	63.610.947.480
Khấu hao trong năm	19.955.027.952	25.732.384	19.980.760.336
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.183.650.694)	(322.666.674)	(2.506.317.368)
Số dư cuối năm	81.085.390.448	-	81.085.390.448
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	178.189.790.259	25.732.384	178.215.522.643
Số dư cuối năm	178.801.281.894	-	178.801.281.894

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	120.136.170.964	29.636.595.344	1.101.661.600	150.874.427.908
Tăng trong năm	-	-	1.390.386.113	-
Chuyển từ bất động sản đầu tư	3.317.787.041	-	-	3.317.787.041
Số dư cuối năm	123.453.958.005	31.026.981.457	1.101.661.600	155.582.601.062
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	30.098.518.833	24.217.569.748	718.078.846	55.034.167.427
Khấu hao trong năm	2.432.645.749	1.532.509.113	383.582.754	4.348.737.616
Chuyển từ bất động sản đầu tư	628.107.212	-	-	628.107.212
Số dư cuối năm	33.159.271.794	25.750.078.861	1.101.661.600	60.011.012.255
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	90.037.652.131	5.419.025.596	383.582.754	95.840.260.481
Số dư cuối năm	90.294.686.211	5.276.902.596	-	95.571.588.807

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 12.205 triệu VND (1/1/2022: 11.165 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

15. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	211.082.890.880	276.254.539.458	6.851.895.937	494.189.326.275
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	9.182.806.061	-	9.182.806.061
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-	(3.317.787.041)	(3.317.787.041)
Số dư cuối năm	211.082.890.880	285.437.345.519	3.534.108.896	500.054.345.295
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	24.578.675.783	73.221.104.466	1.209.774.578	99.009.554.827
Khấu hao trong năm	5.890.912.948	10.470.717.755	578.288.689	16.939.919.392
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	2.001.531.139	-	2.001.531.139
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-	(628.107.212)	(628.107.212)
Số dư cuối năm	30.469.588.731	85.693.353.360	1.159.956.055	117.322.898.146
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	186.504.215.097	203.033.434.992	5.642.121.359	395.179.771.448
Số dư cuối năm	180.613.302.149	199.743.992.159	2.374.152.841	382.731.447.149

124 | TẬP ĐOÀN DỆT MÁY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex là hệ thống cơ sở hạ tầng và

nha máy May Tuyên Quang tại Xã Phúc Úng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, hệ thống cơ sở hạ tầng;

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương là quyền sử dụng đất và một phần các công trình gắn với hạ tầng khu công nghiệp bao gồm nhà xưởng và một số máy móc thiết bị của Nhà máy Dệt Đông Phương tại Khu công nghiệp Xuyên Á, Đường Số 3, Ấp Tràm Lạc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 là hệ thống nhà xưởng tại Khu công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do chưa có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

16. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn tại ngày 1/1/2022 trước điều chỉnh lại với giá trị là 215.341 triệu VNĐ chủ yếu bao gồm các chi phí cho Dự án xây dựng Khu Hỗn hợp Dân cư Thành Lợi của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn.

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã thực hiện chuyển đổi mục tiêu thực hiện dự án sang "Khu thương mại, dịch vụ, nhà ở xã hội, văn phòng cho thuê và kho bãi logistics", đồng thời, điều chỉnh một số số lượng mục chưa đủ điều kiện vốn hóa vào chi phí của năm phát sinh tương ứng với tổng số tiền là 150.004 triệu VNĐ (Thuyết minh 46).

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
--	-------------	-------------

Số dư đầu năm	209.706.048.578	664.927.575.048
Tăng trong năm	392.804.137.534	666.196.745.699
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(194.653.777.546)	(1.075.775.727.333)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(377.311.147)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	(6.105.532.454)
Chuyển chi phí trả trước dài hạn	(6.194.110.936)	(19.548.488.013)
Chuyển chi phí trả trước ngắn hạn	(45.269.000)	(66.500.000)
Thanh lý	-	(15.823.812.763)
Xóa sổ	(559.208.824)	-
Biến động khác	-	(1.017.910.459)
Số dư cuối năm	400.637.799.806	209.706.048.578

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ			
Nhà máy Sợi Nam Định	18.973.452.363	18.841.452.363	5.236.283.563
Dự án Khulfen hợp Sản-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.236.283.563	5.236.283.563	
Dự án 39-41 Võ Văn Kiệt	169.046.480.676	73.439.008.888	
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân			
Dự án Nhà máy May	19.805.370.739	19.094.374.937	41.438.657.444
Văn phòng Ngô Thị Nambi	39.324.295.072	39.324.295.072	
Máy/móc, thiết bị chưa lắp đặt	7.575.74.166	283.000.000	
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Tho			
Máy/móc thiết bị chưa lắp đặt	13.367.742.196	12.685.845.477	
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định			
Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	12.840.234.566	12.944.252.512	5.013.367.135
Dự án Nhà máy May Yên Bình	3.746.417.088	4.081.818.18	
Máy/móc, thiết bị chưa lắp đặt	14.245.941.965	114.506.019	
Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt May Phố Nối			
Dự án Nhà ở cho công nhân	1.017.594.545	1.017.594.545	
Dự án nhà máy xử lý nước thải số 2	5.387.602.896	5.224.304.285	

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	37.425.341.186	3.332.001.731
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt		
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Dự án chợ mới Thành phố Vũng Tàu	1.407.780.001	1.407.780.001
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	1.423.457.000	4.786.980.938
Dự án đầu tư nhà máy sợi coc	-	427.393.953
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời	10.477.462.964	
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	4.518.356.479	1.216.896.623
Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú		
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	18.397.371.220	-
Các công trình khác	9.293.701.614	4.908.554.276
	4.01.637.799.806	209.706.048.578

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, xây dựng cơ bản đã đang có giá trị ghi sổ là 17.326 triệu VND (1/1/2022: 22.562 triệu VND) được thế chấp ngắn hạn để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
18. Chi phí trả trước		
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Trả trước phi bảo hiểm	6.557.895.264	4.658.728.201
Chi phí trả trước vé thuê hoạt động	1.204.800.279	1.217.219.685
Công cụ, dụng cụ	11.032.093.818	12.699.394.153
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.176.499.620	9.010.797.151
	27.971.288.881	27.586.139.190

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	198.706.026.669	21.967.500.000	50.214.690.763	570.063.545	22.336.549.465	29.904.220.452	323.699.050.894
Tăng trong năm	-	-	39.875.089.813	1.026.068.733	21.327.197.120	14.469.191.873	76.697.547.539
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	6.194.110.936	-	-	-	6.194.110.936
Giảm do thanh lý	-	-	(121.132.647)	-	-	-	(121.132.647)
Phân bổ trong năm	(15.403.130.031)	(5.220.000.000)	(39.954.147.675)	(974.550.154)	(12.352.175.082)	(11.092.690.871)	(84.996.693.813)
Số dư cuối năm	183.302.896.638	16.747.500.000	56.208.611.190	621.582.124	31.311.571.503	33.280.721.454	321.472.882.909

130 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	10.206.230.875	1.903.795.180
Các khoản mục khác	20%	11.472.531.173	136.530.851
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		21.678.762.048	2.040.326.031
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	73.407.818.622	64.694.623.361

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	245.385.257.902	296.304.472.071
Phải trả người bán khác	959.585.253.948	1.566.510.415.695
	1.204.970.511.850	1.862.814.887.766

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	95.163.545.046	106.060.336.229
Công ty TNHH Coats Phong Phú	59.155.254.606	77.558.007.653
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	42.455.986.883	58.598.399.622
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	20.639.993.960	14.614.637.312
Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	18.462.790.590	8.334.074.082
Tổng Công ty May 10 – CTCP	2.804.724.500	4.149.923.627
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	606.966.052	24.978.520.064
Các công ty liên quan khác	6.095.996.265	2.010.573.482
	245.385.257.902	296.304.472.071

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

132 | TẬP ĐOÀN DỆT MÁY VIỆT NAM - VINATEX

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.258.828.549	19.069.342.047	(13.359.003.222)	7.969.167.374
Thuế xuất nhập khẩu	433.399.335	5.900.435.293	(5.841.184.423)	492.650.205
Các loại thuế khác	2.920.239.496	6.927.383.379	(8.874.777.646)	972.845.229
Các khoản khác	86.734.219	-	-	86.734.219
	5.699.201.599	31.897.160.719	(28.074.965.291)	9.521.397.027

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	31/12/2022 VND
Đã điều chỉnh lại						
Thuế giá trị gia tăng	25.035.889.397	541.231.786.839	-	(395.949.897.250)	(148.331.978.830)	21.985.800.156
Thuế xuất nhập khẩu	197.437.524	-	14.073.482.754	(14.213.940.240)	-	56.980.038
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.735.010.296	-	140.280.019.988	(139.604.309.789)	-	47.410.720.495
Thuế thu nhập cá nhân	5.029.517.211	-	27.035.163.994	(26.968.587.267)	-	5.096.093.938
Thuế tài nguyên	238.893.302	-	2.628.653.392	(2.654.021.972)	-	213.524.722
Tiền thuê, thuê đất	51.282.164.442	-	92.122.803.074	(66.584.679.784)	-	76.820.287.732
Các loại thuế khác	4.313.257	-	1.037.384.299	(1.040.674.540)	-	1.023.016
	128.523.225.429	541.231.786.839	277.177.507.501	(647.016.110.842)	(148.331.978.830)	151.584.430.097

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

22. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	70.458.435.911	65.108.738.412
Chi phí gia công thuê ngoài	449.735.445	228.200.824
Phi hoa hồng	8.726.592.207	8.744.031.639
Chi phí hoạt động	3.758.502.442	2.995.024.256
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	1.461.130.180	955.529.870
Chi phí điện nước	3.199.196.992	4.571.306.404
Chi phí lương thưởng	3.084.165.214	5.663.240.650
Chi phí trả khác	18.013.115.095	14.483.021.781
	109.250.873.186	102.749.093.836

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	10.691.533.440	22.768.128.000
Khoản tiền hạn trả trong vòng 12 tháng	(46.849.280)	(948.672.000)
	10.226.684.160	21.819.456.000

(*) Phản ảnh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

23. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Doanh thu nhận trước từ các hợp đồng cho thuê	333.262.333.629	351.810.893.482

Trong đó:

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18.440.942.495	16.582.456.090
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	314.821.391.134	355.228.437.392

24. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Kinh phí công doanh, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	44.802.386.625	49.407.412.744
Nhận trước tiền bán trái phiếu	42.030.000.000	-
Phải trả cố tức	36.765.008.176	46.913.917.386
Nhận góp vốn các dự án	19.500.000.000	-
Phải trả lãi vay khác	10.001.939.782	3.540.434.418
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16322/BTC-TCDN (Thuyết minh 5)	7.562.091.012	7.562.091.012
Quỹ từ thiện	4.010.454.931	3.978.020.068
Nhận ký quỹ và ký gửi ngắn hạn	1.911.613.973	4.381.240.864
Phải trả lãi vay cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	1.587.470.886	10.280.172.196
Tiền thường kết quả công việc phải trả	-	15.783.442.885
Các khoản phải trả khác	30.411.788.557	37.675.981.022

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đóng kiến soát (*)	45.037.427.000	45.037.427.000
Nhận góp vốn đầu tư các dự án dài hạn	5.226.000.000	24.726.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	1.712.500.000	3.712.500.000
Nhận ký quỹ, ký gửi dài hạn	4.700.000.000	4.700.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	14.526.516.574	11.627.627.007
	71.202.443.574	89.803.554.007

(*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đồng Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngõ Thị Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

25. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2022	Biến động trong năm			31/12/2022
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.998.094.722.319	14.568.785.270.589	(13.816.651.022.344)	(12.540.083.480)	3.737.688.887.084
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 25(b))	520.671.567.767	452.698.635.551	(483.456.049.501)	5.083.989.433	494.998.143.250
	3.518.766.290.086	15.021.483.906.140	(14.300.107.071.845)	(7.456.094.047)	4.232.687.030.334

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trong khoản vay ngắn hạn có 2.303.190 triệu VND (1/1/2022: 2.265.047 triệu VND) là các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 tổng cộng là 2.730.017 triệu VND (1/1/2022:

2.620.479 triệu VND) (các Thuyết minh 5, 6, 7, 11, 12 và 17). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 1,7% đến 12,4% (2021: từ 1,3% đến 10%).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và vay cá nhân. Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2,2% đến 10% (2021: từ 2,3% đến 10%).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay dài hạn (i)	3.417.800.677.869	3.802.012.941.760
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	103.199.444.233	99.573.798.028
	3.521.000.122.102	3.901.586.739.788
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a))	(494.998.143.250)	(520.671.567.767)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.026.001.978.852	3.380.915.172.021

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản vay dài hạn bao gồm:

1.845.854 triệu VND (1/1/2022: 2.118.999 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài

hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.141.343 triệu VND (1/1/2022: 3.666.984 triệu VND) (các Thuyết minh 5, 6, 7, 11, 12 và 17). Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2,6% đến 12% (2021: từ 2,6% đến 10%).

khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ 1.566.298 triệu VND (1/1/2022: 1.546.193 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 89.119 triệu VND (1/1/2022: 107.238 triệu VND);
- Một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2022: 110.000 triệu VND).

Các khoản vay từ cá nhân và ngân hàng dưới dạng tín chấp và chịu lãi suất năm từ 2,6% đến 11,9% (2021: từ 2,6% đến 10%).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2022		
Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	
Trong vòng một năm	34.832.544.284	3.326.667.737	31.505.876.547
Trong vòng hai đến năm năm	6.192.923.239	1.708.379.649	62.484.543.590
Sau năm năm	9.596.353.825	387.329.729	9.209.024.096
	108.621.821.348	5.422.377.115	103.199.444.233

	1/1/2022		
Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	
Trong vòng một năm	34.472.714.670	2.966.281.931	31.506.432.739
Trong vòng hai đến năm năm	56.318.769.986	1.588.295.386	54.730.474.600
Sau năm năm	13.476.720.600	139.829.911	13.336.890.689
	104.268.205.256	4.694.407.228	99.573.798.028

	Trong đó:		
Dự phòng phải trả ngắn hạn	Dự phòng phải trả dài hạn		
	24.665.668.570	62.473.188.366	41.455.433.523

	31/12/2022		
Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	
Trong vòng một năm	34.832.544.284	3.326.667.737	31.505.876.547
Trong vòng hai đến năm năm	6.192.923.239	1.708.379.649	62.484.543.590
Sau năm năm	9.596.353.825	387.329.729	9.209.024.096
	108.621.821.348	5.422.377.115	103.199.444.233

(*) Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Đầu May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới. Do vướng mắc về thủ tục hành chính về đất đai nên việc di dời chưa được giải quyết.

(**) Đây là khoản dự phòng mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú ghi nhận liên quan đến Dự án Khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mà Tổng Công ty Phong Phú đã nhận chuyển nhượng từ một đối tác từ năm 2017. Tuy nhiên vào ngày 22 tháng 6 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy bỏ quyết định cho phép chuyển nhượng dự án do có sai phạm trong việc chuyển nhượng. Ngày 18 tháng 12 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và đã ra phán quyết, về vi phạm của bên đối tác trong việc chuyển nhượng dự án và xác định số thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường tiền hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Thuyết minh 11). Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú

quản lý v.v. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vẫn đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc hủy bỏ chuyển nhượng dự án bao gồm các giao dịch của phần diện tích đất thuộc dự án đã được bán cho khách hàng và phần diện tích đất còn lại chưa bán và đang được ghi nhận trên chi phí sản xuất kinh doanh để dang. Trong thời gian chờ hướng dẫn của các Cơ quan ban ngành, đưa vào Phản quyết của Tòa án, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã trích lập 02/473 triệu VND là số tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể sẽ phải trả liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho khách hàng do hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng Dự án Phước Long B. Đối với các chi phí đã phát sinh 76.285 triệu VND liên quan đến phần diện tích đất còn lại của dự án hiện đang được ghi nhận trên hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Thuyết minh 11), Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

đánh giá rằng Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú sẽ thu hồi được khoản chi phí này từ bên đối tác khi các thủ tục pháp lý thu hồi Dự án Phước Long B và trả lại cho đối tác được hoàn tất.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm và đưa ra phán quyết giữ nguyên phán quyết của phiên tòa sơ thẩm về giá trị thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên quan đến vụ việc này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty

Cổ phần Phong Phú vẫn đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề liên quan. Đồng thời, dựa trên các thông tin sẵn có, Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đánh giá việc ghi nhận khoản dự phòng 62.473 triệu VND là phù hợp.

(***) Dự phòng phải trả ngắn hạn khác tại 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm dự phòng liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	180.169.128.898	186.275.713.069
Trích lập trong năm	96.081.369.099	54.959.540.411
Sử dụng trong năm	(72.884.078.748)	(61.066.124.582)
Số dư cuối năm	203.366.419.249	180.169.128.898

140 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2021 - đã báo cáo trước đây	5.000.000.000.000	30.361.932.352	42.507.195.973	(751.951.666.799)	586.085.418.175	716.755.393.839	543.092.845.095	1.875.668.008.015	8.042.319.126.650	26.297.770.962	8.068.616.897.612
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 46)	-	-	-	-	-	(751.587.3259)	-	(74.851.865.781)	(150.003.739.040)	-	(150.003.739.040)
Số dư tại ngày 1/1/2021 - đã điều chỉnh lại	5.000.000.000.000	30.361.932.352	42.307.195.973	(751.951.666.799)	586.085.418.175	641.603.520.580	543.092.845.095	1.800.816.442.234	7.892.315.387.610	26.297.770.962	7.918.613.585.572
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	176.340.000	-	-	(176.340.000)	-	16.250.000.000	16.250.000.000	-	16.250.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm - đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	-	803.147.077.451	-	520.766.224.044	1.323.913.301.495	-	1.323.913.301.495
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 46)	-	-	-	-	-	(18.689.915.687)	-	(18.615.305.246)	(37.305.220.933)	-	(37.305.220.933)
Lợi nhuận thuần trong năm - đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	784.457.161.764	-	502.50.918.798	1.286.608.080.562	-	1.286.608.080.562
Phản bối vào các quỹ	-	-	-	-	43.464.206.773	(43.464.206.773)	-	-	-	-	-
Phản bối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(38.251.942.652)	-	(16.707.597.759)	(54.959.540.411)	-	(54.959.540.411)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.041.627.020)	(2.041.627.020)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(16.705.625.282)	-	(103.649.338.325)	(120.354.963.607)	-	(120.354.963.607)
Thanh lý công ty liên kết	-	-	-	422.154.614	-	(422.154.614)	-	-	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(2.000.000.000)	5.903.917.237	-	(2.327.072.898)	1.576.844.339	-	1.576.844.339
Phản loại lãi	-	-	2.000.000.000	-	-	(2.000.000.000)	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2022 - đã điều chỉnh lại	5.000.000.000.000	30.361.932.352	45.483.535.973	(747.830.122.185)	627.549.624.948	1.326.244.940.260	543.092.845.095	2196.533.052.050	9.021.435.808.493	24.256.143.942	9.045.591.952.435
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	96.197.722.511	-	-	(162.677.520.000)	-	66.479.797.489	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	587.345.236.872	-	495.722.151.784	1.083.067.388.656	-	1.083.067.388.656
Phản bối đầu tư phát triển	-	-	-	-	102.012.206.744	(102.012.206.744)	-	-	-	-	-
Phản bối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(63.065.261.138)	-	(33.016.307.718)	(96.081.369.099)	-	(96.081.369.099)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.041.627.020)	(2.041.627.020)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(350.000.000.000)	-	(235.232.769.786)	(585.232.769.786)	-	(585.232.769.786)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(15.285.010.440)	-	(155.693.517)	(15.340.705.957)	-	(15.340.705.957)
Số dư tại ngày 31/12/2022	5.000.000.000.000	30.361.932.352	141.681.258.484	(747.830.122.185)	729.561.831.692	1.220.650.785.675	543.092.845.095	2.490.330.430.302	9.407.846.354.307	22.214.516.922	9.430.062.871.229

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần, do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư thay vì giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

142 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	31/12/2022			1/1/2022		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
ITOCHU Corporation	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Tập đoàn Vingroup – CTCP	-	-	-	25.000.000	250.000.000.000	5,00%
Các cổ đông khác	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%	142.561.900	1.425.619.000.000	28,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

30. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

31. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Nguồn chuyên mục đích sử dụng đất		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.016	235.664.195.016
Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
	54.3.092.845.095	54.3.092.845.095

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thành toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định - Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường - Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà may May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nang cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

32. Các khoản mục ngoại bảng cần đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được duy trì nhưng chưa được phản ánh trong

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	76.799.609.310	81.659.578.836
Trong vòng hai đến năm năm	199.04.1.377.927	183.973.361.491
Sau năm năm	486.768.463.583	451.057.105.393
	762.609.450.720	716.690.045.720

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022 Nguyên tệ	31/12/2022 Tương đương VND	1/1/2022 Nguyên tệ	1/1/2022 Tương đương VND
USD	9.102.109	214.174.589.504	5.544.215	125.741.402.737
EUR	101.106	2.499.499.877	101.038	2.565.581.147
	216.674.089.381		128.306.983.884	

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.339.787	6.193.339.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		13.182.259.559	13.182.259.559
			23.596.431.002	23.596.431.002

(d) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	43.100.000.000	100.393.500.740
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	257.319.855.234	261.069.288.860
	300.419.855.234	361.462.789.600

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.
Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
Bán hàng	17.612.384.367.136	15.380.761.448.401
Cung cấp dịch vụ và giao công	568.960.010.262	539.906.972.116
Bán và cho thuê bất động sản	115.871.918.433	112.253.003.396
	<u>18.297.216.295.831</u>	<u>16.032.921.423.913</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thường mại	(17.737.710.709)	(13.633.203.854)
Giảm giá hàng bán	(2.733.452.568)	(2.127.605.623)
Hàng bán bị trả lại	(4.137.693.999)	(14.295.554.691)
	<u>(24.668.857.276)</u>	<u>(30.056.354.168)</u>
Doanh thu thuần	<u>18.272.547.436.555</u>	<u>16.002.865.059.745</u>

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	164.764.984.420	115.419.318.676
Cố tức được chia	25.885.083.740	13.368.092.200
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121.490.967.074	241.009.234.469
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.946.608.332	28.539.962.565
Lãi do thanh lý công ty liên kết và công ty khác	64.635.386.165	18.775.642.002
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	9.376.711.314	14.006.405.351
Lãi chậm nộp tiền thuế đất	4.356.147.572	5.123.845.146
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.950.445.102	4.058.035.603
	<u>554.924.601.814</u>	<u>320.782.268.617</u>

36. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	305.941.266.264	238.035.592.428
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	253.397.903.443	43.029.748.311
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.610.264.508	7.809.570.997
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.655.700.301)	(19.898.455.667)
Chi phí tài chính khác	4.22.921.266	3.461.403.939
	<u>16.290.591.922.866</u>	<u>13.855.500.587.787</u>

(*) Đây là giá trị hàng tồn kho không thuộc phạm vi bảo hiểm đã bị thiệt hại toàn bộ trong vụ hỏa hoạn xảy ra ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

37. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	48.324.249.435	45.434.708.052
Chi phí công cụ và dụng cụ	5.587.556.192	10.477.922.352
Chi phí khấu hao và phần bổ	10.141.335.564	10.096.351.081
Chi phí vận chuyển	234.622.741.740	187.716.947.381
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	6.625.654.159	2.274.835.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.692.357.848	104.666.633.188
Chi phí bao bì	21.344.538.610	19.680.205.357
Chi phí hoa hồng	79.415.742.343	57.015.184.777
Chi phí xuất nhập khẩu	33.547.035.962	26.380.109.991
Chi phí bán hàng khác	24.039.885.704	43.520.762.088
567.340.895.557		507.258.660.057

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Đã điều chỉnh lại		
Chi phí nhân viên văn phòng	368.689.780.595	426.652.246.353
Chi phí dò đường văn phòng và vật liệu quan ly	32.913.966.800	16.905.330.690
Chi phí khấu hao và phần bổ	46.405.119.784	46.617.490.833
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(8.857.828.532)	19.673.817.752
Thuế, phí và lệ phí	41.857.541.936	28.081.833.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.345.968.711	97.070.262.767
Tiền thuê đất:		
Công tách phí	11.126.573.293	6.665.552.465
Chi phí tiếp khách	12.904.588.734	9.358.266.192
Chi phí du phong	41.495.589.923	-
Chi phí khác	83.387.997.074	92.267.311.230
	854.874.152.603	815.846.070.054

39. Thu nhập khác

	2022 VND	2021 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	16.385.271.993	29.673.170.991
Tiền đến bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	-	33.409.384.500
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	6.149.158.230	7.093.251.517
Thu từ các khoản khác	22.075.276.187	15.164.128.910
	44.609.706.410	85.339.935.918

40. Chi phí khác

	2022 VND	2021 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	8.799.951.648	15.723.056.592
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	14.657.073.064	68.227.374.00
Phạt, vi phạm thuế	2.855.905.377	3.948.456.869
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	5.755.345.925	8.363.956.062
Dự phòng tổn thất dự án Phước Long B	-	62.473.188.366
Chi phí dự án không đủ điều kiện được vay vốn	-	11.378.756.703
Chi các khoản khác	14.768.830.767	12.549.864.225
	46.837.107.281	115.124.552.557

41. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yêu tú

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng trả trước để bán lại	9.722.359.729.333	8.206.285.536.238
Chi phí nhân viên	3.458.333.789.225	2.805.985.042.462
Chi phí khấu hao	833.252.319.720	854.702.774.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.365.360.023.023	1.790.590.879.942
Chi phí khác	2.035.498.118.56	1.673.894.306.534
	815.846.070.054	1.673.894.306.534

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

42. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	142.487.756.977	129.702.997.236
Dự phòng (thua)/thiểu trong những năm trước	(2.207.736.989)	606.861.542
	140.280.019.988	130.309.858.778

Chí phí thuế thu nhập lũi lại

	2022 VND	2021 VND
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(10.925.240.756)	2.267.426.968
Chí phí thuế thu nhập	129.354.779.232	132.577.285.746

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.212.422.167.888	1.419.185.366.308

Lợi nhuận kế toán trước thuế

Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	242.484.433.578	283.837.073.262
Ưu đãi thuế	(5.044.590.080)	(8.337.960.690)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(6.226.005.060)	(24.589.889.005)
Chí phí không được khấu trừ thuế	8.656.630.693	32.169.528.448
Thu nhập không bị tính thuế	(148.517.247.668)	(117.946.784.938)
Lỗi thuế được sử dụng	(4.012.912.537)	(21.077.316.275)
Tài sản thuế thu nhập lũi tiền thuế của năm hiện hành đối với lỗ lũy kế	44.268.883.127	11.748.683.012
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(46.675.832)	(23.832.909.610)
Dự phòng (thua)/thiểu trong những năm trước	(2.207.736.989)	606.861.542
	129.354.779.232	132.577.285.746

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

43. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phần bổ vào quý khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân giá quyền. Chi tiết như sau:

	2022	2021
Đã điều chỉnh lại		

(b) Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ (VND)

Số phân bổ vào quý khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(20.957.000.000)	(18.810.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	566.388.236.872	784.457.161.764

	2022	2021
Đã điều chỉnh lại		

(c) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)

Số lượng bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.133	1.531
(*) Số dự kiến phân bổ vào quý khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần hợp nhất của năm 2022 dựa trên ước tính của Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm 2022.		

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Về tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số cổ phiếu thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tang, chi tiết như sau:

	2022	2021
Đã điều chỉnh lại		
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	566.388.236.872	765.647.161.764
Số lượng bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tang trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (số cổ phiếu) (Thuyết minh 31)	54.309.285	54.309.285
Số lượng bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) (số cổ phiếu)	554.309.285	554.309.285
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (VND)	1.022	1.381

44. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Các công ty liên kết	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex Cung cấp dịch vụ	1.046.332.800	1.047.332.800
Công ty TNHH Coats Phong Phú Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	441.246.908.356 217.221.702.943	489.442.971.696 248.790.137.261
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	2.767.602.392 187.877.456	2.508.229.393 43.825.268
Công ty Cổ phần May Bình Minh Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	557.862.470 103.409.091	409.664.913 -
Tổng Công ty May 10 - CTCP Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	1.007.528.022 8.644.321.836	745.957.562 7.976.157.902
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	3.693.379.903 9.188.573.387	- 2.229.039.999
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	291.34.050.999 109.412.90.781	28.304.417.043 127.05.185.624
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam Thu nhập tiền lãi Thu hồi gốc cho vay	2.615.123.287 75.000.000.000	8.595.854.791 15.230.600
Công ty Cổ phần May Đồng Mỹ Hansimex Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.458.800	15.230.600

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.131.200.198	1.327.967.776
Mua hàng hóa và dịch vụ	89.428.986.872	56.109.803.069
Khoản cho vay trong năm	7.028.580.000	-
Thu nhập từ lãi cho vay	642.135.599	-
Bán tài sản cố định	229.492.494	-
Công ty Cổ phần May V Đệt May Nam Định		
Khoản cho vay	-	4.900.000.000
Nhận hoản trả khoản vay	3.000.000.000	8.400.000.000
Thu nhập lãi vay	81.195.908	326.682.274
Bán hàng hóa	1.248.482.366	1.376.026.495
Công ty Cổ phần May 1 Đệt Nam Định		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.449.207.826	2.436.651.522
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.771.363.500	74.700.384
Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	467.379.207	53.155.748
Mua hàng hóa	108.394.147.998	74.639.037.251
Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP		
Mua hàng hóa và dịch vụ	128.936.511.070	130.737.390.680

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần May Hưng Yên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	100.000.000	103.600.000
Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Doanh thu bán hàng hóa	126.615.000	1.271.208.747
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	25.550.000	168.988.659
Công ty Cổ phần Dệt May Nhã Trang		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	42.036.749.627	30.607.859.319
Mua hàng hóa và dịch vụ	43.353.401.207	59.809.170.886
Lãi tiền thuê tài sản	5.045.491.030	2.780.776.065
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	233.182.326.038	166.828.609.850
Mua hàng hóa và dịch vụ	131.874.567.896	83.458.116.519
Thu nhập lãi trả chậm	2.143.533.261	3.853.974.131
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	70.000.000	22.775.000
Tổng doanh nghiệp may Việt Nam - VINATEX		
Mua hàng hóa và dịch vụ		

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	1.516.284.000	1.302.200.000
Ông Trần Quang Nghị - Phó Chủ tịch	224.000.000	217.304.000
Ông Đặng Vũ Hùng - Ủy viên	148.000.000	864.500.000
Ông Vũ Hồng Tuấn - Ủy viên	528.000.000	710.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đông - Ủy viên	148.000.000	54.000.000
Ông Lê Khắc Hiệp - Ủy viên	-	54.000.000
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Ông Cao Hữu Hiếu – Tổng Giám đốc	1.408.772.000	1.046.275.000
Những người quản lý khác	5.602.723.000	4.848.345.000
Ban Kiểm soát		
Các thành viên Ban Kiểm soát khác	1.144.242.000	931.868.000

46. Thông tin so sánh

Trữ trêng hợp được thuyết minh khác thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang tu số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn, đã thực hiện điều chỉnh lại một số số liệu so sánh liên quan đến Dự án xây dựng Khu Hỗn hợp Dân cư Thành Lợi tại địa chỉ số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

- Ghi nhận một số chi phí đang được bao gồm trong tài khoản chi phí sản xuất, kinh doanh để dang dài hạn nhưng chưa đủ điều kiện vốn hóa vào chi phí của năm phát sinh tương ứng với giá trị là 150.004 triệu VND (Thuyết minh 16); và
- Ghi nhận tăng chi phí thuê đất của năm 2021 theo hé số được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh xác định và khoản phải trả tiền thuê đất tương ứng.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2022		Điều chỉnh hồi tố VND	Đã điều chỉnh lại VND
	Theo báo cáo trước đây VND	1/1/2022		
Chi phí sản xuất, kinh doanh để dang dài hạn				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	91.218.004.496	37.305.220.933		
LNST chưa phân phối				
LNST chưa phân phối	14.20.086.729.206	(93.841.788.946)	1.326.244.940.260	
Tăng khoản vay tương ứng với tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	22.150.542.588	54.619.003.091	61.693.9.651.755	(75.151.873.259)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát				
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.290.000.223.077	(93.467.171.027)	2.196.533.052.050	

45. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2022 VND	2021 VND
Tăng khoản vay tương ứng với tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	22.150.542.588	54.619.003.091
LNST chưa phân phối năm nay	803.147.077.451	(18.689.915.687)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.290.000.223.077	(93.467.171.027)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

	2021	2022
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh nối lại VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	778.540.849.121	37.305.220.933
Lợi nhuận sau thuế TNND	1.323.913.301.495	(37.305.220.933)
Lợi nhuận sau thuế TNND phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ	803.147.077.451	(18.689.915.687)
Lợi nhuận sau thuế TNND phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	520.766.224.044	(18.615.305.246)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.569	(38)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.415	(34)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2021	2022
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh nối lại VND
Lợi nhuận trước thuế	1.456.490.587.241	(37.305.220.933)
Biển động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	968.078.760.713	37.305.220.933

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Nguyễn Thị Ngà
Chuyên viên Kế toán

Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng

Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc



STT	Tên đơn vị	Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khi ban đầu tu vàND	Tổng số vốn tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giá gốc khi ban đầu tu vàND	Tổng số vốn tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giá gốc khi ban đầu tu vàND	31/12/2022	31/12/2022	31/12/2022	31/12/2022	1/1/2022	1/1/2022	1/1/2022	1/1/2022
					1	2	3	4	5	6	7	8
1	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đồng Xuân	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Phuc Long	100%	163.627.554.636	163.627.554.636	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Công ty CP phần Sản xuất Kinh doanh Nguyễn Lành Dệt May Việt Nam	80,74%	24.852.076.451	24.852.076.451	17.282.879.453	17.282.879.453	-	-	-	-	-	-
4	Công ty CP phần Sợi Phù Bai	56,54%	73.657.321.350	73.657.321.350	3.461.864.000	3.461.864.000	-	-	-	-	-	-
5	Công ty CP phần Phát Triển Hỗ Trợ Tặng Dệt May Phú Nộ	51,00%	38.633.449.251	38.633.449.251	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Tổng Công ty CP phần Dệt May Hòa Thanh	61,87%	189.153.465.950	189.153.465.950	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Công ty CP phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	26.032.500.000	26.032.500.000	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Công ty CP Dệt May Huế	60,86%	172.033.729.000	172.033.729.000	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Tổng Công ty CP phần Dệt May Nam Định	53,67%	60,34%	26.032.500.000	26.032.500.000	-	-	-	-	-	-	-
10	Tổng Công ty CP phần Phong Phú	50,10%	532.242.925.014	532.242.925.014	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Mien Bac - Vinatex	100%	500.000.000.000	500.000.000.000	191.301.358.205	191.301.358.205	-	-	-	-	-	-
12	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Mien Nam - Vinatex	100%	33.800.000.000	33.800.000.000	52.00%	52.00%	52.00%	52.00%	52.00%	52.00%	52.00%	52.00%
13	Công ty CP phần Vinatex Phú Hung	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam bao gồm các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

Phụ lục I

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THUỐNG NỀN 2022 ❖

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ									
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	47,56%	47,56%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	33,52%	33,52%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	50,56%	50,56%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
4	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	61,87%	61,87%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thắng Bình	46,08%	46,08%	74,49%	74,49%	74.490.000.000	74.490.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định									
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.876.479.633	2.876.479.633	-	-
7	Công ty TNHH Một thành viên Chăn Len - Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
8	Công ty Cổ phần May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
9	Công ty Cổ phần Dệt Khăn Dệt May Nam Định	33,59%	33,59%	62,58%	62,58%	5.632.500.000	5.632.500.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú									
10	Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	45,09%	45,09%	90%	90%	220.050.000.000	220.050.000.000	-	-
Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex									
11	Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	128.068.211.370	128.068.211.370	-	-
12	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	87,75%	87,75%	87,75%	87,75%	70.200.000.000	70.200.000.000	-	-

Phụ lục 3

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội									
1	Cty Cổ phần Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.360.406	5.107.360.406	-	-
3	Công ty Cổ phần May Halotexco	30,88%	30,88%	53,64%	53,64%	5.107.360.406	3.755.000.000	-	-
4	Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
5	Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
6	Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	31,24%	53,23%	54,26%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
7	Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	77,19%	77,19%	51,32%	51,32%	19.500.000.000	19.500.000.000	13.274.943.881	13.274.943.881

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá	
		31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	VND
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần (i)	26,37%	27,69%	50,400,000,000	50,400,000,000
2	Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần	35,21%	35,21%	31,692,220,000	31,692,220,000
3	Tổng Công ty May Hưng Yên – Công ty Cổ phần	35,01%	35,01%	47,434,460,000	47,434,460,000
4	Công ty Cổ phần May Bình Minh	25,00%	25,00%	13,230,000,000	13,230,000,000
5	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	34,766,360,000	34,766,360,000
6	Công ty Cổ phần May Đồng Nai	25,70%	25,70%	28,108,080,000	28,108,080,000
7	Công ty Cổ phần Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10,143,000,000	10,143,000,000
	Công ty Cổ phần May Chiến Thắng (ii)	-	21,99%	-	6,120,000,000
8	Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9,000,000,000	9,000,000,000
9	Công ty Cổ phần May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	16,407,300,000	16,407,300,000
10	Công ty Cổ phần May Nam Định	30,00%	30,00%	3,600,000,000	3,600,000,000
11	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3,564,000,000	3,564,000,000
12	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610,000,000	610,000,000
13	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134,059,200,000	134,059,200,000
14	Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	98,550,000,000	98,550,000,000
15	Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	33,82%	33,82%	102,273,980,000	102,273,980,000
16	Công ty Cổ phần Dệt May Vien thong Sài Gòn Vina (i)	30,00%	40,33%	85,443,720,435	85,443,720,435
17	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương (i)	30,60%	30,66%	95,877,720,000	95,877,720,000
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	42,40%	44,52%	37,275,000,000	37,275,000,000

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá	
		31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	VND
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Nam Định					
19	Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định	19,32%	19,32%	2,700,000,000	2,700,000,000
20	Công ty CP Đầu tư Dệt May Nam Định	26,81%	26,81%	31,100,000,000	31,100,000,000
21	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	19,32%	19,32%	1,980,000,000	1,980,000,000
22	Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	24,67%	24,67%	13,791,000,000	13,791,000,000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội					
23	Công ty Cổ phần May Đồng Mỵ Hansimex	16,68%	16,68%	1,159,000,000	1,159,000,000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ					
24	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ – Phú Ninh	12,37%	12,37%	4,000,000,000	4,000,000,000
25	Công ty Cổ phần Hòa Thọ – Quảng Nam	19,88%	20,88%	6,428,000,000	6,428,000,000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú					
26	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	80,347,424,000	80,347,424,000
27	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đất HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10,000,000,000	10,000,000,000
28	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	20,04%	20,04%	4,231,000,000	4,231,000,000
29	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewoon – Thủ Đức	22,05%	22,05%	144,586,200,608	144,586,200,608
30	Công ty Cổ phần Dệt Đồng Nam	18,03%	18,03%	21,724,480,000	21,724,480,000
31	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	15,20%	15,20%	56,143,750,000	56,143,750,000
32	Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	15,89%	15,89%	6,341,919,708	6,341,919,708

(i) Trong năm, Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina và Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương đã tăng vốn góp từ bên thứ ba, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu

của Tập đoàn trong các Công ty này.

(ii) Trong năm, Tập đoàn đã thoái toàn bộ vốn ở Công ty Cổ phần May Chiến Thắng.



TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Vietnam National Textile and Garment Group